

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VỤ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

TẬP HUẤN

CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY MÔN HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CÁC TRƯỜNG
CAO ĐẲNG SƯ PHẠM, CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC,
TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

(Tài liệu phục vụ tập huấn)

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Hà Nội, tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

TT	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
1	AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG	3
2	TÍNH NĂNG, CẤU TẠO VÀ CÁCH SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI LỤU ĐẠN THƯỜNG DÙNG, NÉM LỤU ĐẠN	24
3	KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK	33
4	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG SOẠN, GIẢNG BÀI GDQPAN	50
5	PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG	76
6	PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC	62
7	PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	79

CHUYÊN ĐỀ: AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

I. Thực trạng an toàn thông tin hiện nay

1. *Khái niệm an toàn thông tin*

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách và các biện pháp đẩy mạnh phát triển ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), gắn liền với công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trên không gian mạng. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế đã chỉ rõ “phải gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng, phát triển CNTT phải đi đôi với bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia”, đặc biệt cần “phát huy vai trò các lực lượng chuyên trách bảo vệ an toàn, an ninh thông tin và bí mật nhà nước. Thực hiện cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng công an, quân đội, ngoại giao, cơ yếu, thông tin và truyền thông” để có các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật, sẵn sàng đối phó với các cuộc chiến tranh thông tin, chiến tranh mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Theo Nghị định 64-2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước: “*An toàn thông tin là an toàn kỹ thuật cho các hoạt động của các cơ sở hạ tầng thông tin, trong đó bao gồm an toàn phần cứng và phần mềm theo các tiêu chuẩn kỹ thuật do Nhà nước ban hành; duy trì các tính chất bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của thông tin trong lưu trữ, xử lý và truyền dẫn trên mạng*”.

Luật An toàn thông tin mạng được ban hành năm 2015 đã thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo vệ thông tin và hệ thống thông tin, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng. Theo đó: “*An toàn thông tin mạng là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin*”.

Ngày 12/6/2018, Luật An ninh mạng được Quốc hội khóa XIV thông qua với tỷ lệ 86.86%, gồm 7 chương, 43 điều, quy định những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Sự ra đời của Luật An ninh mạng là bước đột phá trong lịch sử lập pháp của Việt Nam, đảm bảo quyền và nghĩa vụ công dân trên không gian mạng. Theo đó: “*An ninh mạng là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân*”. Khác với Luật An toàn thông tin mạng 2015 với mục đích để bảo vệ sự an toàn thông tin trên 03 phương diện: Tính nguyên vẹn của thông tin, tính bảo mật thông tin và tính khả dụng của thông tin; Luật An ninh

mạng 2018 quy định tập trung vào chống lại các thông tin độc hại, xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức, cơ quan trên môi trường mạng.

Xét về khái niệm “*Tội phạm sử dụng công nghệ cao*”, hiện nay luật pháp của nhiều nước trên thế giới như Australia, Mỹ, Anh đã có định nghĩa liên quan đến tội phạm này như: Tội phạm công nghệ cao (high-tech crime), Tội phạm máy tính (computer crime), Tội phạm liên quan đến máy tính (computer-related crime); tội phạm mạng (cybercrime)... Trong Luật Hình sự của Australia, tội phạm công nghệ cao (high-tech crime) được định nghĩa là “sự xâm nhập máy tính một cách trái phép; sự sửa đổi trái phép dữ liệu bao gồm việc phá hủy dữ liệu; tấn công từ chối dịch vụ (DoS); tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDoS); tạo ra và phân phối phần mềm độc hại”. Theo Từ điển luật học Black’s Law, tội phạm máy tính (computer crime) được định nghĩa là: “tội phạm đòi hỏi về kiến thức công nghệ máy tính chẳng hạn như phá hoại hoặc ăn cắp dữ liệu máy tính hay sử dụng máy tính để thực hiện một số tội phạm khác”.

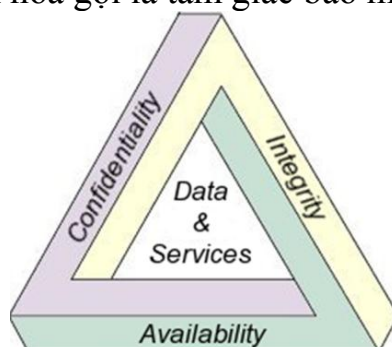
Tại Việt Nam, theo Khoản 1 điều 3 Nghị định số 25/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07 tháng 4 năm 2014 quy định: “Tội phạm có sử dụng công nghệ cao là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự có sử dụng công nghệ cao”. Theo khoản 1 điều 3 của Luật Công nghệ cao năm 2008 quy định: “Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại; tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường; có vai trò quan trọng đối với việc hình thành ngành sản xuất, dịch vụ mới hoặc hiện đại hóa ngành sản xuất, dịch vụ hiện có”.

Theo Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân Việt Nam (2019), tội phạm sử dụng công nghệ cao là loại tội phạm sử dụng những thành tựu mới của khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại làm công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý hoặc vô ý, gây nguy hiểm cho xã hội. Chủ thể của loại tội phạm này thường là những người có trình độ học vấn, chuyên môn cao, có thủ đoạn rất tinh vi, khó phát hiện [4].

Giáo trình “Những vấn đề cơ bản về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao” của Học viện Cảnh sát nhân dân (2015) có đề cập đến khái niệm về tội phạm sử dụng công nghệ cao. Theo đó, tội phạm sử dụng công nghệ cao là: “Tội phạm được thực hiện bằng việc cố ý sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ thông tin ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin số được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống máy tính, xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân” [5].

Nghiên cứu các định nghĩa và khái niệm trên có thể thấy điểm chung trong nội hàm của các khái niệm này đều chỉ các hành vi liên quan đến việc sử dụng máy tính, thiết bị số, khai thác mạng máy tính, mạng viễn thông để gây tổn hại cho lợi ích của các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Tội phạm sử dụng công nghệ cao là tội phạm sử dụng tri thức, kỹ năng, công cụ, phương tiện công nghệ ở trình độ cao tác động trái pháp luật đến thông tin, dữ liệu, tín hiệu được lưu trữ, xử lý, truyền tải trong hệ thống mạng máy tính, mạng viễn thông, thiết bị số,

xâm phạm đến trật tự an toàn thông tin, gây tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân. Trong những hành vi phạm tội sử dụng công nghệ cao có những hành vi tác động trực tiếp đến ba đặc điểm quan trọng nhất của an toàn thông tin (ATTT). ATTT yêu cầu đảm bảo ba đặc điểm là: Tính bí mật (*Confidentiality*), tính toàn vẹn (*Integrity*) và tính sẵn sàng (*Availability*) - được mô hình hóa gọi là tam giác bảo mật CIA.



Hình 1. Tam giác bảo mật CIA

Một giải pháp an toàn bảo mật xây dựng cần nhằm đạt được cả ba mục tiêu cơ bản trên. Cần phân biệt sự khác biệt giữa tính bí mật và tính toàn vẹn. Có những tấn công phá vỡ tính toàn vẹn nhưng không phá vỡ tính bí mật và ngược lại. Nếu ta gửi thông tin trên đường truyền mạng công cộng mà có kẻ bên ngoài xem được thông tin, đó là tính bí mật đã bị vi phạm. Nếu kẻ gian can thiệp sửa đổi, dù chỉ một bit trên những gói tin này và người nhận tin không phát hiện ra sự thay đổi đó, thì tính toàn vẹn đã bị xâm phạm. Mặc dù ta không thể ngăn chặn việc sửa đổi khi các gói tin đi qua các điểm trung gian không thuộc quyền kiểm soát, nếu ta phát hiện được sự thay đổi trái phép, thì ta có thể yêu cầu phát lại. Như vậy tính toàn vẹn vẫn được coi là đảm bảo. Các kỹ thuật mật mã là các công cụ cơ bản nhằm xây dựng dịch vụ đảm bảo tính bí mật và tính toàn vẹn.

2. Thực trạng an toàn thông tin trong khu vực và trên thế giới

Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thông tin là một dạng tài nguyên. Chính vì thế, đảm bảo an ninh, ATTT là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết. Tuy nhiên hiện nay, các mối đe dọa từ không gian mạng không ngừng tăng lên và thay đổi nhanh chóng. An ninh mạng đang trở thành vấn đề nóng, đặt ra nhiều thách thức đối với tất cả các quốc gia trên toàn thế giới. Tình hình ATTT mạng diễn biến phức tạp, liên tục xảy ra các vụ tấn công, xâm nhập, đánh cắp dữ liệu trên hệ thống mạng của các cơ quan chính phủ, các cơ sở an ninh quốc phòng, tập đoàn kinh tế, cơ quan truyền thông của nhiều quốc gia, như các vụ tấn công vào hệ thống thư điện tử của Bộ Ngoại giao Mỹ, hệ thống máy tính của Nhà trắng, Hạ viện Đức, Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại và Cảnh sát liên bang Australia,...

Các mục tiêu tấn công đã thay đổi, kỹ thuật trở nên phức tạp hơn, hướng tấn công đa dạng hơn và công cụ tấn công được thiết kế chuẩn xác hơn. Những kẻ tấn công đã nghiên cứu kỹ các nạn nhân để có những chiến lược tấn công phù hợp, nhằm tạo ra những ảnh hưởng lớn nhất có thể.

Tài chính là mục tiêu lớn nhất thúc đẩy tin tặc hành động, với 73% số lượng các cuộc tấn công mạng; chính trị, tình báo là mục tiêu lớn thứ hai, với 21% các cuộc tấn công.

Các nhóm tội phạm mạng có tổ chức xuất hiện nhiều hơn. Chiến tranh mạng và đội quân tác chiến mạng cũng được chú trọng hơn. Trong cuộc chạy đua vũ trang trên không gian mạng toàn cầu, các quốc gia đang xây dựng các trung tâm chỉ huy không gian mạng, nhằm củng cố hệ thống phòng thủ chống lại các cuộc tấn công mạng vào các cơ quan và cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó, sự phát triển và phổ biến của mạng xã hội đã làm nảy sinh một nguy cơ ATTT nữa đó là việc lan truyền tin tức giả mạo thông qua mạng xã hội, gây ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức, thậm chí là tình hình an ninh, chính trị của cả một đất nước. Tiền ảo và các hành vi tội phạm liên quan đến tiền ảo cũng đang tiếp tục phát triển, bao gồm lây nhiễm phần mềm độc hại đào tiền ảo tới máy tính, máy chủ; lây nhiễm mã độc đào tiền ảo tới một trang web, sử dụng tài nguyên thiết bị của người tải trang web; đánh cắp tiền từ giao dịch tiền ảo. Hình dưới đây mô tả xu thế chung của tấn công mạng hiện nay.



3. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam

Tại Việt Nam, tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, tồn tại nhiều cơ sở gây nguy cơ bị tấn công, phá hoại hạ tầng mạng thông tin, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia. Báo cáo của hãng bảo mật Kaspersky và Symantec cho thấy, Việt Nam đứng thứ 3 (3,96%) sau Nga (4%) và Ấn Độ (8%) về số người dùng di động bị mã độc tấn công nhiều nhất trên thế giới; thứ 6 trên thế giới về số lượng địa chỉ IP trong nước được dùng trong các mạng máy tính ma tấn công nước khác; thứ 7 trên thế giới về phát tán tin nhắn rác và đứng thứ 12 trên thế giới về các hoạt động tấn công mạng. Đáng chú ý là hoạt động tấn công mạng nhằm vào Việt Nam gia tăng về số lượng, gây nguy cơ bị kiểm soát, không chế hệ thống thông tin. Tin tặc nước ngoài thường xuyên lợi dụng các điểm yếu về an ninh mạng của hệ thống thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Việt Nam để tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, chỉnh sửa nội dung.

Năm 2011 có trên 1.500 cổng thông tin Việt Nam bị tin tặc sử dụng mã độc gián điệp dưới hình thức tập tin hình ảnh xâm nhập, kiểm soát, cài mã độc thay đổi giao diện trang chủ. Trong năm 2012 - 2013, Bộ Công an đã phát hiện gần 6.000 lượt cổng thông tin, trang tin điện tử của Việt Nam (trong đó có hơn 300 trang của cơ quan nhà nước) bị tấn công, chỉnh sửa nội dung và cài mã độc. Năm 2014, Bộ Công an phát hiện gần 6.000 trang bị tấn công, chiếm quyền quản trị, chỉnh sửa nội dung (có 246 trang tên miền gov.vn). Đặc biệt, sau sự kiện gián khoan HD 981 hạ đặt trái phép trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam, tin tặc nước ngoài đã tấn công hơn 700 trang mạng Việt Nam và hơn 400 trang trong dịp Quốc khánh (2/9) để chen các nội dung xuyên tạc chủ quyền của

Việt Nam với quần đảo Hoàng Sa. Vào cuối năm 2014, tin tặc cũng đã mở đợt tấn công vào trung tâm dữ liệu của VCCorp khiến nhiều tờ báo mà công ty này đang vận hành kỹ thuật như Dân trí, Người lao động, Soha, VNEconomy, Kenh14... bị tê liệt. Năm 2015 có trên 2.460 website của các cơ quan, doanh nghiệp bị xâm nhập. Nguy cơ từ mã độc và Internet of Things (IoT) bùng nổ tạo “thị trường” lớn cho hacker là hai trong số những nguy cơ an ninh mạng mà người dùng phải đối mặt. Cuối năm 2016, thông tin hơn 73.000 camera IP, trong đó có gần 1.000 camera tại Việt Nam có thể bị theo dõi được công bố rộng rãi. Nguyên nhân là do người dùng chưa có thói quen quan tâm đến an ninh của những thiết bị này, không thay đổi mật khẩu mặc định của hệ thống trước khi kết nối Internet. Bảo mật các thiết bị IoT là rất quan trọng, đặc biệt khi người dùng chưa có thói quen quan tâm đến an ninh cho các thiết bị này.



Hình 3. Màn hình thông tin thông báo chuyến bay bị thay đổi giao diện

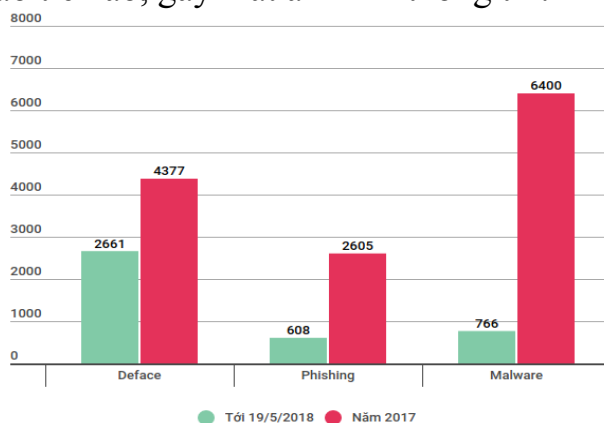
Trong năm 2016, nổi bật là cuộc tấn công mạng vào một số màn hình hiển thị thông tin chuyến bay tại khu vực làm thủ tục chuyến bay của các sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Sân bay quốc tế Nội Bài, sân bay quốc tế Đà Nẵng, sân bay Phú Quốc. Các màn hình của sân bay đã bị chèn những hình ảnh và nội dung xuyên tạc về biển Đông. Hệ thống phát thanh của sân bay cũng phát đi những thông điệp tương tự. Đồng thời website của Vietnam Airlines cũng bị tấn công với 411.000 dữ liệu của hành khách đi máy bay đã bị hacker thu thập và phát tán.

Năm 2017 mã độc tống tiền (ransomware) có tên là Wanna Cry trở thành mối nguy hiểm của ngành công nghệ thông tin và nó lây nhiễm với tốc độ chóng mặt ở gần 100 quốc gia, hơn 100 nghìn máy tính. Tại Việt Nam, ghi nhận hơn 100 máy tính bị nhiễm độc. Wanna Cry là một loại mã nhiễm độc tấn công vào máy nạn nhận qua tệp tin đính kèm email hoặc đường link độc hại, như các dòng ransomware khác. Mối nguy hiểm nhất ở mã độc này là nó có khả năng lây nhiễm trên các máy tính ngang hàng. Cụ thể, Wanna Cry sẽ quét toàn bộ các máy tính trong cùng mạng để tìm kiếm thiết bị chứa lỗ hổng của dịch vụ đọc và ghi file từ máy trạm yêu cầu đến máy chủ trong hệ thống Windows. Từ đó, mã độc có thể lây lan vào các máy có lỗ hổng mà không cần người dùng phải thao tác trực tiếp với file đính kèm hay link độc hại.



Hình 4. Màn hình thông tin đòi tiền chuộc khi nhiễm mã độc WannaCry

Năm 2018, thiệt hại do virus máy tính gây ra đối với người dùng Việt Nam đã lên mức kỷ lục 14.900 tỷ đồng, tương đương 642 triệu USD, nhiều hơn 21% so với mức thiệt hại của năm 2017. Đây là kết quả được đưa ra từ chương trình đánh giá an ninh mạng do Tập đoàn công nghệ Bkav thực hiện tháng 12/2018. Trên phạm vi toàn cầu, tội phạm mạng gây thiệt hại lên tới khoảng 600 tỷ USD mỗi năm, tương đương 0,8% GDP toàn cầu. Trong đó, khu vực Đông Á thiệt hại ước tính từ 120 – 200 tỷ USD, tương đương 0,53 – 0,89% GDP khu vực. Mức thiệt hại 642 triệu USD tương đương 0,26% GDP của Việt Nam tuy chưa phải cao so với khu vực và thế giới, nhưng cũng là kỷ lục đáng báo động. 60% hệ thống mạng cơ quan, doanh nghiệp bị nhiễm mã độc đào tiền ảo. Theo Bkav, có tới hơn 60% cơ quan, doanh nghiệp tại Việt Nam bị nhiễm mã độc đào tiền ảo. Trung bình cứ 10 cơ quan, doanh nghiệp, thì có 6 nơi bị mã độc chiếm quyền điều khiển máy tính đào tiền ảo, gây mất an ninh thông tin.



Hình 5. Tình hình an toàn thông tin tại Việt Nam năm 2017 – 2018

Trong năm 2019, số cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin Việt Nam có chiều hướng giảm. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Bộ TT&TT ghi nhận 3.159 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 2.684 cuộc, tương đương 45,9% so với cùng kỳ năm 2018. Theo Cục ATTT (Bộ TT&TT) trong 4 tháng đầu năm 2020 tổng cộng 1.056 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam dẫn đến sự cố (553 cuộc Phishing, 280 cuộc Deface, 223 cuộc Malware), đã giảm 51,4% với 4 tháng đầu năm 2019.

Đạt được những kết quả trên cho thấy việc nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức và người dùng, thông qua các hội nghị, hội thảo cũng như các chương trình tập huấn, diễn tập. Bên cạnh đó, các quy định, chế tài pháp luật đã đầy đủ và có tính răn đe hơn như sự ra đời của Luật An ninh mạng có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Sự phối hợp và tuân thủ của các tổ chức Internet lớn trên thế giới với luật pháp Việt Nam cũng tốt hơn. Đặc biệt, nhận thức về ATTT của tổ chức, cá nhân đã được nâng cao, các biện pháp phòng vệ chủ động đã tốt hơn, công tác đánh giá an toàn thông tin được thực hiện nhiều hơn.

Trong Chỉ thị 01 về định hướng phát triển ngành TT&TT năm 2020, Bộ trưởng Bộ TT&TT đã nhấn mạnh, an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết để phát triển Chính phủ điện tử và chuyển đổi số, do đó phải đi trước một bước. Chỉ thị 01 cũng nêu rõ các chỉ tiêu cần đạt được trong năm 2020 của lĩnh vực an toàn, an ninh mạng như: 100% cơ quan, tổ chức tại Việt Nam triển khai bảo vệ

an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp; 100% bộ, ngành, địa phương triển khai các giải pháp điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia của Bộ TT&TT...

II. Các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng

1. Spam, tin giả trên mạng xã hội, thư điện tử

1.1. Spam

Spam hay còn gọi là tin rác, là viết tắt của Stupid Pointless Annoying Messages, từ này có ý nghĩa là những thông điệp vô nghĩa và gây phiền toái cho người nhận, được gửi đến nhiều người dùng với cùng một nội dung [1].

Thuật ngữ spam lần đầu xuất hiện vào năm 1978, khi một người đàn ông gửi thư có nội dung y hệt nhau đến 393 người cùng lúc để quảng cáo sản phẩm mới của mình. Ngày nay, spam xuất hiện trên nhiều phương tiện như spam chat, spam tin tức, spam tin nhắn, spam trong forum, spam trên những mạng xã hội.

1.2. Tin giả

Theo định nghĩa của từ điển Collins, tin giả là “những thông tin sai sự thật, thường là tin giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức”.

Tin giả được tạo ra bằng nhiều hình thức tinh vi. Đặc biệt, hiện nay nhiều đối tượng đã sử dụng CNTT làm giả tiếng, giả hình, giả video để tạo ra tin giả.

- Giả hình: Công nghệ cắt ghép tạo hình ảnh người giả y như thật để tạo ra tin tức giả, nhiều người nổi tiếng đã là nạn nhân. Và nguy hại hơn nếu họ cắt ghép với hình ảnh những chính trị gia, người có uy tín cộng đồng để tạo dư luận giả.

- Giả tiếng: Sử dụng công nghệ TTP (công cụ chuyển văn bản thành tiếng nói - text to speech) để tạo ra các cuộc gọi tự động với giọng robot thu sẵn. Từ nhiều năm trước đã có những người sử dụng công nghệ này để thay họ đọc thông tin, tin tức do họ "xào nấu" ra. Hiện nhiều người đang dùng công nghệ này cho các chương trình trên YouTube.

- Giả video: Thực hiện bằng cách cắt ghép hình ảnh người dẫn chương trình lồng vào dẫn bản tin giả. Clip giả nhưng có người dẫn chương trình sống động như thật. Loại hình ảnh giả này "buộc" người xem nghĩ đó là những thông tin thật vì có hình ảnh quen mặt của người dẫn chương trình truyền hình.

Tin giả có thể được tạo và lan truyền nhằm các mục đích sau:

- Chính trị: Tin giả được lợi dụng vào các âm mưu chính trị và làm rối loạn XH.
- Thương mại: Ngày càng nhiều người biết cách tận dụng công cụ hiện đại, những nền tảng mạng xã hội để phát tán thông tin giả. Số lượng tin giả đối với doanh nghiệp, kinh doanh cũng tăng lên tỷ lệ thuận với tin giả trong các lĩnh vực khác nói chung. Các cách thức phát tán tin giả với doanh nghiệp phổ biến như, đối thủ cạnh tranh sử dụng tin giả để tấn công phía bên kia, dùng những cách thức để bôi xấu về những sự cố đã từng xảy ra trong quá khứ và khi một sự cố vừa xảy ra thì họ sẽ tìm mọi cách để họ nhân rộng sự lên. Hay những tin giả hoàn toàn không có thật liên quan đến vấn đề kinh doanh, vấn đề quan hệ cá nhân của những cán bộ cấp cao, vấn đề bằng cấp, đầu tư mờ ám, liên quan đến nguồn tiền bất hợp pháp có rất nhiều cách thức để làm ảnh hưởng đến một

doanh nghiệp, đối thủ. Tin giả bịa đặt dễ gây bức xúc, tâm lý "tăng tương tác, tăng bán hàng" đã khiến một bộ phận bán hàng trực tuyến chủ động tạo và lan truyền tin giả với mục đích kinh tế hết sức rõ ràng.

1.3. Xử lý hành vi tạo và lan truyền tin giả:

Nghị định 15 có hiệu lực từ ngày 15-4-2020 thay thế cho Nghị định 174/2013/NĐ-CP ngày 13-11-2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện. Một nội dung đáng chú ý trong Nghị định 15 đó là quy định rõ hơn về hành vi vi phạm và trách nhiệm sử dụng dịch vụ mạng xã hội, kèm theo là mức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi tung thông tin giả mạo, gây hoang mang dư luận trên mạng XH.

- Điều 101, Nghị định 15 quy định phạt tiền từ 10-20 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc.

- Nghị định 15 quy định rất cụ thể các hành vi vi phạm về chống thư rác, tin nhắn rác và cung cấp dịch vụ nội mạng. Mức phạt lên đến 80 triệu đồng đối với hành vi gửi hoặc phát tán thư điện tử rác, tin nhắn rác, phần mềm độc hại (tăng cao so với mức xử phạt được quy định tại Nghị định 174/2013/NĐ-CP chỉ từ 40-50 triệu đồng). Riêng đối với hành vi không ngăn chặn, thu hồi số thuê bao được dùng để phát tán tin nhắn rác thì mức phạt tiền sẽ từ 180-200 triệu đồng.

Đối với các hành vi kể trên, ngoài phạt tiền còn bị áp dụng thêm các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả như: đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ từ 1-3 tháng; tước quyền sử dụng mã số quản lý, tên định danh từ 1-3 tháng; buộc thu hồi đầu số, kho số viễn thông.

Ngoài phạt tiền, người vi phạm còn bị buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả: gỡ bỏ thông tin sai sự thật, gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm.

Theo thông tin từ đại diện Bộ Công an tại cuộc họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 1-2020, liên quan đến việc xử lý người dân đăng tin sai lệch về tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của vi rút Corona, Bộ đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương vào cuộc đấu tranh, triệu tập các đối tượng, xử lý, yêu cầu cam kết gỡ bỏ, căn cứ theo Khoản 3, Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và quy định trong việc loan tin đồn sai qua mạng, xử phạt vi phạm hành chính khoảng 800 người.

2. Đăng tải các thông tin độc hại vi phạm ANQG, trật tự ATXH

Theo Điều 8 Luật An ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

1. Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

- a) Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;
- b) Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

d) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

đ) Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

e) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

2. Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

4. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

5. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

6. Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Theo Khoản 1, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

a) Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;

b) Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước;

c) Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc.

Theo Khoản 2, Điều 16. Thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng bao gồm:

a) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, gây chia rẽ, tiến hành hoạt động vũ trang hoặc dùng bạo lực nhằm chống chính quyền nhân dân;

b) Kêu gọi, vận động, xúi giục, đe dọa, lôi kéo tụ tập đông người gây rối, chống người thi hành công vụ, cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định về an ninh, trật tự.

3. Chiếm đoạt tài khoản mạng xã hội

Một số hình thức, thủ đoạn được các đối tượng sử dụng để chiếm đoạt mạng xã hội như sau:

- Hình thức Phishing: Đây là hình thức chiếm đoạt một tài khoản facebook phổ biến nhất hiện nay và cho đến bây giờ nó vẫn là cách được hacker sử dụng nhiều nhất. Không riêng gì facebook mà hầu hết các loại website nào mà có account đăng nhập đều sử dụng được hình thức này. Sau đây là nguyên lý hoạt động:

+ Kẻ tấn công sẽ phát tán một đường link ở nhiều nơi và nhất là trên Facebook với những tiêu đề gây sốc như: Click vào đây để xem xxx gây kích thích và sự tò mò cho người xem.

+ Khi người dùng click vào đường dẫn sẽ được đưa đến một website có giao diện giống 100% facebook và yêu cầu bạn đăng nhập tài khoản của mình. Đây không phải là trang facebook mà chỉ là một website có giao diện giống facebook. Nếu người dùng đăng nhập tài khoản facebook vào thì tất cả tài khoản, mật khẩu sẽ được gửi về email hay sever của kẻ tấn công, như vậy các hacker đã dễ dàng lấy được nick facebook của người dùng.

- Dò mật khẩu: Sau phishing facebook thì đây là một hình thức phổ biến tuy xác suất thành công không cao nhưng không thể không nói đến nó vì có nhiều người dùng sử dụng những mật khẩu quá đơn giản kiểu như: 123456 , matkhu, số điện thoại , họ và tên....Đây là những sai lầm ở phía người dùng khi đặt mật khẩu facebook. Hacker sử dụng những phần mềm chuyên dò pass để đi dò mật khẩu nick facebook của người dùng. Với cách này bản chất nó không phải hack mà là mò pass facebook nhưng một khi bị mất mật khẩu thì đồng nghĩa với việc bạn bị mất tài khoản.

- Sử dụng trojan, Keylog: Kẻ tấn công sẽ chèn một đoạn mã vào một ứng dụng, tập tin nào đó rồi gửi thông qua inbox, comment trên facebook hay bất cứ đâu. Khi người dùng click vào đường dẫn đó thì ứng dụng, tập tin đó sẽ được tự động tải về máy, sau đó keylog sẽ ghi lại tất cả những thao tác trên bàn phím của người dùng rồi gửi về cho kẻ tấn công.

- Sử dụng chương trình khuyến mãi - trúng thưởng hay Mini Game: Hacker sẽ giả chương trình trúng thưởng - khuyến mãi trên danh nghĩa của Facebook (trúng thưởng xe máy, ô tô, tiền mặt... có giá trị cao) và yêu cầu người dùng xác nhận bằng cách truy cập vào đường link lạ. Các Mini game trên facebook như: "Bạn giống cầu thủ bóng đá nào?", "Tương lai bạn sẽ kết hôn với ai?", "Ai là người quan tâm bạn nhất?","... Cũng được những kẻ này sử dụng để chiếm lấy tài khoản facebook bằng cách buộc người chơi đăng nhập mật khẩu trước khi tham gia.

- Lỗ hổng bảo mật facebook: Là hình thức tấn công nick facebook mạng tên "3 Friends". Đây là hình thức lấy lại mật khẩu của facebook thông qua việc sử dụng 3 người bạn facebook bất kì trong danh sách bạn bè. Ví dụ khi bạn quên mật khẩu thì bạn có thể gửi yêu cầu để facebook gửi 3 mã code về cho 3 người bạn này.

Kẻ tấn công chiếm đoạt tài sản mạng xã hội nhằm các mục đích sau:

- Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.
- Hack nick facebook vì những thù hằn của cá nhân.

4. Chiếm quyền giám sát Camera IP

Trong những năm gần đây, thị trường Camera IP wifi phát triển nhanh chóng do nhu cầu sử dụng của người dân tăng mạnh. Những thiết bị này chủ yếu

có nguồn gốc xuất xứ từ Trung Quốc, Đài Loan với giá thành rất rẻ. Tuy nhiên, đi kèm theo đó là các rủi ro và nguy cơ bảo mật. Đã có nhiều gia đình, cá nhân bị lộ clip riêng tư do camera giám sát bị các đối tượng xấu chiếm quyền giám sát. Một số thủ đoạn:

Cách thứ nhất: Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera bằng cách Quét (Scan) IP và Port của Camera rồi sau đó Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép. Cách này rất phổ biến, bởi đa số người dùng camera hiện tại thường sử dụng Password mặc định của nhà cung cấp.

Cách thứ hai: Hacker sẽ dùng một phần mềm gián điệp cài trên Camera quan sát để tạo thành một mạng Botnet sử dụng trong một hình thức tấn công nổi tiếng đó là DDOS.

Ví dụ: Ngày 28/12/2019, video được đăng trên một trang web phim người lớn được cho là quay lại cảnh sinh hoạt của ca sĩ Văn Mai Hương. Những video này được ghi lại từ năm 2015 qua camera IP (camera giám sát) trong căn hộ của nữ ca sĩ.

5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Kịch bản lừa đảo thông báo trúng thưởng với giải thưởng cực lớn đang quay trở lại hoành hành trên Facebook. Sau khi chiếm đoạt tài khoản Facebook cá nhân, nhiều đối tượng còn tung ra nhiều chiêu trò để lừa đảo khiến nhiều người dùng mất đi một khoản tiền không hề nhỏ. Ngay sau khi có tài khoản đã được đánh cắp, đối tượng sẽ thực hiện ngay việc chat với bạn bè/người thân hỏi thăm về sức khỏe, công việc và sau đó nhờ nhận hộ một số tiền chuyển từ nước ngoài về. Nạn nhân không biết tài khoản Facebook kia đã bị tấn công nên tin tưởng và sẵn sàng giúp đỡ.

Không chỉ vậy, nạn nhân còn có nguy cơ bị tấn công lấy tài khoản ngân hàng thông qua hình thức tấn công phishing. Sau khi thống nhất số tiền sẽ chuyển, đối tượng lừa đảo dùng một số điện thoại từ nước ngoài sẽ gửi 1 tin nhắn giả mạo thông báo từ Western Union đến số điện thoại của nạn nhân với nội dung đề nghị truy cập đường link trong tin nhắn SMS và xác nhận để có thể nhận được tiền Western Union.

Nạn nhân không biết đây là trang web phishing (một hình thức lừa đảo giả mạo các tổ chức uy tín như ngân hàng) nên đã nhập các thông tin tài khoản, mật khẩu internet banking vào trang web giả mạo rồi gửi đi và đối tượng lừa đảo sẽ nhận được. Từ đó, đối tượng lừa đảo dùng thông tin internet banking vừa chiếm được từ nạn nhân để thực hiện giao dịch qua cổng thanh toán trực tuyến VTC Pay và cổng thanh toán VNPAY.

6. Deep web và Dark web



Hình 10. Surface web, Deep web và Dark web

6.1. Deep web

Thuật ngữ Internet và World Wide Web thường được sử dụng thay cho nhau, nhưng thực ra chúng không phải là một. Internet đề cập đến một mạng lưới rộng lớn của các mạng, hàng triệu kết nối máy tính trên khắp thế giới, nơi bất kỳ máy tính nào cũng có thể giao tiếp với nhau, miễn là chúng được kết nối Internet. World Wide Web là một mô hình chia sẻ thông tin, được xây dựng trên Internet, sử dụng giao thức HTTP, các trình duyệt như Chrome, Firefox và các trang web để chia sẻ thông tin. Web là một phần to lớn của Internet nhưng không phải là thành phần duy nhất. Ví dụ: email, tin nhắn không phải là một phần của web nhưng là một phần của Internet.

Web trên bề mặt (tiếng Anh: Surface web): Theo tạp chí PC Magazine, web bề mặt là một phần web có sẵn cho công chúng, hoàn chỉnh với những liên kết được công cụ tìm kiếm lập chỉ mục. BrightPlanet, một dịch vụ web thông minh, xác định web bề mặt chỉ chứa những trang web được lập chỉ mục và có thể được tìm kiếm bởi các công cụ tìm kiếm phổ biến như Google, Bing, Yahoo. Đôi khi, chúng còn được gọi là web hữu hình. Web bề mặt thường bao gồm những trang web có tên miền kết thúc bằng .com, .org, .net, .vn hoặc các biến thể tương tự. Nội dung của các trang web này không yêu cầu bất kỳ cấu hình đặc biệt nào để truy cập.

Web chìm (tiếng Anh: Deep web) hay còn gọi là web ẩn (invisible web, undernet, hay hidden web) là từ dùng để chỉ các trang hoặc nội dung trên thế giới mạng World Wide Web không thuộc về Web nổi (surface Web). Chúng gồm những trang không được đánh dấu, chỉ mục (index) và không thể tìm kiếm được khi dùng các công cụ tìm kiếm thông thường.

Web chìm bao gồm nhiều ứng dụng rất phổ biến như web mail và ngân hàng trực tuyến nhưng nó cũng bao gồm các dịch vụ mà người dùng phải trả tiền, và được bảo vệ bởi một paywall, như video theo yêu cầu, một số tạp chí và báo chí trực tuyến, và nhiều hơn nữa. Nó bao gồm email trong tài khoản Gmail, các bản kê ngân hàng trực tuyến, mạng nội bộ, tin nhắn trực tiếp qua Twitter, hình ảnh được đánh dấu riêng tư khi tải lên Facebook. Chính phủ, các nhà nghiên cứu và các công ty lưu trữ dữ liệu thô không thể tiếp cận được với công chúng. Nội dung này được lưu trữ trên các trang web động (được xây dựng dựa trên thông tin truy vấn) và những trang bị khóa, những trang cá nhân không liên kết ra bên ngoài. Theo Trend Micro, một phần quan trọng của Deep Web là được dành riêng cho những blog cá nhân hoặc chính trị, các trang tin tức, diễn đàn thảo luận, các trang web tôn giáo và thậm chí đài phát thanh.

6.2. Dark web

Mỗi thiết bị được kết nối với Internet đều có địa chỉ IP (Internet protocol) duy nhất. Tên và địa chỉ vật lý của một người có thể có được thông qua một nhà cung cấp dịch vụ Internet với sự cho phép hợp pháp, còn IP cho phép bất cứ ai xác định vị trí của máy tính được kết nối. Do đó, các bên liên quan sẽ dễ dàng tìm được một người sử dụng Internet cụ thể.

Với mong muốn ẩn danh - đặc biệt là chính phủ khi tìm cách bảo vệ những thông tin, mạng lưới tình báo nhạy cảm - đã dẫn đến sự ra đời và phát triển của The Onion Router (Tor) do đội ngũ nhân viên phòng thí nghiệm nghiên cứu Hải

Quân Hoa Kỳ tạo ra. Tên Onion (củ hành) bắt nguồn từ việc bạn phải lột ra nhiều "lớp vỏ" để có thể tìm thấy danh tính thật sự của người dùng.

Tor, được phát hành miễn phí cho người dùng vào năm 2004, cung cấp sự riêng tư bằng cách mã hóa và điều hướng lưu lượng truy cập thông qua một sê-ri "đường hầm ảo (virtual tunnel)", phân phối các giao dịch qua nhiều máy tính ngẫu nhiên trên Internet, do đó, không một máy tính nào liên kết người dùng đến cơ sở hoặc điểm đến của họ. Không giống như những trang web bề mặt (kết thúc bằng .com, .org, .net hoặc các biến thể tương tự), các trang Tor kết thúc bằng .onion và chỉ có thể được mở bằng phần mềm Tor.

Dark web (tạm dịch: web tối) là những nội dung mạng World Wide Web không thể truy cập bằng những cách thông thường mà phải sử dụng các phần mềm chuyên biệt [3]. Dark web là một phần nhỏ của deep web, một thế giới mạng mà các công cụ tìm kiếm như Google hay Bing không hiển thị ra.

Một số hoạt động thường thấy ở Dark Web:

- Chợ đen: Nhiều hoạt động thương mại bất hợp pháp diễn ra trên Dark web, ví dụ như: buôn bán tiền giả, thẻ ngân hàng hay tài khoản mạng bị đánh cắp, súng, ma túy và các chất kích thích, các sản phẩm không rõ nguồn gốc khác.

- Khủng bố: Vì tính ẩn danh cao, nhiều tổ chức tội phạm khủng bố như IS sử dụng không gian Dark web để phát tán các nội dung đến người dùng. Nói đến khủng bố thì không chỉ là IS mà còn có các tổ chức Mafia khác sử dụng mạng lưới này, đã từng có trường hợp chúng nhận hợp đồng thanh toán một người và hợp đồng đó đã ở trạng thái được thực thi.

- Khiêu dâm: Khiêu dâm trẻ em, ngược đãi hoặc làm tình với động vật, phát tán video quay lén là những nội dung hiện hữu trên dark web. Các nội dung này đều bị các tổ chức bảo vệ trẻ em cũng như các nước trên thế giới lên án và cố gắng dẹp bỏ

- Lừa đảo: Không hiếm những trường hợp lừa tiền hoặc thanh toán người khác trên Dark Web được thực thi.

III. PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

1. Cơ sở pháp lý

1.1. Bộ luật Hình sự năm 2015

a. Hoàn cảnh ra đời

Ngày 27/11/2015, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Bộ luật Hình sự. Ngày 20/6/2017, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13. BLHS số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, tạo môi trường xã hội và môi trường sinh thái an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của nước ta.

b. Hiệu lực thi hành

Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Gọi tắt là Bộ luật Hình sự) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018.

c. Bố cục của Bộ luật Hình sự

Bộ luật hình sự gồm 26 Chương và 526 Điều, bao gồm:

- Chương I. Điều khoản cơ bản (Điều 01 – Điều 04).
- Chương II. Hiệu lực của bộ luật hình sự (Điều 05 – Điều 07)
- Chương III. Tội phạm (Điều 8 – Điều 19).
- Chương IV. Những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự (Điều 20– Điều 26).
- Chương V. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự (Điều 27 – Điều 29).
- Chương VI. Hình phạt (Điều 30 – Điều 45).
- Chương VII. Các biện pháp tư pháp (Điều 46 – Điều 49).
- Chương VIII. Quyết định hình phạt (Điều 50 – Điều 59).
- Chương IX. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt (Điều 60 – Điều 68).
- Chương X. Xóa án tích (Điều 69– Điều 73).
- Chương XI. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội (Điều 74 – Điều 89).
- Chương XII. Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội (Điều 90 – Điều 107).
- Chương XIII. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia (Điều 108 – Điều 122).
- Chương XIV. Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người (Điều 123 – Điều 156).
- Chương XV. Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân (Điều 157 – Điều 167).
- Chương XVI. Các tội xâm phạm sở hữu (Điều 168 – Điều 180).
- Chương XVII. Các tội phạm chế độ hôn nhân và gia đình (Điều 181 – Điều 187).
- Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Điều 188 – Điều 234).
- Chương XIX. Các tội phạm về môi trường (Điều 235 – Điều 246).
- Chương XX. Các tội phạm về ma túy (Điều 247 – Điều 259).
- Chương XXI. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (Điều 260 – Điều 329).
- Chương XXII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính (Điều 330 – Điều 351).
- Chương XXIII. Các tội phạm về chức vụ (Điều 352 – Điều 366).
- Chương XXIV. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp (Điều 367– Điều 391).
- Chương XXV. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu (Điều 392– Điều 420).
- Chương XXVI. Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (Điều 421– Điều 426).

Trong đó các Điều khoản trong luật thực hiện với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng được quy định tại **Mục 2. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông** Chương XII gồm các Điều 285 đến 294.

+ Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

+ Điều 286. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

+ Điều 287. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử.

+ Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông.

+ Điều 289. Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác.

+ Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

+ Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng.

+ Điều 292. Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông

+ Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh.

+ Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại.

1.2. Luật An toàn thông tin 2015

a. Hoàn cảnh ra đời

Hiện nay, mạng Internet đã trở thành công cụ trung tâm để phát triển nền kinh tế và xã hội của mọi quốc gia. Đối với Việt Nam, mạng internet cũng được coi là công cụ, phương tiện quan trọng để thực hiện mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh trong một thế giới cạnh tranh và toàn cầu hóa. Vì vậy, Việt Nam cần có các quy định pháp lý về an toàn thông tin để nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm ATTT, tạo môi trường bình đẳng cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

b. Hiệu lực thi hành

Luật An toàn thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

c. Bố cục của Luật An toàn thông tin

Luật An toàn thông tin mạng gồm 08 Chương và 54 Điều, bao gồm:

- Chương I. Những quy định chung (Điều 01 – Điều 08) Chương này quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, giải thích từ ngữ, nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng, chính sách của nhà nước, hợp tác quốc tế, những hành vi bị cấm trong hoạt động an toàn thông tin mạng và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thông tin mạng.

- Chương II. Bảo đảm an toàn thông tin mạng (Điều 09 – Điều 29) Chương này quy định 04 mục: Bảo vệ thông tin mạng; Bảo vệ thông tin cá nhân; Bảo vệ hệ thống thông tin; Ngăn chặn xung đột thông tin trên mạng.

- Chương III. Mật mã dân sự (Điều 30 – Điều 36) Chương này quy định các nội dung liên quan đến sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và các hoạt động có liên quan đến kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự.

- Chương IV. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng (Điều 37 – Điều 39) Chương này quy định các nội dung về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng; quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn thông tin mạng và chứng nhận, công bố hợp quy và đánh giá, kiểm định an toàn thông tin mạng.

Chương V. Kinh doanh trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng (Điều 40 – Điều 48), gồm 02 mục: Giấy phép kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin mạng; Quản lý nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng.

Đây là lĩnh vực rất mới, hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng còn chưa đầy đủ, nên Luật an toàn thông tin mạng hướng tới việc hoàn thiện hành lang pháp lý đảm bảo thông thoáng, công bằng, phù hợp với thông lệ quốc tế, thúc đẩy thị trường phát triển bền vững

- Chương VI. Phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin mạng (Điều 49 – Điều 50). Chương này quy định về các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn thông tin mạng, văn bằng, chứng chỉ đào tạo về an toàn thông tin mạng tại Việt Nam, thể hiện đúng đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian vừa qua.

- Chương VII. Quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng (Điều 51 – Điều 52). Hệ thống hoá thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, qua đó giúp các cơ quan này có thể tham chiếu một cách hệ thống, cơ bản về các quyền hạn và trách nhiệm của mình trong quá trình đảm bảo an toàn thông tin bên cạnh việc xác định các nội dung cụ thể xoay quanh nội dung quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, bao gồm các hoạt động xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; hoạt động xây dựng và hoàn thiện thể chế; tổ chức thực thi các văn bản; quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; hoạt động thanh tra kiểm tra; hợp tác quốc tế...

- Chương VIII. Điều khoản thi hành (Điều 53 – Điều 54) quy định về hiệu lực thi hành.

1.3. Luật An ninh mạng 2018

a. Hoàn cảnh ra đời

Trước yêu cầu cấp bách của tình hình an ninh mạng trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; khắc phục những tồn tại, hạn chế cơ bản trong công tác bảo vệ an ninh mạng; thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về an ninh mạng; bảo đảm sự phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 12/6/2018, Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 5 đã thông qua dự thảo Luật An ninh mạng với 86,86% đại biểu đồng ý.

b. Hiệu lực thi hành

Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

c. Bố cục của Luật An ninh mạng

Luật An ninh mạng gồm 07 Chương, 43 Điều. Bố cục của Luật cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 9 điều, (từ Điều 1 đến Điều 9) quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; chính sách của Nhà nước về an ninh mạng; nguyên tắc bảo vệ an ninh mạng; biện pháp bảo vệ an ninh mạng; bảo vệ không gian mạng quốc gia; hợp tác quốc tế về an ninh mạng; các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng.

Chương II. Bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, gồm 6 điều (từ Điều 10 đến Điều 15), quy định về hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; thẩm định an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; đánh giá điều kiện an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; giám sát an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

Chương III. Phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng, gồm 7 điều (từ Điều 16 đến Điều 22), quy định về phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trên không gian mạng; phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tấn công mạng; phòng, chống khủng bố mạng; phòng ngừa, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng; đấu tranh bảo vệ an ninh mạng.

Chương IV. Hoạt động bảo vệ an ninh mạng, gồm 7 điều (từ Điều 23 đến Điều 29), quy định về triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương; kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức không thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; bảo vệ an ninh mạng đối với cơ sở hạ tầng không gian mạng quốc gia; củng kết nối mạng quốc tế; bảo đảm an ninh thông tin trên không gian mạng; nghiên cứu, phát triển an ninh mạng; nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng; bảo vệ trẻ em trên không gian mạng.

Chương V. Bảo đảm hoạt động bảo vệ an ninh mạng, gồm 6 điều (từ Điều 30 đến Điều 35), quy định về lực lượng bảo vệ an ninh mạng; bảo đảm nguồn nhân lực bảo vệ an ninh mạng; tuyển chọn, đào tạo, phát triển lực lượng bảo vệ an ninh mạng; giáo dục, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ an ninh mạng; phổ biến kiến thức về an ninh mạng; kinh phí bảo vệ an ninh mạng.

Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gồm 7 điều (từ Điều 36 đến Điều 42), quy định về trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ; trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng không gian mạng.

Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 01 điều (Điều 43), quy định về hiệu lực thi hành.

2. Các biện pháp

2.1. Thứ nhất: Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng.

Ngày nay, quan niệm về lãnh thổ, chủ quyền, biên giới của một quốc gia không chỉ là đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời, mà cả lãnh thổ không gian mạng, chủ quyền không gian mạng. Theo đó, lãnh thổ không gian mạng là một bộ phận hợp thành lãnh thổ quốc gia, nơi xác định biên giới mạng và thực thi chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

Bảo vệ chủ quyền quốc gia còn là bảo vệ không gian mạng của quốc gia, bao gồm, bảo vệ các hệ thống thông tin; các chủ thể hoạt động trên không gian mạng; hệ thống dữ liệu, tài nguyên mạng; các quy tắc xử lý và truyền số liệu. Đảm bảo quyền bình đẳng trong tham dự quản lý mạng Internet quốc tế; độc lập trong vận hành hạ tầng cơ sở thông tin thuộc lãnh thổ quốc gia; bảo vệ không gian mạng quốc gia không bị xâm phạm và quyền quản trị truyền tải cũng như xử lý số liệu của quốc gia.

Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cần nhận thức rõ các nguy cơ đến từ không gian mạng như: tấn công mạng, gián điệp mạng, khủng bố mạng, tội phạm mạng, đặc biệt là nguy cơ chiến tranh mạng đang là thách thức gay gắt về an ninh, và bảo đảm an ninh mạng đang trở thành trọng tâm ưu tiên của quốc gia. Vì vậy, cần quán triệt các quan điểm của Đảng về phát triển khoa học công nghệ và chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các định hướng hành động của Việt Nam trong bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên không gian mạng và nhận thức rõ rằng, đe dọa trên không gian mạng là một trong những mối đe dọa thực tế và nguy hiểm nhất đối với an ninh quốc gia hiện nay.

2.2. Thứ hai: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.

Phổ biến các điều khoản của Bộ luật Hình sự 2015 (Mục 2, Điều 285-294) liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15-7-2013 của Chính phủ và Thông tư số 09/2014/BTTTT ngày 19-8-2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội, những hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng mạng xã hội.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục Luật An ninh mạng năm 2018. Luật An ninh mạng được xây dựng nhằm bảo vệ người dùng hợp pháp trên không gian mạng; phòng ngừa, đấu tranh, làm thất bại hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, chống Nhà nước, tuyên truyền phá hoại tư tưởng, phá hoại nội bộ, kích động biểu tình, phá rối an ninh trên mạng của các thế lực phản động. Phòng ngừa, ngăn chặn, ứng phó, khắc phục hậu quả của các đợt tấn công mạng, khủng bố mạng và phòng, chống nguy cơ chiến tranh mạng.

Tuyên truyền sâu rộng về những hành vi bị cấm trong Luật An ninh mạng, nhất là các hành vi sử dụng không gian mạng để tuyên truyền chống Nhà nước; tổ chức, hoạt động, cấu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn

luyện người chống Nhà nước; xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc; thông tin sai sự thật; hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội; phá hoại thuần phong, mỹ tục; xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội; thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi.

Các hình thức giáo dục cần được vận dụng đa dạng, phong phú và linh hoạt như: phối hợp giữa cơ quan chức năng với các cơ quan, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục tổ chức nói chuyện chuyên đề, phổ biến pháp luật; tuyên truyền Luật An ninh mạng; các cuộc thi tìm hiểu về an toàn thông tin; góp ý xây dựng chương trình giáo dục an toàn thông tin mạng của các cơ sở giáo dục hoặc tham gia biên soạn các tài liệu liên quan đến an toàn thông tin mạng.

2.3. Thứ ba: Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng.

Hoạt động tấn công không gian mạng rất đa dạng và tinh vi như: làm mất kết nối Internet, đánh sập các website của chính phủ, cơ quan, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp; giả mạo các website nhằm lừa đảo; cài gắm vào máy tính cá nhân hoặc lấy tài khoản và mật khẩu; đánh cắp dữ liệu cá nhân (hình ảnh, file, video); tấn công bằng mã độc (theo tệp đính kèm trong email hoặc ẩn trong quảng cáo Skype); tấn công ẩn danh bằng những phần mềm độc hại (phần mềm diệt virus, các trình duyệt); tấn công qua usb, đĩa CD, địa chỉ IP, server...

Ở mức độ cao hơn, các thế lực thù địch có thể thông qua block cá nhân lôi kéo, kích động các phần tử bất mãn, tập hợp lực lượng, thành lập các tổ chức chống đối như Việt Tân, Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời, Thanh Niên Dân Chủ,... núp dưới vỏ bọc các tổ chức “xã hội dân sự”, “diễn đàn dân chủ” để xuyên tạc cương lĩnh, đường lối, quan điểm, nền tảng tư tưởng của Đảng.

Các thế lực thù địch còn lợi dụng báo điện tử, các website, dịch vụ thư điện tử, mạng xã hội facebook, Zalo, Twitter, diễn đàn,... để phát tán các tài liệu, kêu gọi tuần hành, biểu tình, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chống phá chính quyền, chia rẽ mối đoàn kết giữa Đảng và Nhân dân hoặc sử dụng “khoảng trống thông tin” để tấn công vào sự hiếu kỳ của công chúng; làm mới thông tin cũ, bịa đặt thông tin mới để chống phá. Các trang mạng có nhiều nội dung thông tin xấu, độc như Dân Làm Báo, Quan Làm Báo; Boxit, Dân Luận, Chân Dung Quyền Lực...

2.4. Thứ tư: Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng.

Nêu cao ý thức chính trị, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ không gian mạng quốc gia. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh mạng; kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến an ninh mạng, nguy cơ đe dọa an ninh mạng và các hành vi xâm phạm khác, thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; giúp đỡ, tạo điều kiện cho người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

Mỗi người cần nghiên cứu và sử dụng tốt các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin như bảo vệ tài khoản cá nhân bằng xác thực mật khẩu đa lớp; tạo thói quen quét virus trước khi mở file; thực hiện sao lưu dự phòng trên ổ cứng ngoài, mạng nội bộ hoặc trên các dịch vụ lưu trữ đám mây (Google Drive, OneDrive); kiểm tra lộ lọt thông tin tài khoản cá nhân qua Trung tâm xử lý tấn công mạng Việt Nam.

Người dùng không nên vào những trang web lạ (hoặc trang web đen), những email chưa rõ danh tính và đường dẫn đáng nghi ngờ; cập nhật bản trình duyệt, hệ điều hành và các chương trình sử dụng; dùng những phần mềm diệt virus uy tín và được cập nhật thường xuyên, không tắt chương trình diệt virus trong mọi thời điểm. Khi phát hiện bị tấn công trên không gian mạng, nhanh chóng ngắt kết nối mạng; sử dụng các công cụ giải mã độc; báo cho người có trách nhiệm qua đường dây nóng.

2.5. Thứ năm: Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách an ninh mạng, lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường trong giáo dục nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng.

Các cơ quan chuyên trách an ninh mạng (Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Bộ Công an; Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng, Bộ Quốc phòng; lực lượng bảo vệ an ninh mạng tại bộ, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia) cung cấp đầy đủ thông tin về xu hướng phát triển, các nguy cơ từ không gian mạng; các biện pháp phòng, chống tấn công trên không gian mạng.

Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng tăng cường cảnh báo khả năng mất an ninh mạng do đơn vị mình cung cấp và hướng dẫn biện pháp phòng ngừa; xây dựng các phương án xử lý với sự cố an ninh mạng; phối hợp, tạo điều kiện cho lực lượng chuyên trách trong hoạt động bảo vệ an ninh mạng. Các cơ sở giáo dục sớm đưa nội dung giáo dục bảo đảm an ninh không gian mạng quốc gia vào chương trình dạy học phù hợp với ngành học, cấp học.

Lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường cần nắm vững mọi hoạt động và tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, quần chúng, có nội dung giáo dục, định hướng, điều chỉnh nhận thức đúng đắn, kịp thời; có trách nhiệm trong quản lý thông tin có liên quan tới cán bộ, đảng viên và quần chúng, có kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ trên không gian mạng.

IV. ĐƯỜNG DÂY NÓNG CỦA BỘ CÔNG AN TIẾP NHẬN THÔNG TIN TỔ GIÁC TỘI PHẠM

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể trực tiếp phản ánh thông tin đến đường dây điện thoại nóng của Bộ Công an, theo số điện thoại: **069.234.2593**

Thông tin phản ánh đến đường dây điện thoại nóng phải sử dụng bằng ngôn ngữ Tiếng Việt và có nội dung cụ thể về họ tên, địa chỉ, số điện thoại của cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp phản ánh thông tin đến đường dây điện thoại nóng.

Thông tin phản ánh đến đường dây điện thoại nóng có thể bị từ chối tiếp nhận khi cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin không nêu rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ hoặc nội dung thông tin cung cấp không có cơ sở, căn

cứ rõ ràng, không đủ điều kiện để tiếp nhận, giải quyết; quá trình trao đổi cung cấp thông tin có lời lẽ, thái độ lảng mạn, xúc phạm, không đúng mực.

Địa chỉ Văn phòng tiếp nhận, giải quyết tố giác tin báo về tội phạm:

- Số 47 Phạm Văn Đồng, Mai Dịch, Cầu Giấy, TP. Hà Nội (Điện thoại: 069.2345860)

- Số 497 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, TP. Hà Nội (Điện thoại: 069.2321667)

- Nhà C1, 358 Nguyễn Trãi, Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh (Điện thoại: 069.3376809)

Các biểu mẫu có thể tải về từ Cổng thông tin điện tử Bộ Công an theo địa chỉ: <http://bocongan.gov.vn/vanban/Pages/van-ban-moi.aspx?ItemID=460>

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. “*Spam: A Shadow History of the Internet*”, Finn Brunton, 2014.

[2]. “*Fake News: Understanding Media and Misinformation in the Digital Age*”, Melissa Zimdars, 2020.

[3]. “*Inside the Dark Web*”, Erdal Ozkaya, Rafiqul Islam, 2019.

[4]. “*Từ điển Nghiệp vụ Công an nhân dân Việt Nam*”, Hội đồng Lý luận Công an nhân dân, 2019.

[5]. “*Giáo trình Những vấn đề cơ bản về phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao*”, Học viện Cảnh sát nhân dân, 2015.

[6]. “*Giáo trình An toàn dịch vụ mạng*”, Trường Đại học Kỹ thuật – Hậu cần CAND, 2020.

[7]. Luật An toàn thông tin mạng, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2015.

[8]. Luật An ninh mạng, Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2018.

[9]. Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 25/07/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia.

[10]. Nghị quyết 22/NQ-CP ngày 18/2/2019 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược An ninh mạng quốc gia.

[11]. Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 4/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

[12]. Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại.

CHUYÊN ĐỀ: TÍNH NĂNG, CẤU TẠO VÀ CÁCH SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI LỰU ĐẠN THƯỜNG DÙNG, NÉM LỰU ĐẠN

Lựu đạn là vũ khí đánh gần, trang bị cho từng người trong chiến đấu. Lựu đạn cấu tạo đơn giản, gọn nhẹ, sử dụng thuận tiện, có khả năng sát thương sinh lực và phá huỷ phương tiện chiến đấu của địch. Việc nắm vững tính năng, cấu tạo, kỹ chiến thuật và đặc biệt là việc sử dụng thành thạo lựu đạn trong quá trình huấn luyện và chiến đấu có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Phạm vi bài giảng tập trung giới thiệu làm rõ nội dung, phương pháp huấn luyện về binh khí lựu đạn F1, LĐ-01; động tác ném lựu đạn và tập ném lựu đạn bài 1.

Căn cứ biên soạn bài giảng:

- Sách dạy sử dụng lựu đạn, CQH/BTTM, năm 2009;
- Giáo trình kiểm tra kỹ thuật chiến đấu bộ binh, CQH/BTTM, năm 2014.

I. BINH KHÍ LỰU ĐẠN F1, LỰU ĐẠN LĐ-01 VIỆT NAM

A. LỰU ĐẠN F1

1. Tác dụng

Lựu đạn F1 được trang bị cho từng người trong chiến đấu, dùng để sát thương sinh lực và phá huỷ các phương tiện chiến đấu của đối phương bằng các mảnh gang vụn và áp lực khí thuốc.



2. Tính năng, số liệu kỹ thuật

- Khối lượng toàn bộ: 600g
- Khối lượng thuốc nổ: 60g
- Chiều cao lựu đạn : 117mm
- Đường kính thân lựu đạn: 55mm
- Thời gian cháy chậm: 3 - 4 giây
- Bán kính sát thương: 20m

3. Cấu tạo lựu đạn

- Thân lựu đạn

+ Tác dụng: Liên kết các bộ phận, tạo thành mảnh văng sát thương sinh lực địch.

+ Cấu tạo: Bằng gang có khía tạo thành múi, bên trong rỗng để nhồi thuốc nổ. Đầu có ren để liên kết bộ phận gây nổ.

- Thuốc nhồi

+ Tác dụng: Khi nổ tạo thành sức ép khí thuốc phá vỡ vỏ lựu đạn thành những mảnh nhỏ, tiêu diệt phá huỷ mục tiêu

+ Cấu tạo: Thuốc nhồi trong thân lựu đạn là thuốc nổ TNT

- Bộ phận gây nổ



+ Tác dụng: Để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn
 + Cấu tạo:
 * Thân bộ phận gây nổ: Để chứa đầu cần bẫy, kim
 hoả, lò xo kim hoả, chốt an toàn, phía dưới có vòng ren
 để liên kết với thân lựu đạn.

* Kim hoả và lò xo kim hoả: Để đập vào hạt lửa phát
 lửa gây nổ kíp

* Kíp

* Hạt lửa

* Thuốc cháy chậm

* Cần bẫy (mỏ vịt)

* Chốt an toàn, vòng kéo chốt an toàn

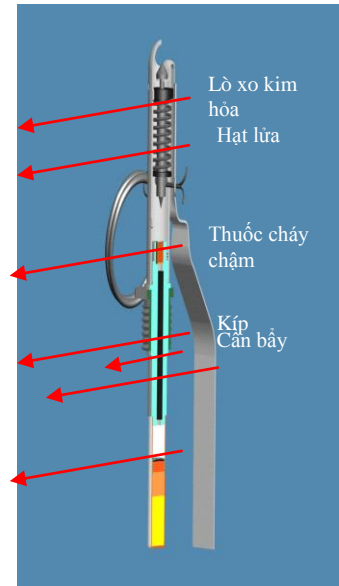
4. Chuyển động của lựu đạn

- Lúc bình thường

Chốt an toàn giữ không cho cần bẫy bật lên, cần bẫy giữ đuôi kim hoả cho
 kim hoả không chọc vào hạt lửa.

- Khi ném lựu đạn

Rút chốt an toàn, đuôi cần bẫy bật lên đầu cần bẫy rời khỏi đuôi kim hoả, lò
 xo kim hoả bung ra đẩy kim hoả chọc vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy dây
 cháy chậm, dây cháy chậm cháy từ 3 - 4 giây phụt lửa vào gây nổ kíp.



B. LỰU ĐẠN LD-01 VN

1. Tác dụng

Lựu đạn LD-01 được trang bị cho từng
 người trong chiến đấu, dùng để sát thương
 sinh lực và phá huỷ các phương tiện chiến
 đấu của đối phương bằng các mảnh gang
 vụn và áp lực khí thuốc.



2. Tính năng, số liệu kỹ thuật

- Khối lượng toàn bộ: 365 - 400g

- Khối lượng thuốc nổ: 125 - 135g

- Chiều cao lựu đạn :88mm

- Đường kính thân lựu đạn: 57mm

- Thời gian cháy chậm: 3,2 – 4,2 giây

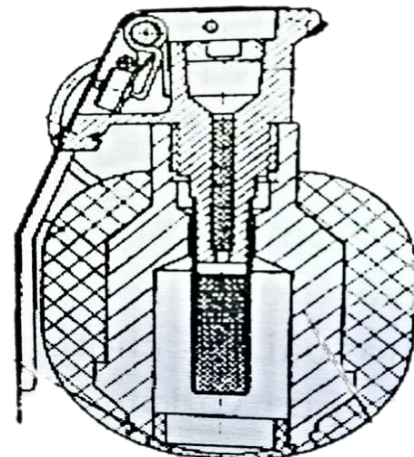
- Bán kính sát thương: 5-6m

3. Cấu tạo lựu đạn

- Thân lựu đạn

+ Tác dụng: Liên kết các bộ phận, khi
 nổ tạo thành mảnh văng sát thương sinh lực
 địch.

+ Cấu tạo: Vỏ bằng thép mỏng, gồm 2
 nửa khối hình cầu ghép và hàn lại với nhau,



mặt ngoài trơn nhẵn, sơn xanh ô lưu, mặt trong có khía để khi nổ tạo nhiều mảnh văng, bên trong rỗng để nhồi thuốc nổ. Đầu có ren để liên kết bộ phận gây nổ.

- Thuốc nhồi

+ Tác dụng: Khi nổ tạo thành sức ép khí thuốc phá vỡ vỏ lựu đạn thành những mảnh nhỏ, tiêu diệt phá huỷ mục tiêu

+ Cấu tạo: Là hỗn hợp thuốc nổ được đúc theo tỷ lệ 40% TNT và 60% glyxeryl.

- Bộ phận gây nổ

+ Tác dụng: Để giữ an toàn và gây nổ lựu đạn

+ Cấu tạo:

* Thân bộ phận gây nổ: Để chứa đầu cần bẫy, kim hoả, lò xo kim hoả, chốt an toàn, phía dưới có vòng ren để liên kết với thân lựu đạn.

* Kim hoả và lò xo kim hoả: Để đập vào hạt lửa phát lửa gây nổ kíp

* Kíp

* Hạt lửa

* Thuốc cháy chậm

* Cần bẫy (mỏ vịt)

* Chốt an toàn, vòng kéo chốt an toàn

4. Chuyển động của lựu đạn

- Lúc bình thường

Chốt an toàn giữ không cho cần bẫy bật lên, cần bẫy đè búa và kim hoả ngả về sau thành thế giương.

- Khi ném lựu đạn

Rút chốt an toàn, ném lựu đạn đi, cần bẫy bật lên rời khỏi tai giữ, lò xo búa đẩy búa và kim hoả đập về phía trước đập vào hạt lửa, hạt lửa phát lửa đốt cháy liều giữ chậm cháy từ 3,2 – 4,2 giây thì phụt lửa vào gây nổ kíp.

II. ĐỘNG TÁC NÉM LỰU ĐẠN

A. ĐỘNG TÁC ĐỨNG NÉM

1. Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu khi gặp vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực bảo đảm an toàn, bí mật cho người ném thì vận dụng động tác đứng ném để tiêu diệt địch trong tầm ném lựu đạn xa nhất. Trong huấn luyện ném theo điều kiện giáo trình hoặc theo khẩu lệnh của người chỉ huy.

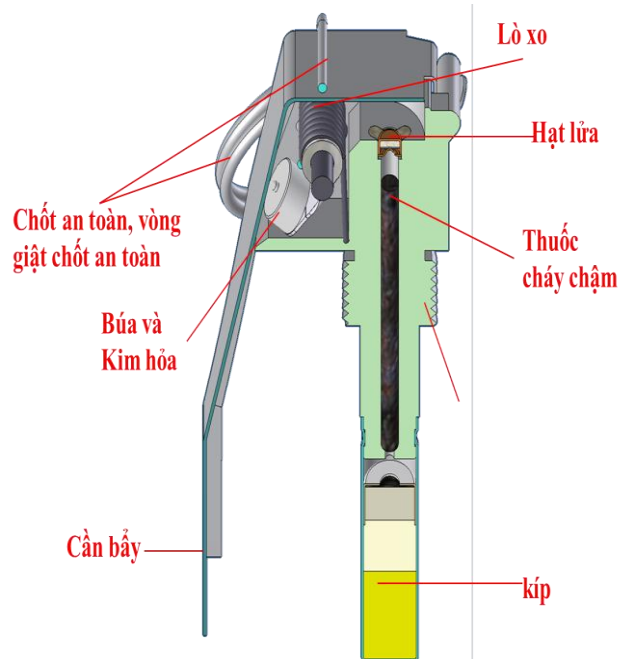
2. Động tác

a) Động tác chuẩn bị ném

- Khẩu lệnh: "Mục tiêu bia số 10 đứng chuẩn bị ném".

- Động tác

+ Động tác chuẩn bị tư thế



Khi nghe dứt khẩu lệnh, quay người về hướng mục tiêu, tay phải vượt nhẹ theo dây súng về nắm ốp lót tay đưa súng ra khỏi vai, chuyển súng cho tay trái, tay trái xách súng nắm tay ngang thắt lưng bên trái, nêu địa hình cho phép có thể dựa súng vào vật chắn bên trái trước mặt, mặt súng quay sang phải. Chân trái bước lên phía trước (hoặc chân phải lùi về sau) một bước dài, bàn chân thẳng trục hướng ném, chân phải dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót lên để bàn chân hợp với hướng ném một góc 45 đến 50⁰. Người xoay sang nửa bên phải, gối trái chùng, chân phải thẳng, trọng tâm thân người dồn vào chân trái.

+ Động tác chuẩn bị lựu đạn

Kết hợp 2 tay mở nắp túi đựng, lấy lựu đạn ra khỏi túi đựng. Tay phải nắm lựu đạn cần bẫy nắm chính giữa hộ khẩu tay và thân lựu đạn, ngón cái và các ngón con nắm choàng lên thân lựu đạn, vòng kéo chốt an toàn quay sang trái. Tay trái bẻ thẳng chốt an toàn. Tư thế cuối cùng tay phải nắm lựu đạn nắm tay cao ngang thắt lưng, tay trái xách súng ở thắt lưng bên trái

b) Động tác ném

- Khẩu lệnh: " Ném"

- Động tác

+ Cử động 1: Ngón trỏ tay trái móc vào vòng kéo chốt an toàn, giật vòng kéo đột nhiên thẳng hướng chốt. Tay phải đưa lựu đạn về trước, vung lựu đạn từ trước xuống dưới qua phải về sau lấy đà đồng thời dùng mũi bàn chân trái, gót chân phải làm trụ xoay người theo. Lúc này chân phải chùng, chân trái thẳng, trọng tâm người dồn vào chân phải, mắt quan sát mục tiêu.

+ Cử động 2: Dùng sức vút của cánh tay phải kết hợp sức rướn của thân người, sức bật của chân phải để ném lựu đạn đi. Khi cánh tay phải vung lựu đạn về phía trước 1 góc khoảng 45⁰ (hợp với mặt phẳng ngang) hoặc ngang tai thì buông lựu đạn. Khi buông lựu đạn đi người quay về hướng đối diện mục tiêu, chân phải theo đà bước lên, tay phải cầm súng tiến hoặc tiếp tục ném quả khác.

Chú ý: Ba kết hợp trong cử động 2 là sự phối hợp chặt chẽ và khéo léo liên tục nếu không kết hợp tốt kết quả ném sẽ không cao.

Muốn ném xa: Phải kết hợp tốt được sức vút của cánh tay, sức rướn của thân người và sức bật của chân phải. Cánh tay phải cong tự nhiên không chùng quá, không thẳng quá, thời cơ buông lựu đạn tốt nhất là khi cánh tay hợp với mặt phẳng địa hình một góc 45⁰.

Muốn ném trúng hướng: Khi ném lựu đạn đi phải xoay người về đúng hướng ném, đường vung lựu đạn từ trước, xuống dưới ra sau, lên trên, về trước nằm trên mặt phẳng đứng. Nếu xoay chưa hết, vung ngang, buông sớm lựu đạn sẽ lệch phải; nếu xoay quá, vung ngang, buông muộn lựu đạn sẽ lệch trái.

Nêu ném tay trái mọi động tác làm ngược lại

B. ĐỘNG TÁC QUỖ NÉM

1. Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu khi gặp các vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm bụng để bảo đảm an toàn, bí mật cho người ném thì vận dụng động tác quỳ ném. Trong huấn luyện ném theo điều kiện giáo trình hoặc theo khẩu lệnh của người chỉ huy.

2. Động tác

a) Động tác chuẩn bị ném

- Khẩu lệnh: " Mục tiêu bia số 10 quỳ chuẩn bị ném"

- Động tác:

+ Động tác chuẩn bị tư thế

Khi nghe dứt khẩu lệnh, quay người về hướng mục tiêu, tay phải vuốt nhẹ theo dây súng về nắm ốp lót tay đưa súng về thành tư thế xách súng. Chân trái bước chéo sang phải một bước (gót bàn chân trái cách mũi bàn chân phải khoảng 20-30cm) sao cho mép trong của hai bàn chân nằm trên một đường thẳng. Dùng mũi bàn chân phải làm trụ xoay gót lên cho bàn chân hợp với hướng ném một góc khoảng 90^0 .

Quỳ gối phải xuống đất theo hướng bàn chân phải, mông phải ngồi lên gót chân phải, ống chân trái thẳng đứng, trọng tâm người dồn đều vào 3 điểm chân trái, mũi bàn chân phải và đầu gối phải, mắt quan sát mục tiêu.

+ Động tác chuẩn bị lựu đạn

Tay phải dựa súng tựa vào đùi trái, mặt súng quay vào người. Kết hợp 2 tay mở nắp túi đựng, lấy lựu đạn ra khỏi túi đựng. Tay phải nắm lựu đạn cần bẫy nằm chính giữa hộ khẩu tay và thân lựu đạn, ngón cái và các ngón con nắm choàng lên thân lựu đạn, vòng kéo chốt an toàn quay sang trái. Tay trái bẻ thẳng chốt an toàn. Sau khi chuẩn bị lựu đạn xong, tay trái về nắm súng, nắm tay ngang thắt lưng, nòng súng hướng lên trên về trước hợp với thân người khoảng 45^0 ; tay phải cầm lựu đạn, nắm tay cao ngang thắt lưng, mắt quan sát mục tiêu.

b) Động tác ném

- Khẩu lệnh: " Ném".

- Động tác:

+ Cử động 1: Kết hợp 2 tay giật vòng kéo chốt nhiên thẳng hướng chốt ra khỏi lựu đạn. Tay phải đưa lựu đạn từ trước, qua phải, xuống dưới, về sau. Đồng thời gối phải nâng lên là là trên mặt đất xoay theo về phía sau; tay trái nắm ốp lót tay, xách súng ngang thắt lưng đưa súng xoay theo người. Đầu gối phải chống xuống đất, mông kiễng lên, trọng tâm người dồn về phía sau, mắt quan sát mục tiêu.

+ Cử động 2: Dùng sức bật của đùi phải, sức rướn của thân người, sức vút của cánh tay phải để ném lựu đạn vào mục tiêu. Khi xoay người ném lựu đạn đi, tay trái đưa súng xoay theo người về sau giữ thẳng bằng cho người ném. Thời cơ buông lựu đạn tốt nhất là khi cánh tay phải hợp với mặt phẳng địa hình 1 góc khoảng 45^0 hoặc ngang tai. Khi buông lựu đạn đi, đùi phải đưa về vị trí cũ (hoặc lên một chút), người quay về hướng đối diện với mục tiêu.

Chú ý: Quỳ ném là tư thế khó ném được xa, vì vậy khi ném phải kết hợp tốt các yếu tố: sức vút của tay, sức bật đùi phải, sức rướn của thân người.

Muốn ném trúng hướng: Khi ném lựu đạn đi, đùi phải đưa về vị trí cũ (hoặc lên một chút), người quay về hướng đối diện với mục tiêu. Nếu ném tay trái mọi động tác làm ngược lại

C. ĐỘNG TÁC NẪM NÉM

1. Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu điều kiện địch; địa hình, vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người nấp, bảo đảm an toàn, bí mật. Trong huấn luyện, ném theo điều kiện giáo trình hoặc theo khẩu lệnh của người chỉ huy.

2. Động tác

a) Động tác chuẩn bị ném

- Khẩu lệnh: "Mục tiêu...nằm chuẩn bị ném"

- Động tác:

+ Động tác chuẩn bị tư thế

Khi nghe dứt khẩu lệnh, quay người về hướng mục tiêu, tay phải vượt nhẹ theo dây súng về nắm ốp lót tay đưa súng về thành tư thế xách súng. Chân phải bước lên 1 bước dài theo hướng mũi bàn chân phải, chân trái dùng mũi làm trụ xoay gót sang trái để người xoay theo hướng bàn chân phải.

Tay trái chống bàn tay xuống trước mũi bàn chân phải, mũi bàn tay hướng sang phải về phía sau và cách mũi bàn chân khoảng 20cm. Đặt cánh tay trái xuống đất khuỷu tay ở phía trước và cách hướng mũi bàn chân phải khoảng 10 ÷ 15cm, đặt gối trái và đùi trái xuống đất và nằm xuống, hợp với hướng ném một góc khoảng 10-15⁰. Tay phải đặt súng sang bên phải, hộp tiếp đạn quay sang trái đầu nòng súng hướng về phía mục tiêu

Hai tay nắm lại chống xuống đất trước ngực, lấy mũi bàn chân trái và đầu gối trái làm trụ, hơi nâng người lên vừa nâng vừa đẩy người là là mặt đất về sau. Khi lùi, căng chân trái giữ nguyên, chân phải duỗi thẳng tự nhiên và lùi về sau tới khi gối trái co ngang thắt lưng thì dừng lại. Hai tay dịch chuyển theo thân người (Khi địa hình không cho phép lùi thì chân phải giữ nguyên, co gối trái lên ngang thắt lưng), mắt quan sát mục tiêu.

+ Động tác chuẩn bị lựu đạn

Thân người hơi nghiêng sang trái. Kết hợp 2 tay lấy lựu đạn ra, tay phải cầm lựu đạn, mắt quan sát mục tiêu.

b) Động tác ném

- Khẩu lệnh: "Ném"

- Động tác:

+ Cử động 1: Ngón trỏ tay trái móc vào vòng kéo chốt an toàn, kết hợp 2 tay giật vòng kéo đột nhiên thẳng hướng chốt ra khỏi lựu đạn. Tay phải đưa lựu đạn sang phải về sau, đồng thời tay trái đẩy thân người là là theo mặt đất sang phải ngả về sau.

+ Cử động 2: Đột nhiên xoay người lao về hướng ném đồng thời kết hợp sức vút của cánh tay phải, sức rướn của thân người, sức bật của đùi trái, ném lựu đạn từ dưới lên trên về trước. Khi cánh tay hợp với mặt phẳng địa hình 1 góc 45⁰ hoặc ngang tai thì buồng lựu đạn đi và nằm úp xuống đất. Sau đó tiếp tục ném quả khác hoặc cầm súng vọt tiến.

Chú ý: Nằm ném là tư thế khó ném được xa và trúng mục tiêu vì vậy khi ném phải kết hợp sức vút của tay và sức bật của người, đồng thời chân phải xoay theo hướng ném để vừa lấy đà vừa giữ cho lựu đạn đi đúng hướng.

Nếu ném tay trái mọi động tác làm ngược lại

III. GIỚI THIỆU ĐIỀU KIỆN NÉM LỰU ĐẠN BÀI 1

A. Ý NGHĨA, ĐẶC ĐIỂM, YÊU CẦU

1. Ý nghĩa

Bài 1 tập ném lựu đạn xa trúng đích là bài ném cơ bản rèn luyện cho người học thể lực và kỹ thuật ném lựu đạn chính xác vào mục tiêu ở cự ly xa bằng các tư thế khác nhau.

Luyện tập và ném tốt bài ném này là cơ sở rèn luyện kỹ năng, thể lực cũng như tâm lý nhằm vận dụng có hiệu quả vào luyện tập các bài ném sau khó hơn đồng thời phục vụ cho huấn luyện và chiến đấu sau này.

2. Đặc điểm

- Mục tiêu bố trí cố định trong điều kiện ban ngày thuận tiện cho người ném quan sát phát hiện.

- Mục tiêu có vòng tính điểm với bán kính nhỏ gây khó khăn cho người ném có thể đạt được kết quả cao.

- Người ném lần đầu tiếp xúc với lựu đạn thật nên không tránh khỏi tâm lý lo sợ tiếng nổ đồng thời yêu cầu phải có thể lực tốt để thực hành ném nên ảnh hưởng nhiều đến kết quả ném.

3. Yêu cầu

- Nắm chắc điều kiện và cách thực hành ném.

- Tích cực, tự giác luyện tập, rèn toàn diện cả về kỹ thuật, thể lực, tâm lý từng bước nâng cao kỹ năng thực hành ném. Biết phối hợp nhuần nhuyễn 3 kết hợp.

- Bình tĩnh, tự tin khi kiểm tra. Phần đầu đạt kết quả cao và đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị.

B. ĐIỀU KIỆN NÉM

1. Khu vực kiểm tra:

Kẻ 3 vòng tròn đồng tâm; vòng 1 bán kính 2m, vòng 2 bán kính 3m, vòng 3 bán kính 4m. Từ tâm vòng tròn kẻ 1 đường trục hướng ném và vạch 3 đường ngang chia đường trục thành 3 khoảng 25m, 30m, 35m và cắm 1 bia số 10 ở tâm của 3 vòng tròn.

2. Cự ly:

- Tư thế nằm 25m

- Tư thế quỳ 30m

- Tư thế đứng 35m

3. Tư thế ném:

Đứng (quỳ, nằm) tại chỗ sau khối chắn, có súng

4. Số lượng lựu đạn:

- 01 quả lựu đạn huấn luyện (nổ nhiều lần)

- 01 quả lựu đạn thật

5. Đánh giá thành tích:

- Giỏi: Trúng vòng tròn 1 (bán kính 2m)

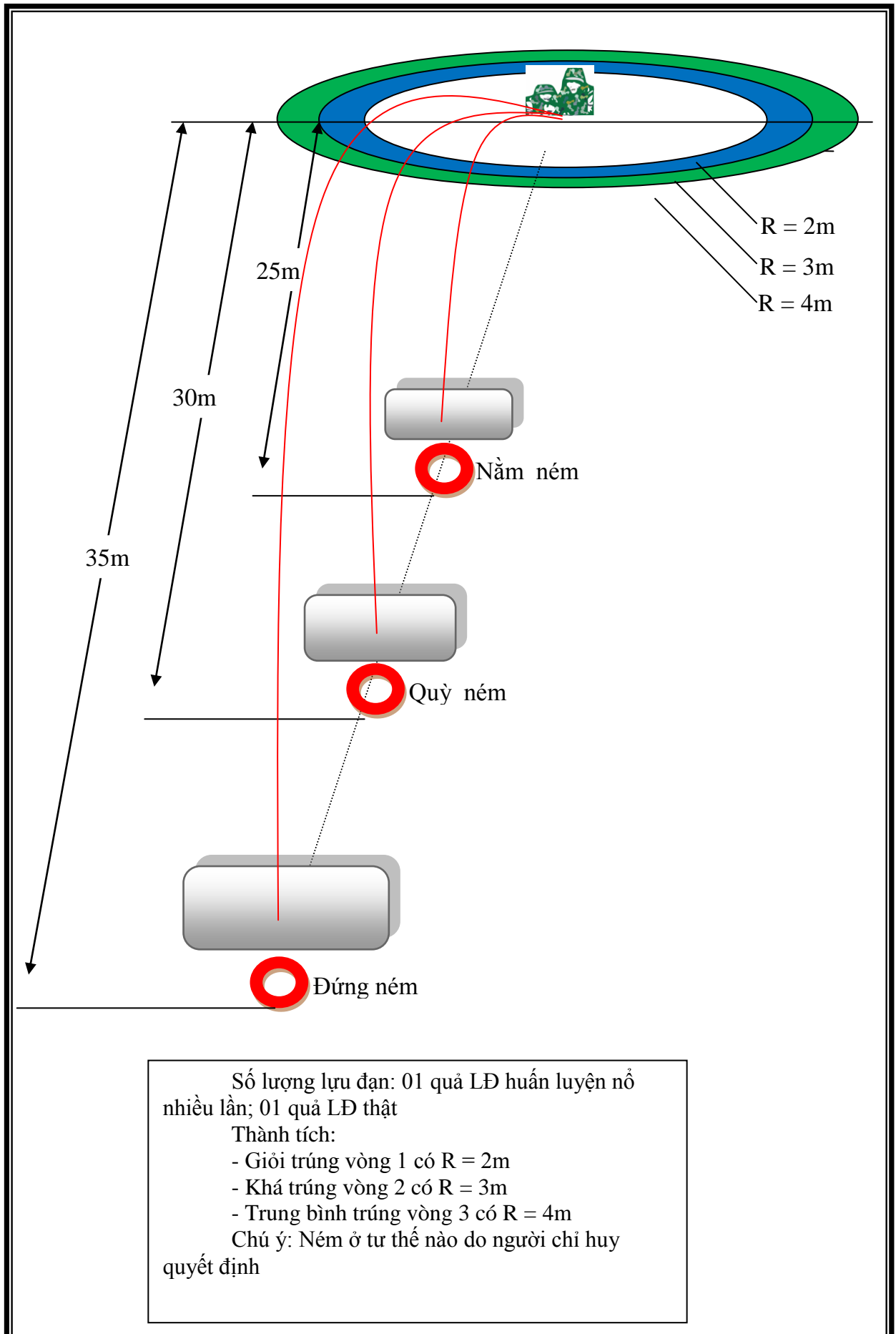
- Khá: Trúng vòng tròn 2 (bán kính 3m)

- Trung bình : Trúng vòng tròn 3 (bán kính 4m)

- Kém: Không trúng vòng nào

Chú ý: Ném ở tư thế nào do người chỉ huy quyết định

ĐIỀU KIỆN NÉM



C. CÁCH THỰC HÀNH NÉM

- Tại vị trí chờ đợi khi được gọi đến tên người ném hô “Có”, có lệnh “Vào vị trí nhận lựu đạn thì đáp “Rõ” sau đó cơ động vào vị trí nhận 01 quả lựu đạn thật (màu xanh ôliu) và 01 quả lựu đạn huấn luyện (màu da cam), kiểm tra lại chất lượng, cất quả lựu đạn thật vào túi đựng bên phải, quả lựu đạn huấn luyện vào túi đựng bên trái. Khi có lệnh “Lên tuyến chuẩn bị” thì cơ động lên tuyến chuẩn bị.

- Tại tuyến chuẩn bị người ném kiểm tra lại mọi công tác chuẩn bị, khi có lệnh “Vào tuyến ném” thì cơ động vào tuyến ném.

- Tại tuyến ném người ném chấp hành mọi mệnh lệnh của người chỉ huy, thực hành ném tập lần thứ nhất bằng lựu đạn huấn luyện vào mục tiêu. Sau khi quả lựu đạn huấn luyện nổ người ném thực hành ném quả lựu đạn thật để tính thành tích. Khi lựu đạn nổ phải ẩn nấp đảm bảo an toàn. Khi có lệnh của chỉ huy ném, người ném cơ động lên nhặt lại quả lựu đạn huấn luyện.

- Khi có lệnh “Về bàn thư ký” người ném cơ động về bàn thư ký nghe công bố thành tích, ký xác nhận vào biên bản sau đó theo lệnh của thư ký thực hiện nhiệm vụ tiếp theo.

KẾT LUẬN

Nắm chắc về binh khí lựu đạn thường dùng, cách sử dụng và tập ném tốt bài 1 lựu đạn là nội dung cơ bản, có vị trí vai trò quan trọng trong việc bước đầu hình thành kỹ năng sử dụng vũ khí cho người học. Vì vậy nắm chắc nội dung, tổ chức, phương pháp huấn luyện là cơ sở để vận dụng linh hoạt vào huấn luyện phù hợp với đặc điểm đối tượng và đặc thù của từng đơn vị.

CHUYÊN ĐỀ: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK

Súng tiểu liên AK cỡ 7,62mm do kỹ sư người Nga Ka - lát - nhi - cốp (Kalashnikov) cùng với nhóm nghiên cứu của mình chế tạo vào năm 1947 và được đưa vào biên chế chính thức cho Hồng quân Liên Xô (cũ) năm 1949. Với tính năng ưu việt, khả năng hoạt động bền bỉ ít hỏng hóc trong mọi điều kiện, súng tiểu liên AK đang được trang bị phổ biến trong lực lượng vũ trang của ta hiện nay. Để phát huy cao nhất hiệu suất chiến đấu của súng, người sử dụng không những cần nắm chắc tác dụng, tính năng kỹ chiến thuật mà còn phải thành thạo kỹ thuật bắn của súng tiểu liên AK.

Phạm vi bài giảng tập trung giới thiệu làm rõ nội dung, phương pháp huấn luyện kỹ thật bắn súng tiểu liên AK làm cơ sở để học viên lớp tập huấn tiếp thu, vận dụng vào trong huấn luyện.

Căn cứ biên soạn bài giảng:

- Quy tắc bắn súng bộ binh, CQH/BTTM, năm 2002;
- Động tác bắn súng bộ binh, CQH/BTTM, năm 2002;
- Sách dạy sử dụng súng tiểu liên AK, CQH/BTTM, năm 2003;
- Giáo trình kiểm tra kỹ thuật chiến đấu bộ binh, CQH/BTTM, năm 2014.

I. NGẮM BẮN, CÁCH CHỌN THUỐC NGẮM, ĐIỂM NGẮM

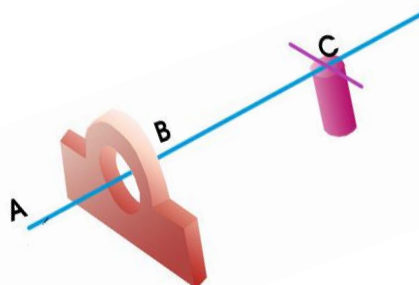
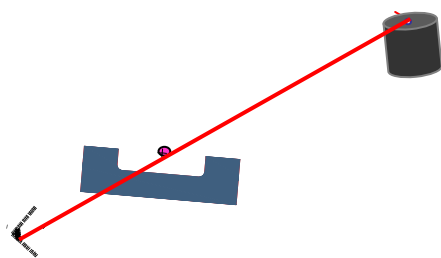
A. NGẮM BẮN

1. Định nghĩa các yếu tố về ngắm

a) Đường ngắm cơ bản:

- Đối với bộ phận ngắm cơ khí:

Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt người ngắm qua điểm chính giữa mép trên khe ngắm (hoặc tâm lỗ ngắm) đến điểm chính giữa mép trên đầu ngắm.



- Đối với kính ngắm quang học:

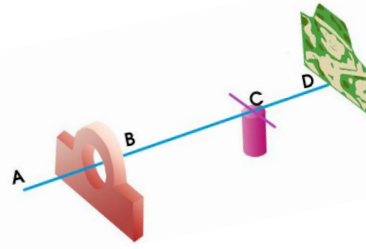
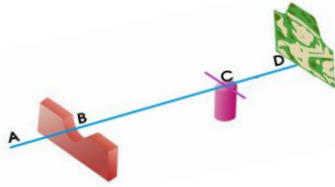
Đường ngắm cơ bản là đường thẳng từ mắt người ngắm qua tâm kính nhìn đến điểm giao nhau của vạch khắc tâm và vạch khắc hướng đã xác định với điều kiện kính phải sáng rõ, tròn đều.

b) Điểm ngắm đúng:

Là điểm được xác định sao cho khi ngắm vào đó để bắn thì quỹ đạo đường đạn đi qua điểm định bắn trúng trên mục tiêu.

c) Đường ngắm đúng:

Đường ngắm đúng là đường ngắm cơ bản được dóng vào điểm ngắm đúng đã xác định với điều kiện mặt súng (mặt xe) phải thẳng bằng.



2. Ảnh hưởng của ngắm sai đến kết quả bắn

Muốn bắn trúng mục tiêu phải thực hiện tốt ba yếu tố sau: Có thước ngắm đúng, có điểm ngắm đúng, có đường ngắm đúng. Nếu thiếu một trong ba yếu tố trên thì khả năng bắn trúng mục tiêu sẽ thấp, thậm chí không trúng mục tiêu.

a) Đường ngắm cơ bản sai

Đường ngắm cơ bản sai thực chất là sai lệch về góc bắn, sự sai lệch này ảnh hưởng rất lớn đến trúng đích của phát bắn, cụ thể như sau:

- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm thấp (hoặc cao) hơn điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ thấp (hoặc cao) hơn điểm định bắn trúng.



- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm lệch trái (hoặc phải) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ lệch trái (hoặc phải) điểm định bắn trúng.



- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm vừa cao vừa lệch phải (hoặc trái) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ vừa cao vừa lệch phải (hoặc trái) điểm định bắn trúng.



- Nếu điểm chính giữa mép trên đầu ngắm vừa thấp vừa lệch trái (hoặc phải) so với điểm chính giữa mép trên khe ngắm, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ vừa thấp vừa lệch trái (hoặc phải) điểm định bắn trúng.



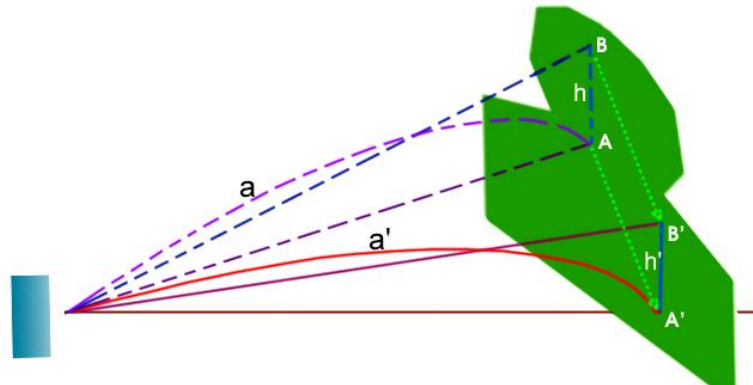
b) Ngắm sai điểm ngắm.

Khi đường ngắm cơ bản đã chính xác, mặt súng thẳng bằng, nếu điểm ngắm sai lệch so với điểm ngắm đúng bao nhiêu, thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ sai lệch so với điểm định bắn trúng bấy nhiêu.



c) Mặt súng không thẳng bằng.

Nếu có đường ngắm cơ bản đúng, có điểm ngắm đúng nhưng mặt súng nghiêng làm cho trục nòng súng lệch khỏi mặt phẳng bắn và làm cho góc bắn nhỏ lại, dẫn tới tầm bắn giảm. Như vậy mặt súng nghiêng về bên nào thì điểm chạm trên mục tiêu sẽ lệch và thấp về bên ấy.



a: đường đạn khi mặt súng thẳng bằng
 a': đường đạn khi mặt súng nghiêng 90°
 $h > h'$: 14cm

B. CÁCH CHỌN THƯỚC NGẮM, ĐIỂM NGẮM

1. Căn cứ

- + Điểm định bắn trúng trên mục tiêu
- + Cự ly bắn
- + Độ cao đường đạn trung bình so với điểm ngắm
- + Tính chất của mục tiêu (kích thước, trạng thái)

+ Điều kiện khí tượng, góc tã

2. Cách chọn

a) Chọn thước ngắm

Có 3 cách chọn thước ngắm vận dụng là:

- Chọn TN tương ứng với cự ly bắn
- Chọn TN lớn hơn cự ly bắn
- Chọn TN nhỏ hơn cự ly bắn

b) Chọn điểm ngắm

- Trường hợp không có gió

+ Với mục tiêu nhỏ, thấp thường chọn thước ngắm lớn hơn cự ly bắn, điểm ngắm thấp hơn điểm định bắn trúng một khoảng bằng độ cao đường đạn trung bình tương ứng với thước ngắm.

+ Với mục tiêu to, cao thường chọn thước ngắm tương ứng với cự ly bắn, điểm ngắm chính giữa mục tiêu (điểm định bắn trúng).

+ Nếu chọn thước ngắm nhỏ hơn cự ly bắn, điểm ngắm cao hơn điểm định bắn trúng bằng độ cao đường đạn tương ứng với thước ngắm so với điểm ngắm ở cự ly đó (trường hợp này ít vận dụng).

- Trường hợp có gió

Tác động của gió làm cho đầu đạn bị sai lệch về tầm (cao, thấp) và hướng người bắn phải biết được hướng gió, tốc độ gió để tìm lượng sửa gió. Vì vậy chọn ĐN cách điểm định bắn trúng một khoảng bằng lượng sửa gió.

+ Gió thổi từ bên nào sang dịch ĐN sang bên đó bề bắn.

+ Nếu súng có TN ngang khi sử dụng phải tính toán lượng đón để quy đổi thành vạch khác trên TN ngang để ngắm bắn.

II. ĐỘNG TÁC BẮN TẠI CHỖ CỦA SÚNG TIỂU LIÊN AK

A. ĐỘNG TÁC NẪM BẮN

1. Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu, thường vận dụng ở địa hình trống trải hoặc có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người nằm. Trong huấn luyện bắn theo điều kiện của giáo trình hoặc khẩu lệnh của người chỉ huy.

2. Động tác

a) Động tác nằm bắn không tỳ

- Động tác chuẩn bị bắn

+ Khẩu lệnh: “Mục tiêu...nằm chuẩn bị bắn”

+ Động tác:

* Động tác chuẩn bị tư thế: Khi nghe dứt khẩu lệnh, quay người về hướng mục tiêu, tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về thành tư thế xách súng, nắm tay cao ngang thắt lưng, nòng súng hướng lên trên phía trước hợp với thân người một góc khoảng 45^0 (thực hiện 3 cử động):

Cử động 1: Chân phải bước lên một bước dài theo hướng mũi bàn chân phải, chân trái dùng mũi bàn chân làm trụ xoay gót sang trái để người quay theo hướng mũi bàn chân phải.

Cử động 2: Chông bàn tay trái xuống đất trước mũi bàn chân phải cách khoảng 20cm, mũi bàn tay chéch về bên phải phía sau. Đặt cánh tay trái xuống đất,

khuyết tay ở phía trước, cách hướng bàn chân phải khoảng 15cm, đặt gối trái và đùi trái xuống đất.

Cử động 3: Tay phải lao súng về phía trước, đồng thời bàn tay trái lật ngửa đỡ ốp lót tay, khoảng dưới khung thước ngắm (tay kéo bệ khóa nòng hướng lên trên). Chân phải duỗi thẳng về sau, người nằm úp xuống đất, hai chân mở rộng bằng vai hai mũi bàn chân hướng sang hai bên. Người nằm chéch so với hướng bắn một góc khoảng 30°.

* Động tác chuẩn bị súng, đạn

Tay phải tháo hộp tiếp đạn không có đạn ở súng ra trao cho tay trái, tay trái dùng ngón giữa và ngón đeo nhẫn kẹp giữ hộp tiếp đạn vào bên phải ốp lót tay, cửa hộp tiếp đạn quay vào người, sống hộp tiếp đạn quay xuống đất. Nghiêng người sang trái, tay phải mở túi đựng lấy hộp tiếp đạn có đạn lắp vào súng. Tay phải dùng ngón cái gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, kéo bệ khóa nòng về sau hết cỡ rồi thả đột nhiên để bệ khóa nòng lao về phía trước đẩy viên đạn thứ nhất vào buồng đạn, dùng ngón trỏ gạt cần định cách bắn về vị trí khóa an toàn. Cát hộp tiếp đạn không có đạn vào túi đựng hộp tiếp đạn. Tay phải về nắm tay cầm, ngón trỏ duỗi thẳng đặt ngoài vành cò, mắt quan sát mục tiêu.

- Động tác bắn

+ Khẩu lệnh: “Bắn”

+ Động tác: Gồm Giương súng, ngắm, bóp cò. Trước khi giương súng phải lấy thước ngắm.

* Động tác lấy thước ngắm

Trường hợp lấy thước ngắm ban ngày: Tay phải dùng ngón trỏ và ngón cái bóp núm cữ thước ngắm, dịch chuyển sao cho mép trước núm cữ thước ngắm trùng với vạch ngang dưới chữ số thước ngắm đã xác định, thả núm cữ ra kiểm tra thấy chắc chắn là được.

Trường hợp lấy thước ngắm ban đêm: Bóp núm cữ kéo về sau hết cỡ đẩy lên nghe tiếng “Tách” là thước ngắm π hoặc D. Từ thước ngắm π hoặc D bóp núm cữ rồi đẩy nhẹ về trước thả núm cữ ra, đẩy nhẹ về trước thấy bị mắc hay có tiếng kêu “Tách”. Tiếp tục động tác như vậy lần thứ hai ta được thước ngắm 1. Từ thước ngắm 1 trở lên cứ mỗi lần điều chỉnh núm cữ về trước là tăng một thước ngắm.

* Động tác giương súng

Tay trái có thể nắm ốp lót tay dưới hoặc hộp tiếp đạn, tùy theo độ dài ngắn của cánh tay người bắn để chọn cho thích hợp. Nếu nắm ốp lót tay, bàn tay trái ngửa, ốp lót tay dưới nằm trong nòng bàn tay, bốn ngón con khép kín cùng với ngón cái nắm chắc súng tự nhiên, cẳng tay trái áp sát vào bên trái hộp tiếp đạn, cẳng tay hợp với mặt phẳng địa hình một góc khoảng 40-60°. Nếu nắm hộp tiếp đạn, hộ khẩu tay đặt phía sau sống hộp tiếp đạn, các ngón con và ngón cái nắm chắc hộp tiếp đạn. Tay phải gạt cần định cách bắn về vị trí bắn, rồi nắm tay cầm, hộ khẩu tay nắm chính giữa phía sau tay cầm ngón trỏ đặt ngoài vành cò các ngón con còn lại và ngón cái nắm chắc tay cầm. Kết hợp hai tay nâng súng lên đặt phần trên của đế báng súng vào chính giữa hõm vai bên phải, hai khuyết tay chống chắc xuống đất, má phải của cẳng tay trái áp sát vào má trái của hộp tiếp đạn. Kết hợp hai tay giữ súng chắc và cân bằng trên vai. Nhìn qua đường ngắm, nếu súng chưa đúng hướng thì dịch chuyển cả thân người qua phải hoặc qua trái để điều chỉnh hướng súng vào mục tiêu. Không dùng tay để điều chỉnh hướng súng làm cho tư thế gò bó.

Chú ý:

Khi giương súng phải bảo đảm các yếu tố: Chắc, đều, bền. Chắc là, hai tay giữ súng, ghì súng chắc vào vai, hai khuỷu tay chống chắc xuống đất, súng và người thành một khối vững chắc. Đều là lực giữ hai tay và lực ghì súng phải đều nhau. Bền là, thực hiện các yếu tố chắc, đều trong suốt quá trình thực hiện phát bắn, loạt bắn.

* Động tác ngắm

Áp má vào báng súng với lực vừa phải để đầu người bắn ít bị rung động, tránh gồi má vào báng súng làm cho mặt súng nghiêng, khi bắn liên thanh dễ làm báng súng bị tụt xuống, hoặc áp má không sát làm đầu rung khó ngắm.

Nheo mắt trái và dùng mắt phải để ngắm hoặc có thể mở cả hai mắt để ngắm. Nếu mở hai mắt thì tập trung thị lực vào mắt ngắm, còn mắt kia nhìn tự nhiên. Ngắm qua chính giữa mép trên khe ngắm đến chính giữa mép trên đỉnh đầu ngắm để lấy đường ngắm cơ bản, rồi đưa đường ngắm cơ bản vào điểm ngắm đã xác định trên mục tiêu.

* Động tác bóp cò.

Trước khi bóp cò kết thúc phát (loạt) bắn phải ngưng thở để tạo cho người và súng ổn định, khi ngưng thở có thể thở ra hoặc hít vào rồi ngưng thở.

Dùng phần cuối đốt thứ nhất, đầu đốt thứ hai của ngón trở tay phải để bóp cò, bóp cò êm, đều, từ từ thẳng về sau theo trục nòng súng đến khi đạn nổ.

Chú ý:

Khi đang bóp cò nếu đường ngắm bị sai lệch thì ngừng bóp cò, ngón trở giữ nguyên áp lực tay cò (không tăng cũng không giảm áp lực bóp cò), chỉnh lại đường ngắm rồi tiếp tục tăng cò.

Không bóp cò vội vàng chớp thời cơ làm súng đột nhiên bị rung động mạnh bắn mất chính xác.

Khi bắn loạt ngắn (từ 2-3 viên) động tác bóp cò phải êm, đều và bóp vào hết cỡ thả ra, khi thả ngón tay bóp cò không rời khỏi cò súng, tránh thả cò quá nhanh (nháy cò) dễ gây bắn phát một.

Không dùng lực cả bàn tay để bóp cò.

- Động tác thôi bắn.

+ Thôi bắn tạm thời

* Khẩu lệnh: “Ngừng bắn”.

* Động tác: Khi nghe dứt khẩu lệnh ngón trở tay phải thả tay cò ra. Gạt cần định cách bắn và khóa an toàn về vị trí an toàn, hai tay đưa súng về tư thế giữ súng như khi chuẩn bị bắn, mắt quan sát mục tiêu chờ lệnh. Nếu hết đạn thì bỏ sung đạn hoặc thay hộp tiếp đạn khác để bắn (nếu cần).

+ Thôi bắn hoàn toàn.

* Khẩu lệnh: “Thôi bắn, khám súng, đứng dậy”

* Động tác:

Động tác tháo đạn: Khi nghe dứt khẩu lệnh ngón trở thả cò súng ra, hai tay hạ súng xuống tay phải tháo hộp tiếp đạn ở súng ra trao cho tay trái, tay trái dùng ngón giữa và ngón đeo nhẫn kẹp giữ hộp tiếp đạn bên phải ốp lót tay. Tay phải dùng ngón cái kéo bệ khóa nòng từ từ về sau, ngón trở lướt trên cửa thoát vỏ đạn, ba ngón con khép lại chắn cửa lắp hộp tiếp đạn để đỡ và lấy viên đạn từ trong buồng đạn ra, lắp

viên đạn vào hộp tiếp đạn có đạn, lấy hộp tiếp đạn không có đạn lắp vào súng, cất hộp tiếp đạn có đạn vào túi đựng, bóp cò, gạt cần định cách bắn về vị trí an toàn, kéo cữ thước ngắm về vị trí n hoặc D.

Động tác đứng dậy thực hiện 3 cử động:

Cử động 1: Tay phải nắm ốp lót tay, nghiêng người sang trái, chân trái co lên đầu gối ngang thắt lưng, đồng thời tay phải đưa súng về ốp lót tay đặt trên đùi trái, hộp tiếp đạn quay sang phải. Tay trái thu về bàn tay úp trước ngực.

Cử động 2: Dùng sức nâng của tay trái và hai chân nâng người dậy, tay trái xoay mũi bàn tay về trước đồng thời chân phải bước lên một bước ngang bàn tay trái, chân trái duỗi thẳng, dùng sức nâng của tay trái và hai chân nâng người đứng thẳng dậy.

Cử động 3: Chân phải dùng gót bàn chân làm trụ xoay mũi bàn chân sang phải một góc khoảng $22,5^\circ$. Chân trái đưa lên đặt sát chân phải thành tư thế đứng nghiêm xách hoặc mang súng.

* Khi vận dụng động tác vọt tiến: Tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về sau và gập cánh tay vào trong người, nắm tay cao ngang vai phải, bàn tay ngửa nắm súng, khuỷu tay đặt ngoài súng, hộp tiếp đạn quay sang trái, cẳng tay dưới đặt sát xuống đất. Tay trái thu về sau, bàn tay úp xuống đất và ngang vai trái, chân phải hơi co. Dùng sức của hai tay và chân phải nâng người dậy, đồng thời chân trái bước lên một bước nâng người dậy, chân phải bước lên tiếp tục tiến.

b) Động tác nằm bắn có vật tỳ.

Thứ tự khẩu lệnh, động tác cơ bản giống động tác nằm bắn không có vật tỳ chỉ khác:

Khi giương súng, đặt nòng súng ở phần khâu đeo dây súng lên bệ tỳ, hoặc đặt mu bàn tay trái lên vật tỳ, miệng nòng súng phải cao hơn vật tỳ và nhô ra phía trước vật tỳ ít nhất 5cm.

B. ĐỘNG TÁC QUỖ BẮN.

1. Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu, thường vận dụng ở địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm người ngồi. Trong huấn luyện bắn theo điều kiện của giáo trình hoặc khẩu lệnh của người chỉ huy.

2. Động tác

a) Động tác quỳ bắn không tỳ

- Động tác chuẩn bị bắn

+ Khẩu lệnh: “Mục tiêu...quỳ chuẩn bị bắn”.

+ Động tác:

* Động tác chuẩn bị tư thế: Khi nghe dứt khẩu lệnh, quay người về hướng mục tiêu, tay phải nắm ốp lót tay đưa súng thành thế xách súng, nắm tay đặt ngang thắt lưng, nòng súng hướng lên trên về trước hợp với thân người một góc khoảng 45° (thực hiện 2 cử động).

Cử động 1: Chân trái bước chéo sang phải một bước, gót bàn chân trái cách mũi bàn chân phải khoảng 20cm sao cho mép phải của bàn chân trái thẳng với mép trái của bàn chân phải. Chân phải dùng mũi làm trụ, xoay gót lên để bàn chân hợp với hướng bắn một góc khoảng 90° .

Cử động 2: Tay phải đưa súng về trước, tay trái ngửa đỡ lấy ốp lót tay dưới. Quỳ gối phải xuống đất theo hướng mũi bàn chân phải, mông phải ngồi trên gót bàn chân phải, ống chân trái thẳng đứng, đùi trái và đùi phải hợp với nhau một góc khoảng 60° . Sức nặng thân người rơi đều vào 3 điểm: bàn chân trái, đầu gối phải và mũi bàn chân phải, cẳng tay trái đặt trên đùi trái, đế báng súng đặt trên đùi phải.

* Động tác chuẩn bị súng, đạn

Như nằm bắn chỉ khác được thực hiện ở tư thế quỳ.

- Động tác bắn:

+ Khẩu lệnh: “Bắn”.

+ Động tác: Thứ tự động tác bắn như nằm bắn chỉ khác động tác giương súng

Tay trái nắm ốp lót tay hoặc hộp tiếp đạn, tay phải nắm tay cầm, kết hợp hai tay nâng súng lên đặt phần giữa đế báng súng vào hõm vai bên phải, khuỷu tay trái tỳ trên gối trái hơi nhô ra phía trước để tăng lực ma sát giữ súng chắc chắn, cánh tay phải mở tự nhiên, người có xu hướng hơi ngã về trước để khi bắn không bị ngã ngửa về sau. Hai tay giữ súng chắc và ghì súng chắc vào vai. Nhìn qua đường ngắm, nếu thấy súng bị sai lệch về hướng thì dịch chuyển bàn chân trái qua phải hoặc qua trái để điều chỉnh cho đúng hướng, không dùng cánh tay để điều chỉnh hướng súng.

- Động tác thôi bắn:

Thứ tự khẩu lệnh, động tác thôi bắn cơ bản như động tác nằm bắn chỉ khác động tác đứng dậy (thực hiện 2 cử động):

Cử động 1: Tay phải xách súng kết hợp 2 chân đẩy người đứng dậy.

Cử động 2: Chân trái dùng gót làm trụ xoay mũi bàn chân sang phải một góc khoảng $22,5^\circ$. Chân phải đưa lên đặt sát gót chân trái thành tư thế đứng nghiêm xách hoặc mang súng.

b) Động tác quỳ bắn có vật tỳ.

Thứ tự khẩu lệnh, động tác cơ bản giống động tác quỳ bắn không có vật tỳ chỉ khác:

- Khi giương súng đặt nòng súng ở phần khâu đeo dây đúng lên bệ tỳ, hoặc đặt mu bàn tay trái lên vật tỳ để bắn. Miệng nòng súng phải cao hơn vật tỳ hoặc nhô ra phía trước vật tỳ ít nhất 5cm

- Nếu vật tỳ có độ cao vừa phải, tư thế như quỳ bắn không tỳ, khi tỳ súng lên vật tỳ, tay trái có thể tỳ cả cẳng tay hoặc đặt mu bàn tay lên vật tỳ cho vững chắc.

- Nếu vật tỳ cao, quỳ hai gối xuống đất, ngực áp sát vào thành vật tỳ, khi bề mặt tỳ rộng thì chống cả hai khuỷu tay lên bề mặt của vật tỳ để bắn cho vững chắc.

Chú ý:

Khi bắn ở tư thế quỳ bắn không tỳ súng luôn rung động nên khi giữ súng ổn định thì mạnh dạn từ từ tăng cò kết thúc phát (loạt) bắn, không chờ đến khi súng hết rung động mới kết thúc phát (loạt) bắn.

C. ĐỘNG TÁC ĐÚNG BẮN.

1. Trường hợp vận dụng

Trong chiến đấu thường vận dụng ở địa hình có vật che khuất, che đỡ cao ngang tầm ngực. Trong huấn luyện bắn theo điều kiện giáo trình hoặc khẩu lệnh của người chỉ huy.

2. Động tác

a) Động tác đứng bắn không có vật tỳ

- Động tác chuẩn bị bắn

+ Khẩu lệnh: “Mục tiêu... đứng chuẩn bị bắn”

+ Động tác

* Chuẩn bị tư thế: Khi nghe dứt khẩu lệnh, quay người về hướng mục tiêu, tay phải nắm ốp lót tay đưa súng về tư thế xách súng. Nắm tay đặt ngang lưng, nòng súng hướng lên trên về trước hợp với thân người một góc khoảng 45^0 (thực hiện 2 cử động)

Cử động 1: Chân trái bước lên một bước rộng bằng hoặc hơn vai, bàn chân nằm trên trục hướng bắn, mũi bàn chân chéch sang phải một góc khoảng 30^0 so với trục hướng bắn.

Cử động 2: Chân phải dùng mũi bàn chân làm trụ, xoay gót lên sao cho bàn chân hợp với hướng bắn một góc khoảng 90^0 , đồng thời tay phải đưa súng về trước, tay trái ngửa đỡ ốp lót tay (khoảng dưới khung thước ngắm) để báng súng tỳ sát vào sườn bên phải. Sức nặng toàn thân rơi đều vào hai chân.

- Chuẩn bị súng đạn:

Như động tác nằm bắn chỉ khác: Đặt đế báng súng tỳ sát vào sườn bên phải, miệng nòng súng cao ngang ngực.

- Động tác bắn

* Khẩu lệnh: “Bắn”.

* Động tác: thứ tự động tác bắn như nằm bắn chỉ khác động tác giương súng

Tay trái nắm ốp lót tay hoặc hộp tiếp đạn, tay phải nắm tay cầm. Kết hợp hai tay nâng súng lên đặt phần dưới đế báng súng vào hõm vai bên phải, cánh tay trên của tay trái khép lại và tỳ sát vào bắp thịt ngực trái để giữ súng đỡ bị rung, cánh tay phải mở tự nhiên, người có xu hướng hơi ngả về trước để khi bắn không bị ngã ngửa về phía sau. Hai tay giữ súng chắc và ghì súng chắc vào vai. Nhìn qua đường ngắm, nếu thấy súng bị lệch về hướng thì dịch chuyển bàn chân trái qua phải hoặc trái để điều chỉnh cho đúng hướng, không dùng cánh tay để điều chỉnh hướng súng.

- Động tác thôi bắn

Thứ tự khẩu lệnh, động tác thôi bắn như động tác nằm bắn chỉ khác động tác về tư thế đứng nghiêm (thực hiện 2 cử động):

+ Cử động 1: Tay phải đưa lên nắm ốp lót tay, chân trái lấy gót bàn chân làm trụ, xoay mũi bàn chân sang trái một góc hợp với hướng bắn khoảng $22,5^0$.

+ Cử động 2: Chân phải đưa lên đặt sát gót chân trái, đồng thời tay phải đưa súng về thành tư thế đứng nghiêm, mang hoặc xách súng.

b) Động tác đứng bắn có vật tỳ

Thứ tự khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như động tác đứng bắn không có vật tỳ chỉ khác căn cứ vào vật tỳ để vận dụng động tác đứng bắn cho phù hợp.

- Trường hợp vật tỳ có độ cao vừa phải thì chân trái ở phía trước, tựa sườn trái vào thành vật tỳ, chân phải duỗi thẳng về sau hoặc thực hiện động tác đứng như đứng bắn không tỳ.

- Trường hợp vật tỳ cao, hai chân mở rộng bằng vai, ngực tựa vào thành vật tỳ sao cho bụng và ngực áp sát vào thành vật tỳ.

- Khi giương súng, nếu bề mặt vật tỳ hẹp thì chống khuỷu tay trái lên bề mặt vật tỳ, đặt mu bàn tay lên vật tỳ; cánh tay phải mở tự nhiên. Nếu bề mặt vật tỳ có bề rộng thì có thể chống cả hai khuỷu tay lên vật tỳ để bắn cho chắc chắn.

Chú ý: Tư thế đứng bắn không tự súng luôn rung động nên khi giữ súng ổn định thì mạnh dạn từ từ tăng cò kết thúc phát bắn (loạt bắn) không chờ đến khi súng hết rung động mới kết thúc loạt bắn, phát bắn.

III. TẬP NGẮM BIA CHỈ ĐỎ, NGẮM CHỤM, NGẮM TRÚNG CHỤM

A. Ý NGHĨA, ĐẶC ĐIỂM, YÊU CẦU

1. Ý nghĩa

- Tập ngắm bia chỉ đỏ, ngắm trúng, ngắm chụm là bài tập đầu tiên trong hệ thống các bài tập bắn súng BB, nhằm giúp người bắn bước đầu làm quen với các thao tác ngắm bắn, biết vận dụng những kiến thức về lý thuyết ngắm bắn vào một bài tập cụ thể trong điều kiện mục tiêu nhỏ, cự ly gần.

- Việc rèn luyện kỹ năng ngắm bia chỉ đỏ, ngắm chụm, trúng sẽ giúp người học phân biệt được ngắm đúng, ngắm sai, từng bước nâng dần trình độ ngắm nhanh, ngắm chính xác làm cơ sở cho luyện tập các bài bắn đạt kết quả tốt.

Vì vậy muốn trở thành người bắn tốt trước tiên phải rèn luyện tốt năng lực ngắm bia chỉ đỏ, ngắm chụm, ngắm trúng.

2. Mục tiêu

- Mục tiêu bố trí cự ly gần (cách người tập 10m) nhưng tròn, nhỏ (đường kính 2,5cm) làm cho người tập khó xác định đường ngắm đúng, chính xác.

- Người tập lần đầu tiên làm quen với ngắm bắn nên không tránh khỏi những ngỡ ngàng, lúng túng.

- Người tập phải tập trung làm việc liên tục đòi hỏi phải chính xác, tỉ mỉ nên dễ căng thẳng mệt mỏi.

- Điều kiện bài tập đặt ra nếu người tập không thực hiện đúng các yếu lĩnh, động tác thì không thể hoàn thành nhiệm vụ tập.

3. Yêu cầu

- Thực hiện các yếu lĩnh ngắm một cách chính xác.

- Các lần ngắm phải có tính thống nhất cao

- Thận trọng, tỉ mỉ, nhẹ nhàng, khéo léo, phân đầu đạt khá, giỏi.

B. TẬP NGẮM BIA CHỈ ĐỎ

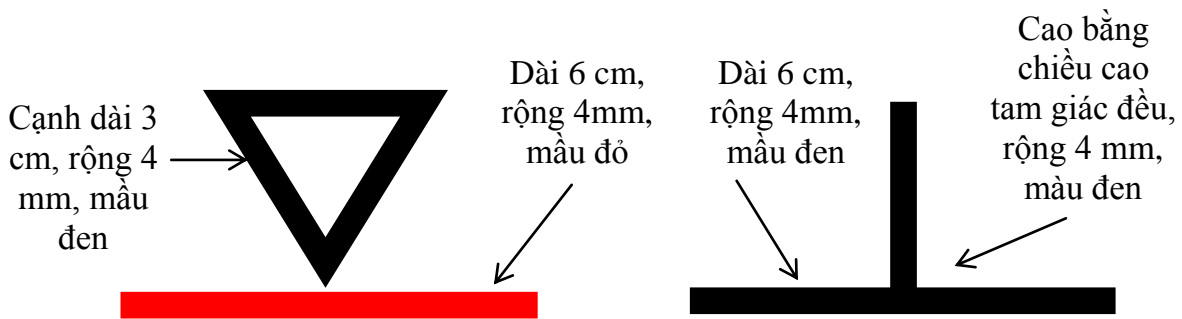
1. Công tác chuẩn bị

- Bảng bia chỉ đỏ: mặt bằng kích thước 20cm x 30cm; cọc gỗ (cán bằng) 55x 3cm x 3cm.

- Bia chỉ đỏ: gồm 2 tờ giấy khổ 20x 30cm. Trên tờ giấy thứ nhất (tờ bên ngoài) kẻ 1 đường ngang màu đỏ dài 6cm, rộng 4mm. Trên chính giữa đường ngang vẽ 1 tam giác đều có cạnh màu đen dài 3cm, rộng 4mm.

Tờ bên trong (Bia kiểm tra) kẻ 1 chữ T ngược đường ngang dưới dài 6cm, rộng 4cm. Kẻ đường dọc vuông góc với đường ngang có chiều cao bằng chiều cao của tam giác bia chỉ đỏ.

- Bộ bắn + bao cát; - Súng AK; - Kẹp, sổ ghi.



2. Động tác

- Người phục vụ

Bố trí bia chỉ đỏ cách bệ bắn 10m, bia cao hơn mặt đất 30cm được tính từ tâm; kẹp bia chỉ đỏ và bia kiểm tra vào bảng sao cho đỉnh tam giác ở bia chỉ đỏ trùng với chữ T ngược ở bia kiểm tra; sau đó ngồi xuống bên trái (phải) bảng, mặt quay về phía người tập.

- Người tập

Thực hiện động tác nằm bắn (như động tác nằm bắn cơ bản), lấy súng tháo HTĐ đặt phần cửa lắp HTĐ lên bao cát cho chắc chắn, khi ngắm có thể đặt mũ để tỳ cằm lên hoặc dùng tay chống cằm cho đầu ổn định. Lấy đường ngắm vào bia chỉ đỏ, khi điều chỉnh đưa đường ngắm cơ bản giống vào chính giữa đỉnh tam giác giao với đường ngang màu đỏ thì hô “Được” đứng dậy qua phải (trái) 1 đến 2 bước. GV hoặc người bắn giỏi nằm xuống sau súng để kiểm tra.

- Người phục vụ lật bia chỉ đỏ lên

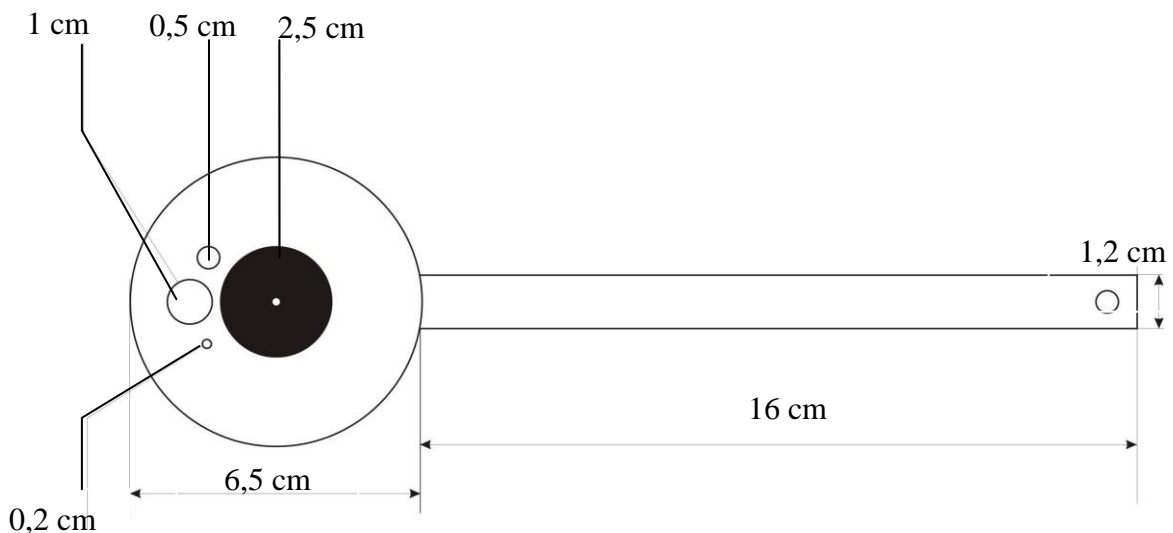
- Người kiểm tra, kiểm tra đường ngắm của người tập ở bia kiểm tra. Xác định kết quả lần ngắm của người tập; đường ngắm đúng là đường ngắm trùng với đỉnh chữ “T” ngược; nếu sai thì phải dùng mô hình đầu ngắm, khe ngắm và bia kiểm tra để chỉ rõ độ sai lệch cho người tập biết và lưu kết quả vào sổ.

- Sau khi người kiểm tra đã đánh giá xong; người tập lại nằm xuống sau súng ngắm lại 2 đến 3 lần. Các lần ngắm tiếp theo thứ tự, phương pháp của người tập, người phục vụ, người kiểm tra như lần 1.

C. TẬP NGẮM CHỤM

1. Công tác chuẩn bị

- Bảng ngắm chụm: mặt bằng kích thước 20cm x 30cm; cọc gỗ (cán bằng) 55x 3cm x 3cm; - Bia đồng tiền di động; - Bút chì đen- Thước mm; - Giấy trắng (giấy A4); - Kẹp; - Súng AK; - Bệ bắn + bao cát



Bia đồng tiền

2. Động tác

Căn cứ vào quân số tập, tổ chức luyện tập theo từng cặp (1 người tập, 1 người phục vụ tập). Động tác luyện tập cụ thể như sau:

- Người phục vụ

+ Cắm bảng ngắm chum (đã kẹp giấy trắng) cách bệ bắn 10m cao hơn mặt đất 30cm (được tính từ tâm bảng), sau đó ngòi bên trái (phải) bảng (theo hướng của người tập) mặt quay về hướng người tập. Tay phải cầm bút chì, tay trái cầm đồng tiền di động đặt cố định vào bảng (mặt có vòng tròn đen quay về phía người tập). Có thể dùng kẹp để kẹp cố định đồng tiền di động vào bảng để cho người tập lấy đường ngắm.

- Người tập

+ Tháo hộp tiếp đạn của súng ra, đặt súng lên bao cát, sau đó chuyển về nằm phía sau súng và thực hành lấy đường ngắm cơ bản vào chính giữa mép dưới vòng tròn đen của bia đồng tiền đã được cố định ở trên bảng.

+ Động tác cụ thể: Người tập có thể đặt mũ cứng để tỳ cằm hoặc dùng tay chống cằm cho đầu ổn định để ngắm, vừa ngắm vừa điều chỉnh súng để có đường ngắm chính xác. Khi ngắm thấy được thì hô “Được” và giữ nguyên đường ngắm (không động vào súng).

- Người phục vụ thấy người tập hô “Được” thì dùng bút chì chấm điểm thứ nhất vào bảng ngắm chum qua lỗ ở tâm vòng tròn đen của đồng tiền di động. Sau đó chuyển đồng tiền di động sang vị trí khác có thể sang phải (trái), lên trên hoặc xuống dưới) cách chỗ cũ khoảng 2 ÷ 4cm, không nên đặt đồng tiền xa quá làm cho người tập mất nhiều thời gian điều chỉnh.

- Người tập ngắm lần tiếp theo không động vào súng, ngắm qua đường ngắm ban đầu và điều khiển người phục vụ di chuyển đồng tiền về vị trí đường ngắm đúng. Cách điều chỉnh có thể điều chỉnh bằng khẩu lệnh “Trái”, “Phải”, “Lên”, “Xuống” hoặc dùng tay để ra ký hiệu cho người phục vụ biết. Khi thấy đồng tiền di động đã về đúng vị trí ban đầu (đường ngắm đúng) thì hô “Được” hoặc ký hiệu cho người phục vụ dùng bia đồng tiền.

- Người phục vụ khi nghe người tập hô “Được” hoặc nhìn thấy ký hiệu tay của người tập thì dùng bia đồng tiền di động, chấm điểm thứ hai.

Cứ như vậy, người tập và người phục vụ tập luyện và chấm điểm thứ 3. Căn cứ vào kết quả của ba lần tập, người phục vụ đánh giá kết quả của người tập. Dùng 3 vòng tròn trên bia đồng tiền để đánh giá.

+ Giỏi: 3 điểm bút chì chấm nằm trong vòng tròn đường kính 2mm.

+ Khá: 3 điểm bút chì chấm nằm trong vòng tròn đường kính 5mm.

+ Đạt: 3 điểm bút chì chấm nằm trong vòng tròn đường kính 10mm.

- Xác định kết quả của người tập qua 3 lần tập

+ Giỏi: các lần tập đều đạt yêu cầu, có 50% số lần tập đạt giỏi;

+ Khá: các lần tập đều đạt yêu cầu, có 50% số lần tập đạt khá, giỏi;

+ Đạt: các lần tập đều đạt yêu cầu.

D. TẬP NGẮM TRÚNG, CHỤM

1. Công tác chuẩn bị

- Bảng ngắm chum: mặt bảng kích thước 20cm x 30cm; cọc gỗ (cán bảng) 55x 3cm x 3cm.

- Bia đồng tiền
- Bút chì đen
- Thước mm
- Giấy trắng
- Kẹp bướm
- Sổ ghi
- Súng AK
- Bệ bắn + bao cát

2. Động tác

Sau khi người tập ngắm chụm đạt từ khá trở lên mới tổ chức tập ngắm trúng, chụm.

Trước khi tổ chức cho tập ngắm trúng, chụm; giáo viên hoặc người bắn giỏi lấy đường ngắm chuẩn vào bia đồng tiền di động. Người phục vụ chấm bút chì qua lỗ ở tâm vòng tròn đen của đồng tiền di động lấy điểm đó là điểm kiểm tra.

Giữ nguyên đường ngắm (không động vào súng). Người tập phối hợp với người phục vụ tập ngắm đủ 3 lần (động tác như khi ngắm chụm). Căn cứ vào 3 điểm chấm trên bảng, người phục vụ đánh giá kết quả ngắm trúng, chụm của người tập; xác định độ chụm đạt yêu cầu trở lên mới xác định độ trúng.

- Xác định độ chụm (như khi ngắm chụm)
- Xác định độ trúng

+ Tìm điểm chấm trung bình (ĐCTB) của 3 điểm chấm: Nối 2 điểm chấm gần nhất. Từ chính giữa đoạn thẳng đã nối, kẻ 1 đường thẳng tới điểm chấm thứ ba. Chia đoạn thẳng vừa kẻ thành 3 phần bằng nhau, tại điểm 1/3 phía gần với đoạn thẳng nối 2 điểm chấm chính là ĐCTB của 3 điểm chấm.

+ Dùng thước mm đo khoảng cách từ ĐCTB tới điểm K để đánh giá độ trúng.

Giỏi: ĐCTB cách điểm K 5mm trở lại

Khá: ĐCTB cách điểm K 10mm trở lại

Đạt: ĐCTB cách điểm K 15mm trở lại

- Đánh giá kết quả trúng, chụm

Giỏi: Cả độ trúng và độ chụm đều giỏi

Khá: Cả độ trúng và độ chụm đều khá, giỏi

Đạt: Cả độ trúng và độ chụm đều đạt yêu cầu.

- Từng người tập xong, người phục vụ khoanh 3 điểm chấm lại và ghi tên người tập ở bên cạnh để có cơ sở nhận xét và theo dõi kết quả luyện tập của từng người.

IV. GIỚI THIỆU ĐIỀU KIỆN BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK BÀI 1

A. Ý NGHĨA, ĐẶC ĐIỂM, YÊU CẦU

1. Ý nghĩa

Bài 1 súng tiểu liên AK là bài bắn cơ bản đầu tiên nhằm rèn luyện khả năng bắn trúng, chụm vào các mục tiêu ẩn hiện có vòng tính điểm ở các tư thế bắn khác nhau.

Tập và bắn tốt bài bắn sẽ góp phần hình thành và nâng cao kỹ năng chiến đấu, thể lực, bản lĩnh, ý thức tác chiến. Đồng thời tạo cơ sở, niềm tin cho người học khi luyện tập các bài bắn tiếp theo cũng như vận dụng vào quá trình huấn luyện và chiến đấu sau này.

2. Đặc điểm

a) Đặc điểm bài bắn

Bắn bài 1 súng tiêu liên AK là bài bắn đầu tiên của người học nhằm trang bị những kỹ thuật, động tác cơ bản nhất khi bắn súng nên đòi hỏi người bắn phải nắm chắc và luyện tập tích cực mới hoàn thành nhiệm vụ của bài bắn.

b) Đặc điểm mục tiêu

Mục tiêu bố trí ẩn hiện nên đòi hỏi người bắn phải quan sát phát hiện mục tiêu nhanh. Đồng thời các mục tiêu có vòng tính điểm nên để đạt được điểm cao đòi hỏi các phát bắn có độ trúng, chụm tốt.

c) Đặc điểm người bắn

Người bắn thực hành bắn trong điều kiện thời gian hạn chế, có 2 tư thế bắn không tỳ sự rung động của súng lớn ảnh hưởng tới khả năng giữ súng nên sự chính xác của phát bắn khó đạt kết quả cao.

3. Yêu cầu

- Nắm chắc kỹ thuật động tác cơ bản, kết hợp nhuần nhuyễn các động tác, yếu lĩnh bắn.

- Xác định đúng điểm ngắm ứng với các thước ngắm lựa chọn, tích cực luyện tập từng bước nâng cao kỹ thuật, động tác cơ bản chính xác, ổn định.

- Kết hợp chặt chẽ giữa rèn luyện kỹ thuật với thể lực và bản lĩnh, tâm lý của người bắn.

II. ĐIỀU KIỆN BẮN

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu 1: bia số 4

Tính chất mục tiêu: ẩn hiện

Cự ly bắn 100m

Tư thế bắn: nằm bắn có tỳ

b) Mục tiêu 2: bia số 7

Tính chất mục tiêu: ẩn hiện

Cự ly bắn 100m

Tư thế bắn: quỳ bắn không tỳ

c) Mục tiêu 3: bia số 8

Tính chất mục tiêu: ẩn hiện

Cự ly bắn 100m

Tư thế bắn: đứng bắn không tỳ

2. Số đạn: 9 viên (lắp vào 3 HTĐ, mỗi HTĐ lắp 3 viên)

3. Thành tích:

- Giỏi: Từ 72 điểm trở lên

- Khá: Từ 59 ÷ 71 điểm

- Trung bình: Từ 45 ÷ 58 điểm

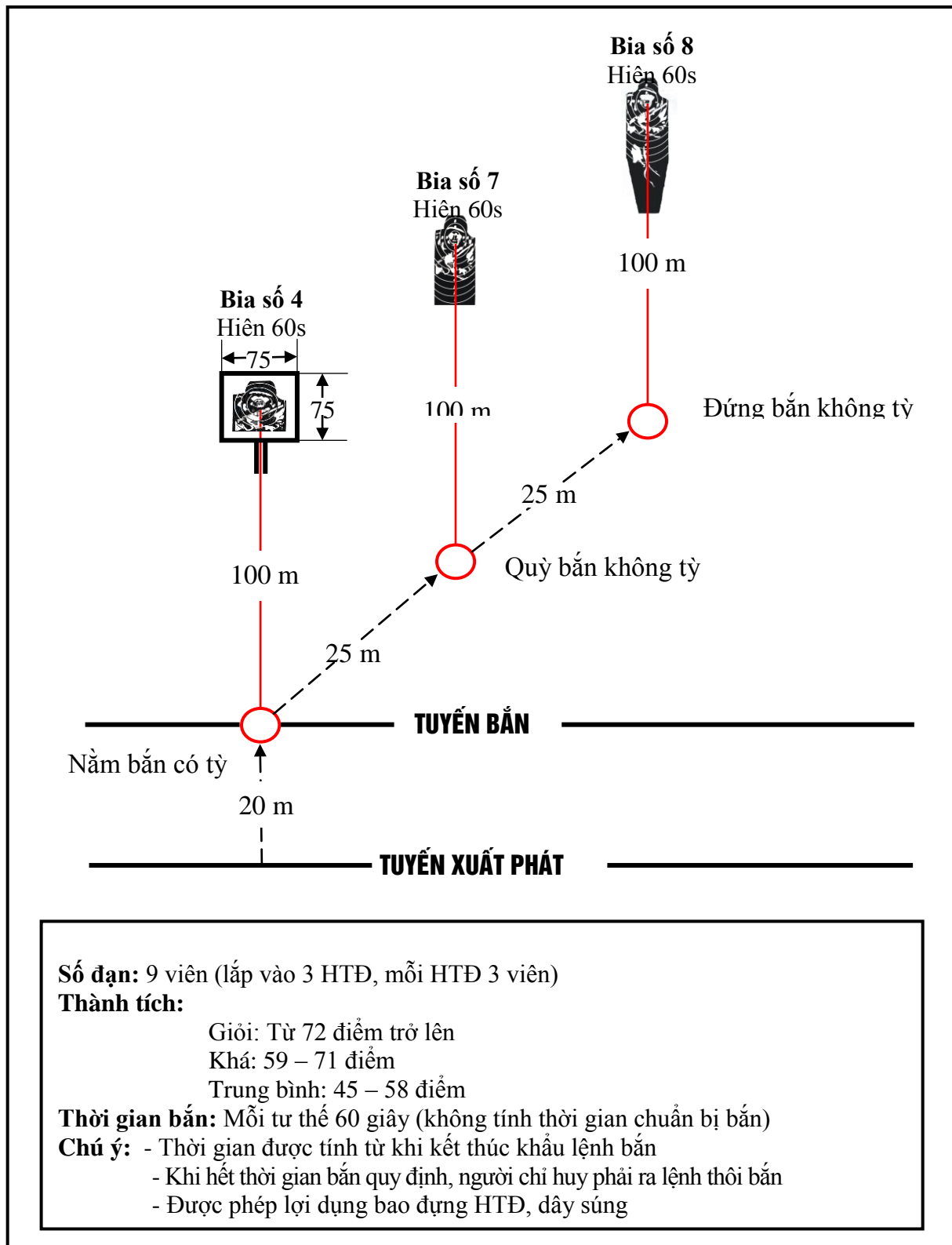
Thời gian bắn: mỗi tư thế 60 giây (không tính thời gian chuẩn bị bắn)

Chú ý: Thời gian được tính từ khi kết thúc khẩu lệnh bắn

Khi hết thời gian bắn quy định, người chỉ huy phải ra lệnh thôi bắn

Được phép lợi dụng bao đựng HTĐ, dây súng

ĐIỀU KIỆN BẮN



III. CÁCH CHỌN THUỐC NGẮM, ĐIỂM NGẮM

A. CĂN CỨ

- Điểm định bắn trúng trên mục tiêu
- Cự ly bắn
- Độ cao đường đạn trung bình so với điểm ngắm
- Tính chất mục tiêu

- Ảnh hưởng của điều kiện khí tượng, góc tã.

B. CÁCH CHỌN

1. Chọn thước ngắm 1

Độ cao đường đạn ở cự ly 100m bằng 0, điểm ngắm là tâm vòng 10 với các mục tiêu.

2. Chọn thước ngắm 2

Độ cao đường đạn ở cự ly 100m là 12cm (AK), 10cm (AKM).

- Bia số 4: Điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 12cm (AK), 10cm (AKM).
Cao hơn chính giữa mép dưới mục tiêu 9cm(AK), 11cm (AKM)

- Bia số 7: Điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 12cm (AK), 10cm (AKM).
Cao hơn mép dưới vòng 9 là 3cm (AK), 5cm (AKM)

- Bia số 8: Điểm ngắm như bia số 7

3. Chọn thước ngắm 3

Độ cao đường đạn ở cự ly 100m là 28cm (AK), 25cm (AKM)

- Bia số 4: Điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 28cm (AK), 25cm (AKM).
Thấp hơn chính giữa mép dưới mục tiêu 7cm(AK), 4cm (AKM)

- Bia số 7: Điểm ngắm thấp hơn tâm vòng 10 là 28cm (AK), 25cm (AKM).
Cao hơn mép dưới vòng 7 là 2cm (AK), 5cm (AKM)

- Bia số 8: Điểm ngắm như bia số 7

IV. CÁCH THỰC HÀNH BẮN

1. Tại vị trí chờ đợi

Khi nghe gọi tên, người bắn đáp “*Có*” có lệnh “*Vào nhận đạn*” người bắn đáp “*Rõ*” rồi cơ động vào vị trí phát đạn, nhận đủ 9 viên đạn, kiểm tra số lượng, chất lượng đạn, ký nhận vào biên bản phát đạn và cơ động lên vị trí chuẩn bị.

2. Tại vị trí chuẩn bị

Người bắn lắp đạn vào 3 HTĐ (mỗi HTĐ 3 viên), cất HTĐ có đạn vào túi đựng HTĐ, kiểm tra lại công tác chuẩn bị và việc mang đeo trang phục, trang bị. Có khẩu lệnh “*Lên tuyến xuất phát - Tiến*” người bắn cơ động lên tuyến xuất phát.

3. Tại tuyến xuất phát

Người bắn lấy súng trên giá (người bắn đầu) hoặc nhận súng của người bắn trước, có lệnh “*Lên tuyến bắn - Tiến*” người bắn xách súng cơ động lên tuyến bắn.

4. Tại tuyến bắn

Có khẩu lệnh “*Nằm chuẩn bị bắn*” người bắn làm động tác nằm chuẩn bị bắn (Lắp HTĐ có đạn vào súng, lên đạn, khoá an toàn và kiểm tra lại thước ngắm). Có khẩu lệnh “*Bắn*” (bia số 4 hiện) người bắn gạt cần định cách bắn về vị trí bắn phát 1 và thực hành bắn 3 phát vào mục tiêu bia số 4. Bắn hết 3 viên đạn hoặc hết thời gian (mục tiêu ẩn), có khẩu lệnh “*Thôi bắn, khám súng, đứng dậy*” người bắn làm động tác khám súng, đứng dậy. Có khẩu lệnh “*Qua phải một bước - Bước*” người bắn bước qua phải một bước. Có khẩu lệnh “*Tiến*” người bắn nhanh chóng cơ động lên vị trí bắn mục tiêu bia số 7.

Khi có khẩu lệnh “*Quỳ chuẩn bị bắn*” người bắn làm động tác quỳ chuẩn bị bắn. Có khẩu lệnh “*Bắn*” (bia số 7 hiện) người bắn gạt cần định cách bắn về vị

trí bắn phát 1 và thực hành bắn 3 phát vào mục tiêu bia số 7. Bắn hết 3 viên đạn hoặc hết thời gian (mục tiêu ẩn), có khẩu lệnh “*Thôi bắn, khám súng, đứng dậy*” người bắn làm động tác khám súng, đứng dậy. Có khẩu lệnh “*Tiến*” người bắn nhanh chóng cơ động lên vị trí bắn mục tiêu bia số 8.

Khi có khẩu lệnh “*Đứng chuẩn bị bắn*” người bắn làm động tác đứng chuẩn bị bắn. Có khẩu lệnh “*Bắn*” (bia số 8 hiện) người bắn gạt cần định cách bắn về vị trí bắn phát 1 và thực hành bắn 3 phát vào mục tiêu bia số 8. Bắn hết 3 viên đạn hoặc hết thời gian (mục tiêu ẩn), có khẩu lệnh “*Thôi bắn, khám súng*” người bắn làm động tác khám súng, đưa súng về tư thế mang súng, sau đó quan sát kết quả báo bia. Có khẩu lệnh “*Đằng sau - Quay*”, “*Về tuyến xuất phát, chạy thường - Chạy*”, người bắn làm động tác quay đằng sau, xách súng cơ động về tuyến xuất phát đứng đối diện với người bắn tiếp theo nghe chỉ huy bắn công bố thành tích, có lệnh “*Trao súng*” thì thực hiện động tác trao súng hoặc cất súng vào giá súng theo lệnh của chỉ huy bắn. Có khẩu lệnh “*Bên phải (trái) - Quay*” người bắn làm động tác quay bên phải (trái) cơ động về bàn thư ký nghe công bố kết quả, ký nhận vào biên bản sau đó về vị trí thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch của đơn vị.

KẾT LUẬN

Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK là nội dung cơ bản ban đầu, có vị trí vai trò quan trọng trong việc bước đầu hình thành kỹ năng sử dụng vũ khí cho người học. Vì vậy nắm chắc nội dung, tổ chức, phương pháp huấn luyện là cơ sở để vận dụng linh hoạt vào huấn luyện phù hợp với đặc điểm đối tượng và đặc thù của từng đơn vị.

CHUYÊN ĐỀ: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG SOẠN, GIẢNG BÀI GDQPAN

CHƯƠNG I: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY MÔN GDQP&AN

1. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong soạn bài giảng

Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục đang được triển khai rộng rãi ở mọi loại hình cơ sở đào tạo. Thậm chí, thiết bị CNTT đã trở thành vật "bất ly thân" của rất nhiều thầy cô giáo và học sinh. Hiện nay với môn GDQP&AN được chia thành hai nội dung là lý thuyết và thực hành.

Lý thuyết được giáo viên giảng dạy tại các phòng học hoặc trên hội trường, đây là nội dung có điều kiện và rất phù hợp với việc ứng dụng CNTT trong hỗ trợ giảng dạy môn GDQP&AN. Hiện nay đã có rất nhiều Thầy, Cô đã ứng dụng CNTT để soạn bài giảng thông qua các ứng dụng như Microsoft Word và Microsoft Powerpoint, đây là hai phần mềm cơ bản hiện nay được sử dụng soạn bài giảng nhiều nhất.

Thực hành được giáo viên giảng dạy tại sân trường hoặc trên các thao trường bãi tập, đây là nội dung ứng dụng CNTT khá hạn chế, phần lớn ứng dụng CNTT được tích hợp trong các sản phẩm đã được đóng gói để thực hành huấn luyện như phần mềm trong thiết bị MBT-03.

1. Soạn bài giảng trên Microsoft Word

Microsoft Word là một trong những phần mềm soạn thảo văn bản vô cùng cần thiết đối với giáo viên hiện nay, giúp các thầy cô biên soạn giáo án điện tử, đề kiểm tra, đề thi hoặc các kiến thức, bài tập phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy trên lớp. Một số kỹ năng Word giáo viên nào cũng cần sẽ cung cấp các thủ thuật sử dụng những phím tắt word cơ bản, chỉnh khoảng cách chữ với nhiều lựa chọn khác nhau cho phù hợp từng tài liệu, xóa gạch chân trong word, đánh số trang và in hai mặt một văn bản. Đây là những kỹ năng văn phòng mà các giáo viên sẽ sử dụng thường xuyên nên nếu nắm vững và hiểu rõ sẽ giúp thầy cô tăng tốc độ xử lý giáo án, bài vở với bố cục đẹp và khoa học, thể hiện rõ nội dung bài giảng, học sinh sẽ dễ dàng nắm bắt những kiến thức mà thầy cô muốn truyền tải.

2. Soạn bài giảng trên Microsoft Powerpoint

PowerPoint là một phần mềm trình chiếu trong bộ công cụ Microsoft Office, được đông đảo học sinh, giáo viên hay giới văn phòng sử dụng cho những bài thuyết trình của mình. Cùng với Microsoft Word và Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint đã trở thành một thiết bị văn phòng không thể thiếu. Microsoft PowerPoint ra đời với mục đích chính là phục vụ các buổi thuyết trình, thay thế cho bảng và phấn. Cho phép người dùng tạo ra những Slide để thể hiện những thông điệp với các hiệu ứng xuyên suốt.

Công dụng chung của powerpoint

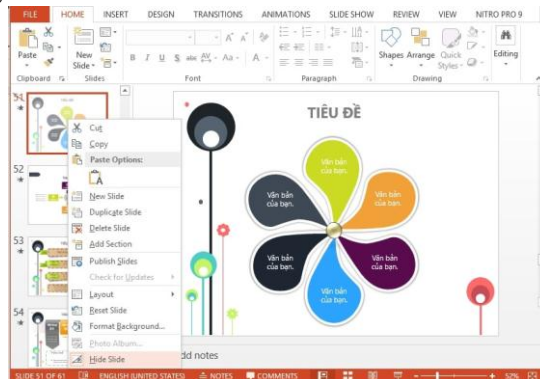
PowerPoint là công cụ vô cùng hữu ích khi được sử dụng rộng rãi và có nhiều công dụng tuyệt vời.

- Giúp các doanh nghiệp tạo các bài thuyết trình cho sản phẩm và dịch vụ của mình.
- Giúp các tổ chức giáo dục tạo bài giảng trực quan cho lớp học.

- Sử dụng với mục đích cá nhân như lập bản đồ tư duy hay trình chiếu ảnh gia đình.
- Tạo tài liệu bán hàng, tiếp thị.
- Tạo bài trình bày trong những sự kiện như đám cưới, lễ kỷ niệm hay cuộc họp mặt gia đình.
- Tạo bài thuyết trình cho các dự án, ngân sách và tài chính.
- Tạo chứng chỉ, lịch, báo cáo, sơ đồ, biểu đồ cho bất kỳ ngành nào.
- Bạn có thể tạo hầu hết mọi loại hình ảnh trong PowerPoint.

Các thuật ngữ cơ bản được sử dụng soạn bài giảng trong PowerPoint

Khi nắm rõ khái niệm của những thuật ngữ trong PowerPoint sẽ giúp bạn thực hiện theo quy trình dễ dàng hơn nhiều.



Một giao diện của thiết kế PowerPoint

- **Slideshow** và **Presentation** (Trình chiếu và Trình bày): Khi nói về PowerPoint, bạn có thể nhận thấy hai thuật ngữ này có khả năng hoán đổi cho nhau. Chúng đại diện cho tài liệu tổng thể mà bạn tạo trong ứng dụng.
 - **Slide:** Mỗi slideshow trong PowerPoint chứa nhiều slide. Bạn có thể nghĩ đơn giản các slide này giống như các trang mà bạn có thể thêm vào bản trình bày của mình và sau đó chuyển qua từng trang một.
 - **Animation** (chuyển động): Các animation là hiệu ứng hình ảnh cung cấp cho slide của bạn một diện mạo độc đáo. Chúng cho phép bạn thêm các chuyển động và sự lồi cuốn vào các phần tử trên slide.
 - **Transition** (Hiệu ứng chuyển tiếp): Transition cũng là công cụ trực quan, nhưng chỉ nhìn thấy khi di chuyển sang slide kế tiếp. Bằng cách sử dụng một transition, bạn có thể làm cho bài thuyết trình của mình thêm nổi bật trong mắt người xem hoặc sử dụng nó để tạo các hiệu ứng ấn tượng.



Ưu điểm của Powerpoint so với phương pháp soạn bài giảng truyền thống:

- Cho phép tiết kiệm thời gian soạn bài;
- Tăng tính sinh động và hấp dẫn của bài giảng;
- Cho phép người nghe tiếp cận vấn đề nhanh hơn và sâu hơn.

II. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong trình chiếu giảng dạy

1. Ứng dụng PowerPoint trong trình chiếu giảng dạy

PowerPoint là công cụ để trình chiếu các bài giảng với nhiều nội dung khác nhau, phục vụ các lĩnh vực từ học tập tới giảng dạy, nghiên cứu, báo cáo... Sau khi đã soạn đầy đủ nội dung cho bài giảng trên PowerPoint, giáo viên nên trình chiếu thử slide để kiểm tra kỹ lại nội dung, chỉnh sửa những phần chưa vừa ý trước khi tiến hành trình chiếu giảng bài trước lớp.

Bên cạnh những công cụ phục vụ cho nội dung trình chiếu giảng bài, thuyết trình, PowerPoint cũng có các tính năng hỗ trợ cho việc báo cáo cũng như di chuyển nội dung dễ dàng khi giáo viên trình chiếu giảng bài. Sau đây là nội dung hướng dẫn cách trình chiếu giảng bài, thuyết trình slide PowerPoint 2007.

2. Ứng dụng phim giáo khoa trong trình chiếu giảng dạy

Trong xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay, các nhà trường đã được trang bị những phương tiện và thiết bị kỹ thuật dạy học hiện đại như máy tính, máy chiếu, tivi... Đó là những yêu cầu có tính chất khách quan và cấp thiết của tất cả các môn học nói chung, trong đó có môn GDQP và AN. Sự thành công trong việc sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật để giải quyết hàng loạt tình huống dạy học đã góp phần nâng cao chất lượng bài giảng, trong đó có việc sử dụng phim giáo khoa trong dạy học.

Phim giáo khoa ngày nay đã thâm nhập vào các hoạt động của nhà trường. Chúng không những thay đổi phương pháp dạy học truyền thống mà còn đổi mới cả nội dung dạy học, mở rộng khả năng lĩnh hội tri thức khoa học với chất lượng cao và tốc độ nhanh.

Phim giáo khoa dùng để dạy học khác với những video thông thường ở chỗ: nó phải chứa đựng nội dung sách giáo khoa, vì vậy phim giáo khoa phải thể hiện được nội dung cơ bản của một bài, một chương hay một vấn đề trong chương trình, do vậy phim giáo khoa phải đảm bảo được những nội dung sau:

- Phải đảm bảo tính khoa học (thể hiện được kiến thức có chọn lọc, phù hợp với nội dung từng khối lớp)
- Phải đảm bảo được yêu cầu nghệ thuật (hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, nhạc nền phải sinh động và phù hợp, lời bình phải trong sáng, rõ ràng...)
- Dung lượng phải phù hợp với thời gian từng môn học.

Ưu điểm của phim giáo khoa trong giảng dạy, học tập:

- Giúp cho giáo viên và học sinh có phương pháp Dạy - Học tốt hơn trong quá trình củng cố kiến thức, giải thích hay cung cấp tri thức mới;
- Giúp giáo viên thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh, sinh viên
- Góp phần mở rộng nguồn tri thức, giúp học sinh lĩnh hội tri thức một cách dễ dàng, nhanh chóng và tạo cho học sinh hứng thú học tập;
- Tạo điều kiện cho học sinh phát triển theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức, giúp học sinh tự học một cách thuận lợi.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy, phương pháp sử dụng các phương tiện thiết bị kỹ thuật dạy học nói chung và phương pháp sử dụng phim giáo khoa trong dạy học môn GDQP và AN nói riêng là rất cần thiết đối với giáo viên và học sinh trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG II: SẢN PHẨM HỖ TRỢ GIẢNG DẠY, HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

I. Giới thiệu chung

1. Tổng quan về sản phẩm

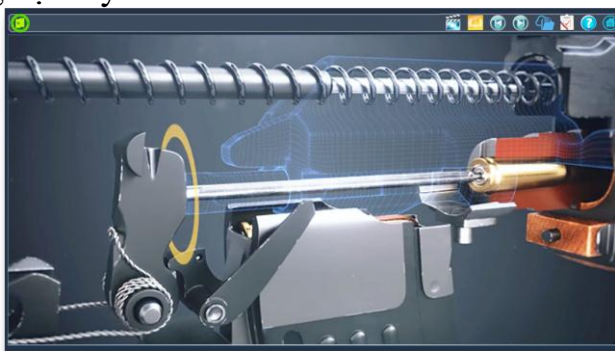
Giáo dục luôn là vấn đề được Chính phủ và người dân Việt Nam đặc biệt quan tâm. Trong những năm qua nền giáo dục Việt Nam đã có những chuyển biến đáng kể theo chiều hướng tích cực, trong đó phải kể đến sức mạnh của công nghệ trong việc mở rộng tầm ảnh hưởng của giáo dục và thúc đẩy phát triển tiềm năng của con người. Thế hệ trẻ ngày nay có tư tưởng tiến bộ, sẵn sàng tiếp nhận phương pháp học mới thay thế cách học truyền thống có phần cứng nhắc và tính thực tiễn không cao, chính vì vậy, xây dựng môi trường học tập hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp dạy học tích cực, giúp học sinh phát huy sự chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu là một trong những mục tiêu quan trọng đặt ra, nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

Thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập kiến thức GDQP&AN (sản phẩm SimBook) ra đời trong thời điểm cả nước đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Đây là sản phẩm có tính thiết thực trong hỗ trợ giảng dạy, học tập môn GDQP và AN, dễ sử dụng, giá thành rẻ, đúng với chủ trương đang được Bộ giáo dục và đào tạo thực hiện một cách đồng bộ có hiệu quả trong nhiều năm qua.

Ứng dụng sản phẩm SimBook vào hỗ trợ giảng dạy thực tế sẽ giúp giáo viên trong nghiên cứu giảng dạy cũng như góp phần quan trọng đưa công nghệ thông tin vào đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập tại các nhà trường. Học sinh, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn, sâu hơn những kiến thức được học và có niềm hứng khởi trong học tập môn GDQP và AN từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả trong vấn đề tiếp thu kiến thức.

2. Mục tiêu của sản phẩm

Mục tiêu của sản phẩm Simbook là hỗ trợ học tập, tra cứu, giảng dạy kiến thức môn GDQP và AN cho giảng viên, học sinh, sinh viên một cách trực quan, sinh động; bổ trợ cho chương trình giảng dạy, học tập bằng các hình thức phong phú, đa dạng cuốn hút người học; tra cứu thông tin tiện lợi; sử dụng tivi, máy tính, máy chiếu tại các nhà trường làm công cụ truyền tải kiến thức.



II. Nội dung sản phẩm

1. Mô tả sản phẩm và phương thức truyền tải nội dung kiến thức

1.1. Thiết bị phần cứng

- Hộp Simbook;
- Chuột không dây;
- Dây HDMI;
- Dây nguồn sạc.



1.2. Phần mềm

- Phần mềm hỗ trợ thiết kế xây dựng và hiển thị bài giảng;
- Kho CSDL bao gồm những nội dung sau:
 - + Nội dung lý thuyết môn học GDQP và AN;
 - + Nội dung phim giáo khoa huấn luyện thực tế;
 - + Nội dung phim giáo khoa về mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số loại vũ khí bộ binh.



Ngoài ra sản phẩm cũng có thể được chia nhỏ thành các gói dịch vụ khác nhau để phục vụ theo nhu cầu sử dụng:

- Sử dụng chọn gói sản phẩm Simbook (như trên)
- Sử dụng phần mềm của Simbook (không có thiết bị)
- Sử dụng sản phẩm USB về nội dung phim giáo khoa huấn luyện và phim mô phỏng.

1.3. Phương thức truyền tải kiến thức

- Sản phẩm Simbook lựa chọn phương thức truyền tải kiến thức thông qua các thiết bị sau:

+ Sản phẩm trọn gói Simbook sử dụng Tivi, máy chiếu làm phương tiện truyền tải kiến thức (*Simbook trong vai trò là máy tính kết nối trực tiếp vào tivi hoặc máy chiếu*)



+ Dùng phần mềm Simbook cài đặt lên máy tính để sử dụng
 + Giảng dạy, học tập thông qua USB chứa các nội dung phim giáo khoa huấn luyện và phim mô phỏng (*trình chiếu thông qua tivi, máy tính*)

2. Các chức năng chính của sản phẩm

1.4. Chức năng quản lý người dùng

- Phân quyền sử dụng sản phẩm cho người dùng:
 - + Tài khoản quản trị: Được toàn quyền truy cập vào hệ thống để thiết kế, xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa bài giảng
 - + Tài khoản khác: Có quyền truy cập vào sản phẩm để học tập, tra cứu, giảng dạy nhưng không có quyền truy cập vào hệ thống để chỉnh sửa.



1.5. Chức năng thiết kế, xây dựng quản lý bài giảng

- Thiết lập cây thư mục
- Thiết lập nội dung bài giảng lý thuyết
- Thiết lập nội dung bài giảng phim giáo khoa



1.6. Chức năng điều khiển, hiển thị nội dung bài giảng

- Sản phẩm có giao diện đơn giản, dễ sử dụng, các chức năng điều khiển giao tiếp với người dùng được bố trí ngay trên thanh công cụ như sau:
 - + Tìm kiếm nội dung;
 - + Mở nội dung phim giáo khoa, phim mô phỏng;
 - + Mở nội dung bài giảng lý thuyết tương ứng;
 - + Mở bài trước;
 - + Mở bài tiếp theo;
 - + Quản trị sản phẩm;

- + Kiểm tra kiến thức;
- + Trợ giúp;
- + Quay lại.



1.7. Khung hiển thị nội dung bài giảng



1.8. Kho cơ sở dữ liệu kiến thức môn học GDQP và AN

1.8.1. Cơ sở dữ liệu về lý thuyết môn học GDQP và AN các bậc học

- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Khối 10
- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Khối 11
- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Khối 12
- Lý thuyết theo giáo trình môn học GDQP và AN Cao đẳng, Đại học

1.8.2. Cơ sở dữ liệu phim giáo khoa huấn luyện thực tế

- + Phim giáo khoa huấn luyện đội ngũ từng người không có súng;
- + Phim giáo khoa huấn luyện đội ngũ tiểu đội;
- + Phim giáo khoa huấn luyện các tư thế, động tác cơ bản khi vận động trong chiến đấu;
- + Phim giáo khoa huấn luyện kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương;
- + Phim giáo khoa huấn luyện kỹ năng thực hành động tác ném lựu đạn;
- + Phim giáo khoa huấn luyện kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK47;

1.8.3. Cơ sở dữ liệu phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo và nguyên lý hoạt động của một số loại vũ khí bộ binh

- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng tiểu liên AK47;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng AR15;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng ngắn K54;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng ngắn K59;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng trường CKC;
- + Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng RPD;

+ Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của súng RPK;

+ Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của lựu đạn LÐ-01;

+ Phim giáo khoa mô phỏng tính năng, tác dụng, cấu tạo, và nguyên lý hoạt động của đồ dùng gây nổ thường trong lượng nổ khối.

CHƯƠNG III: TÌM HIỂU CÔNG CỤ XÂY DỰNG PHIM GIÁO KHOA

1. Giới thiệu phần mềm Proshow Producer

1. Tổng quan về Proshow Producer

Proshow Producer là sản phẩm của hãng Photodex, là một phần mềm thông dụng hiện nay cho phép người sử dụng tạo những đoạn phim hay những đoạn flash dưới dạng trình diễn show ảnh. Chuyên dùng để tạo các bộ Album video ảnh với các hiệu ứng chuyển cảnh cực đẹp và độc đáo, tương thích nhiều loại file ảnh, cho phép thay thế nhạc nền video,.. Chúng có thể xuất ra nhiều định dạng tùy chọn khác nhau, bao gồm DVD, CD cùng tùy chọn phim HD mới hay các tùy chọn xuất ra Flash, QuickTime...

Thao tác nhanh, dễ sử dụng, hiệu quả cao gây thích thú cho người xem, đó là tính năng vượt trội của chương trình này. Chính những lý do trên mà phần mềm này được thông dụng và thường xuyên, nhiều người dùng khi làm Slide Shows.

Proshow Producer vượt trội ở chỗ có khả năng biến một bộ sưu tập ảnh số thành một slideshow dưới dạng file flash huyền ảo. Chương trình Proshow Producer cho phép bạn tạo các kiệt tác trình chiếu cao cấp và mức độ chuyên nghiệp ấn tượng, tác động mạnh mẽ đến người xem.

Giao diện của phần mềm Proshow Producer rất dễ sử dụng với thanh menu và thanh công cụ bố trí bên trên. Cửa sổ cây thư mục của Proshow Producer đặt bên trái có chức năng xem trước các file ảnh, bên phải là cửa sổ xem trước. Dưới cùng là nơi đưa vào các hình ảnh để tạo slideshow.

Bản Proshow Producer (PP) rất giống với người anh em của nó là Proshow Gold.

Nhưng bản Proshow producer là bản chuyên nghiệp hơn, nó là những gì mà bản Proshow Gold còn thiếu.

2. Một số tính năng cơ bản

2.1. Các lớp (layers)

Thêm không giới hạn các lớp vào bất kỳ slideshow nào.

Cho phép kéo thả dễ dàng để bổ sung thêm nội dung vào một slideshow.

Hỗ trợ hơn 100 loại file, có hỗ trợ các định dạng file dạng thô RAW của một số loại máy ảnh, máy quay phim kỹ thuật số.

Hỗ trợ tính trong suốt cho các file psd, png, tiff và gif.

Chuyển bất kỳ lớp nào thành một mặt nạ (mask) để che giấu hay làm lộ ra một phần của các lớp phía dưới.

Thêm màu chuyển sắc (gradient) hay đồng nhất (solid) trên một lớp trình chiếu để cho ra các kết quả rất lạ mắt.

Có nhiều hiệu ứng chuyển tiếp cho các lớp riêng biệt.

Giúp thực hiện nhanh và dễ dàng hơn bằng cách dùng các mẫu slideshow có sẵn.

Đễ dàng phục hồi các file thất lạc hay bị di chuyển khỏi một slideshow bằng tính năng mới **Find Missing Files**. Cho phép chụp ảnh các khung hình trong slide thành ảnh JPEG để in.

Thêm không giới hạn các lớp vào bất kỳ slideshow nào.

- Tại phần mềm proshow producer cho phép kéo thả dễ dàng để bổ sung thêm nội dung vào một slideshow

- Hỗ trợ hơn 100 loại file, có hỗ trợ các định dạng file dạng thô RAW của một số loại máy ảnh, máy quay phim kỹ thuật số.

- Hỗ trợ tính trong suốt cho các file psd, png, tiff và gif.

- Chuyển bất kỳ lớp nào thành một mặt nạ (mask) để che giấu hay làm lộ ra một phần của các lớp phía dưới.

- Thêm màu chuyển sắc (gradient) hay đồng nhất (solid) trên một lớp trình chiếu để cho ra các kết quả rất lạ mắt.

- Có nhiều hiệu ứng chuyển tiếp cho các lớp riêng biệt.

- Giúp thực hiện nhanh và dễ dàng hơn bằng cách dùng các mẫu slideshow có sẵn.

- Phần mềm Proshow Producer dễ dàng phục hồi các file thất lạc hay bị di chuyển khỏi một slideshow bằng tính năng mới Find Missing Files. Cho phép chụp ảnh các khung hình trong slide thành ảnh JPEG để in.

Có các công cụ hiệu chỉnh ảnh để làm sắc nét, hiệu chỉnh màu...

Tạo các khung ảnh, bo viền cho hình ảnh hay các đoạn video với những họa tiết mới.

Tạo các hiệu ứng mở màn theo phong cách điện ảnh (*Hollywood-Style*) bằng công cụ mới **Chroma Key Transparency**.

Cho phép hiệu chỉnh độ mờ đục (*opacity*) cho bất kỳ lớp nào trên một slideshow.

Tạo độ sâu cho ảnh của slideshow bằng cách điều chỉnh màu sắc và độ mờ đục của một bóng đổ lên bất kỳ lớp nào trên một slide.

Cắt cúp và xoay ảnh hay video một cách chính xác.

Có công cụ hỗ trợ loại bỏ hiện tượng mắt đỏ cho ảnh.

2.2. Chuyển động (Motions)

Thêm nhiều chuyển động như quay theo đối tượng (pan), thu phóng (zoom) và xoay (rotate) cho bất kỳ lớp nào vào trong một slideshow, tương tự như trong điện ảnh thực.

• Zoom theo 2 trục X và Y đối với một lớp riêng biệt.

• Tạo các đường chuyển động phức tạp bằng cách lập các điểm chốt trên thanh trượt thời gian khung hình.

• Có thể xem trước slide có chọn lựa, cho phép bố trí chính xác các hình và các video trên một slideshow. Thực hiện điều khiển việc định giờ trình chiếu bằng thanh tiến trình (Slide Timeline) mới trong ProShow Producer 3.0. Có thể chuyển đổi qua lại giữa giao diện xem danh sách thường (Slide List) và dạng thanh tiến trình Timeline để đồng bộ chính xác phân âm thanh với cảnh nào đó trong slideshow.

2.3. Các lời chú thích (Captions)

Cho phép chọn font, cỡ và màu sắc font của các lời chú thích (caption) trên các slideshow. Làm sinh động các caption của bạn bằng nhiều hiệu ứng rất đặc sắc, vượt trội so với bản trước đây. Có nhiều kiểu caption mới, các tính năng chèn khoảng dòng caption và ký tự caption.

• Thêm các caption tương tác để khởi động nhanh các động tác như Ngưng - Pause, Chạy lại - Resume, Trình diễn kế tiếp - Next Slide, Trình diễn trước đó -

Previous Slide, Viết thư điện tử - Email... và nhiều hơn nữa.

1.4. Âm thanh và âm nhạc (Music and Sounds)

- Cho phép kéo thả các file âm thanh MP3 hoặc WAV vào trình diễn.
- Lưu một track âm thanh trực tiếp từ một CD và thả nó vào slideshow.
- Cắt cúp âm thanh và tạo các hiệu ứng (effect) bằng bộ công cụ tích hợp Audio Trimmer, dạng sóng của track âm thanh tích hợp trong danh sách slide.

1.5. Phần nền (Backgrounds)

• Có thể dùng các màu đồng nhất, các màu chuyển sắc (gradients), hay các video làm nền cho slideshow. Cũng có thể dùng các phong nền tích hợp có sẵn của chương trình.

- Cho phép kiểm soát các cấp độ điều chỉnh của phần nội dung nền

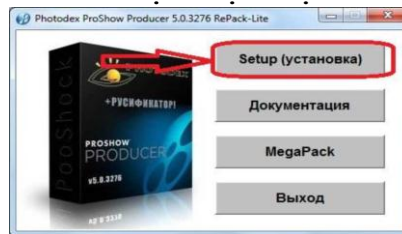
2.6. Các định dạng đầu ra của ProShow Producer

- Autorun CD (CD tự chạy).
- DVD, VCD.
- File chạy tổng hợp EXE.
- Chia sẻ slideshow qua email, chia sẻ trực tuyến miễn phí và phát slideshow lên web.

- Streaming flash video.
- Compressed AVI (AVI nén) hoặc Uncompressed AVI (AVI không nén).
- Quicktime video (MOV).
- Video độ nét cao (HD), Windows Media Video (WMV).
- MPEG 1 và MPEG 2.
- Các trình bảo vệ màn hình (Screensaver).

2.7. Cài đặt phần mềm

Sau khi download Proshow Producer 5 về, tập tin download về ở dạng file nén. Vậy nên ta phải giải nén file đó. Có thể dùng phần mềm winrar để giải nén. Sau khi giải nén, Click đúp vào AUTORUN để thực hiện việc cài đặt phần mềm.



Lựa chọn Setup để cài đặt

Nhấn Next để đến bước tiếp theo

Lựa chọn giao diện Tiếng Anh và thêm vào các Style Pack.

Lựa chọn finish để kết thúc.





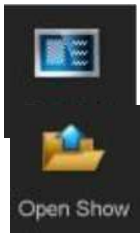
sử dụng nhấn

Wizard là công cụ thông minh sử dụng bức ảnh của bạn để tạo ra một trình chiếu độc đáo trong chỉ là một vài bước đơn giản và dễ dàng. Sau khi chương trình được xây dựng, bạn có hoàn toàn tự do để tùy chỉnh bất kỳ khía cạnh của chương trình. Để bắt đầu với Wizard, người

Create và làm theo các bước.



Blank Show là công cụ để người sử dụng bắt đầu mới hoàn toàn. Khi lựa chọn Blank Show, người dùng đặt tên cho Project của mình, lựa chọn kích cỡ khung nhìn (16:9,4:3). Để bắt đầu, nhấn phím Create.



Tạo một trình diễn bằng cách sử dụng mẫu có sẵn.

Mở một trình diễn đã được lưu trước từ máy tính của bạn.

CHUYÊN ĐỀ: PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC

I. NHẬN THỨC VỀ TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC

1. Khái niệm và dấu hiệu pháp lý của các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

Con người là thực thể đặc biệt trong xã hội, xã hội loài người chỉ có thể phát triển khi mỗi cá nhân được phát triển. Tất cả các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đều đề cao vai trò của con người và ngày càng hoàn thiện cơ chế bảo vệ các quyền con người. Một trong những công cụ hữu hiệu để ghi nhận, củng cố, bảo vệ quyền con người là pháp luật; đặc biệt để bảo vệ một cách toàn diện và hiệu quả nhất đó là việc cụ thể hóa các chế định bảo vệ quyền con người được đưa pháp luật hình sự. Bảo vệ con người trước hết là bảo vệ tính mạng, sức khỏe, DDNP và tự do của họ, trong đó bảo vệ DDNP của con người có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Không chỉ đối với Việt Nam, pháp luật quốc tế cũng ghi nhận quyền này của con người, quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín được ghi nhận trong tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 tại Điều 12 “Không ai phải chịu can thiệp một cách tùy tiện vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nơi ở hoặc thư tín, cũng như bị xúc phạm danh dự hoặc uy tín cá nhân...”; và quyền nhân thân này cũng được quy định trong Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 “Không ai bị can thiệp một cách độc đoán hoặc bất hợp pháp đến đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín hoặc bị xúc phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín”. Đây là một trong những yếu tố hình thành quyền công dân nói chung và quyền con người nói riêng, nó là những quyền tự nhiên của con người và không bị tước bỏ bởi bất cứ ai và bất cứ chính thể nào.

Danh dự, nhân phẩm của một con người không cùng lúc xuất hiện ngay khi con người đó được sinh ra mà nó được hình thành thông qua quá trình sinh trưởng, phát triển và hoàn thiện của mỗi con người. Con người tham gia vào các mối quan hệ xã hội, thông qua hành vi của mình mà thiết lập các giao dịch làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt các quyền, nghĩa vụ của các chủ thể. Những thành tựu, công lao mà một người gây dựng được tích lũy qua thời gian, được xã hội đánh giá theo hệ tiêu chuẩn và các nguyên tắc nhất định của từng thời kỳ. Nhân phẩm của mỗi cá nhân được đánh giá trên cơ sở sự tích lũy cá nhân và những chuẩn mực chung của xã hội. Nhân phẩm là phẩm giá con người, là giá trị tinh thần của một cá nhân với tính cách là một con người; mỗi con người luôn có những phẩm chất nhất định, những phẩm chất này sẽ làm nên giá trị của cá nhân. Quá trình xây dựng và bảo vệ nhân phẩm của cá nhân tạo nên danh dự của con người. Vì vậy, danh dự và nhân phẩm là hai khái niệm luôn có mối quan hệ quy định lẫn nhau.

Mỗi người trong xã hội có thể có những giá trị DDNP giống hoặc khác nhau, tuy nhiên những giá trị nhân thân này đều được bảo vệ một cách bình đẳng bởi nhiều công cụ khác nhau, đặc biệt là pháp luật hình sự. Mọi hành vi xâm phạm DDNP của con người đều bị trừng trị nghiêm khắc.

Danh dự, nhân phẩm của con người là những yếu tố về tinh thần, bao gồm phẩm giá, giá trị, sự tôn trọng, tình cảm yêu mến của những người xung quanh, của xã hội

đối với người đó. Hành vi xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người là làm cho người đó bị xúc phạm, tổn thương về tinh thần và xấu hổ đối với những người xung quanh, người trong gia đình, tập thể, trong nhân dân, trong xã hội tùy thuộc vào vị thế, vai trò và nhiệm vụ, tuổi tác của người đó và mức độ của hành vi phạm tội.

Xâm phạm đến DDNP của con người được thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho xã hội trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến DDNP của con người. Đa số hành vi nguy hiểm được thực hiện bằng hành động cụ thể, thường thể hiện bằng cách: Dùng hành động làm tổn hại đến thể chất và tinh thần của người khác và dùng những lời lẽ hoặc hành động có tính chất thóa mạ, khinh bỉ để làm nhục người khác hoặc gán một sự kiện xấu xa cho người khác làm cho xã hội đánh giá sai hoặc hình dung sai về người đó. Sự đánh giá sai sự thật không phụ thuộc vào việc người đưa ra những tin tức đó vô tình hay cố ý, “tiêu chuẩn để đánh giá những sự việc nêu ra là xấu xa hay không xấu xa là những nguyên tắc đạo đức xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, tính chất nghiêm trọng của những tin tức đưa ra có thể khác nhau tùy theo nhân thân của người bị hại”. [3]

Các tội xâm phạm DDNP của con người là những hành vi có lỗi xâm phạm quyền được tôn trọng và bảo vệ về DDNP của người khác. DDNP con người là một trong những quyền bất khả xâm phạm. Điều 20 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (viết tắt là Hiến pháp năm 2013) quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm”. [4]

Không ai hoặc cơ quan, tổ chức nào có quyền xâm phạm đến DDNP của người khác, những hành vi xâm phạm đến DDNP của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được Hiến pháp xác lập, ghi nhận và được pháp luật hình sự bảo vệ; những quy định trong pháp luật hình sự nói về các tội xâm phạm DDNP của con người thể hiện thái độ kiên quyết đấu tranh chống các tội xâm phạm DDNP của con người của Nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, công dân, đây cũng là cơ sở pháp lý hình sự đầy đủ và thống nhất để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có căn cứ để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đối với các hành vi xâm phạm đến DDNP của con người sao cho đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm, không xử oan người vô tội.

Việc quy định các tội xâm phạm DDNP của con người trong pháp luật hình sự không chỉ góp phần tuyên truyền, phổ biến cho mọi công dân có tinh thần, ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người; răn đe đối với các thành viên không vững vàng, dễ bị lôi kéo trong xã hội mà còn có hình phạt thích đáng nhằm trừng trị và giáo dục chính bản thân người phạm tội.

Theo đó, *các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ về nhân phẩm và danh dự được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ.*

- *Dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người*

+ Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Khách thể của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được thể hiện ngay trong tên gọi của Chương. Đó là, các tội phạm này xâm phạm đến quyền được bảo hộ về nhân phẩm, danh dự của con người. Đối tượng tác động của các tội phạm này là con người cụ thể. Theo đó, con người phải là một cơ thể còn sống và có thời điểm tính từ khi sinh ra cho đến khi chết. Điều này để nhằm phân biệt các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người với một số tội phạm cũng có những hành vi phạm tội tương tự nhưng tác động tới đối tượng không phải là con người (người đã chết...). Điều này cho thấy, không thể coi một con người đang còn sống khi chưa lọt lòng mẹ (còn ở trong bào thai) hoặc khi người đó đã chết.

Nhân phẩm được hiểu là phẩm chất, giá trị của một con người cụ thể và được pháp luật bảo vệ. Nhân phẩm là tổng hợp những phẩm chất mang tính đặc trưng của mỗi cá nhân, những yếu tố đặc trưng này tạo nên giá trị một con người.

Danh dự là sự coi trọng của dư luận xã hội, dựa trên giá trị tinh thần, đạo đức tốt đẹp và là cái nhằm mang lại danh dự, nhằm tỏ rõ sự kính trọng của xã hội, của tập thể.

Hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người là làm cho người đó bị xúc phạm, bị coi thường, bị khinh rẻ trong gia đình, tập thể, trong nhân dân, trong xã hội tùy thuộc vào vị thế, vai trò và nhiệm vụ, tuổi tác của người đó và mức độ của hành vi phạm tội.

+ Mặt khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Mặt khách quan của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thể hiện ở những hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành động hoặc không hành động) xâm phạm trực tiếp tới nhân phẩm, danh dự của con người. Trong Chương XIV của Bộ luật hình sự, đa số các hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bằng hành động phạm tội như: sử dụng các công cụ, phương tiện khác nhau để gây nên sự tác động tới con người cụ thể, gây ra những thiệt hại hoặc đe dọa gây ra những thiệt hại cho con người đó. Đối với hành vi xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người thường được thể hiện bằng lời nói, cử chỉ, hành vi phát tán... xâm phạm tới uy tín, danh dự, nhân phẩm của người khác...

Mặt khách quan của tội phạm còn thể hiện ở hậu quả nguy hiểm cho xã hội. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm này là những thiệt hại về thể chất như gây tổn hại về tinh thần như xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của con người. Phần lớn các tội phạm thuộc Chương XIV Bộ luật hình sự đều có cấu thành vật chất, tức là hậu quả là yếu tố bắt buộc của cấu thành tội phạm. Để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội phạm này cần phải làm rõ mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả do hành vi đó gây ra.

+ Chủ thể của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện. Tuy nhiên do phần Chung của Bộ luật hình sự quy định pháp nhân thương mại chỉ có thể là chủ thể của một số tội phạm nhất định, trong đó không có các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự nên các tội phạm này chủ thể chỉ có thể là cá nhân có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt một độ tuổi nhất định. Tuy nhiên, đối với một số tội phạm, thì ngoài dấu hiệu chung, chủ

thể của tội phạm còn cần có các dấu hiệu đặc biệt như: người đang thi hành công vụ trong Điều 137; người có chức vụ, quyền hạn hoặc có quan hệ nhất định đối với người bị lệ thuộc (Điều 130, Điều 140).

+ Mặt chủ quan của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Phần lớn các tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp

Đối với một số tội, mục đích và động cơ phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm. Ngoài ra, Bộ luật hình sự còn quy định động cơ hoặc mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tăng nặng ở một số cấu thành tăng nặng như động cơ đê hèn (điểm c khoản 2 các điều 151, 152, 153 – các tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em); để sử dụng vào mục đích vô nhân đạo, để đưa ra nước ngoài (điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 150 – tội mua bán người; điểm h, e khoản 2 các điều 151, 152, 153 – các tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em). Đối với các tội khác, động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc.

2. Phân loại các tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm

Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) bổ sung và quy định rõ thêm một số tội danh xâm phạm đến DDNP của con người (đặc biệt đối với tội danh xâm phạm đến DDNP của con người là trẻ em) so với BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009). Theo quy định pháp luật Hình sự Việt Nam hiện nay, các tội xâm phạm DDNP của con người gồm:

- Các tội xâm phạm tình dục:

Nhóm tội này gồm các tội sau: Tội hiếp dâm; Tội cưỡng dâm; Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm.

Theo BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam, các tội xâm phạm tình dục bao gồm: Tội hiếp dâm (Điều 111), Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112), Tội cưỡng dâm (Điều 113), Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115), Tội dâm ô đối với trẻ em (Điều 116). BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung và quy định rõ thêm một số tội danh xâm phạm tình dục, đặc biệt đối với tội danh xâm phạm tình dục đối với trẻ em: Tội hiếp dâm (Điều 141), Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), Tội cưỡng dâm (Điều 143), Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144), Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145), Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146), Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147).

- Các tội mua bán người:

Nhóm tội này gồm: Tội mua bán người (chủ yếu là tội mua bán phụ nữ, trẻ em); Tội mua bán người dưới 16 tuổi; Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi; Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi; Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người.

Theo PGS.TS. Trần Văn Luyện và các cộng sự (2018), đây là “Tội xâm phạm đến sức khỏe con người, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể con người” [5]. Thực tế hiện nay ở nước ta, lợi dụng nhu cầu của những bệnh nhân cần thay thế mô bộ phận cơ thể, trong xã hội đã xuất hiện những nhóm người môi giới, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người. Điển hình như

ngày 31/01/2019 Cục Cảnh sát hình sự Bộ Công an triệt phá đường dây buôn bán nội tạng người với quy mô xuyên quốc gia, bắt giữ 05 đối tượng do Tôn Nữ Thị Huyền cầm đầu (chỉ tính từ tháng 5/2017 đến tháng 01/2019 các đối tượng chủ yếu hoạt động mua bán thận, mỗi lần bán thận thành công các đối tượng thu số tiền giao động từ 15.000 đến 17.000 USD).

Theo BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam, các tội mua bán người gồm: Tội mua bán người (Điều 119), Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120). Đến BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung và quy định rõ thêm một số tội danh mua bán người, gồm: Tội mua bán người (Điều 150), Tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151), Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152), Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi (Điều 153), Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154).

- Các tội làm nhục người khác:

Nhóm tội này gồm: Tội làm nhục người khác; Tội vu khống; Tội hành hạ người khác.

Theo PGS.TS. Trần Văn Luyện và các cộng sự (2018), “Hành vi phạm tội hành hạ người khác xâm phạm đến quyền được bảo hộ về thân thể, sức khỏe, uy tín, danh dự, nhân phẩm của người bị lệ thuộc”. [5]

Theo BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam, các tội làm nhục người khác gồm: Tội hành hạ người khác (Điều 110), Tội làm nhục người khác (Điều 121), Tội vu khống (Điều 122); đến BLHS 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiếp tục quy định các tội danh này tại Điều 140, Điều 155 và Điều 156.

- Nhóm tội khác như: Tội lây truyền HIV cho người khác; Tội cố ý truyền HIV cho người khác; Tội chống người thi hành công vụ.

Các hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác làm tổn thương đến sức khỏe của người khác, bên cạnh đó, các hành vi phạm tội này còn làm ảnh hưởng đến tinh thần của nạn nhân. Trên thực tế, nạn nhân của những hành vi phạm tội này sẽ bị nhiễm HIV, vì thế họ mang tâm lý mặc cảm, lo sợ người khác kỳ thị; khi bị cộng đồng, tập thể, gia đình phát hiện HIV, bản thân nạn nhân khó chứng minh bản thân là nạn nhân của các hành vi phạm tội trên mà thường bị quy chụp là “vi phạm các tệ nạn xã hội” (như quan hệ tình dục với người hành nghề mại dâm hoặc sử dụng ma túy). Chính những hệ lụy của hành vi phạm tội này đã làm cho nạn nhân ảnh hưởng nghiêm trọng đến DDNP của bản thân họ. Chính vì thế, theo PGS.TS. Trần Văn Luyện và các cộng sự (2018), hành vi phạm tội lây truyền HIV cho người khác và cố ý truyền HIV cho người khác “cũng làm ảnh hưởng đến nhân phẩm danh dự con người” [5]. Cùng với đó, hành vi chống người thi hành công vụ không những xâm phạm đến hoạt động quản lý xã hội nói chung và hoạt động quản lý hành chính nói riêng của cơ quan Nhà nước và nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của cán bộ trực tiếp thi hành nhiệm vụ. Do đó, tội lây truyền HIV cho người khác; tội cố ý truyền HIV cho người khác và tội chống người thi hành công vụ vẫn được xếp vào nhóm các tội xâm phạm DDNP của con người.

3. Nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội danh dự, nhân phẩm

Để phòng ngừa có hiệu quả tội phạm đòi hỏi các cơ quan chức năng phải xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm xây dựng chiến lược

phòng ngừa phù hợp. Những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm hiện nay bao gồm:

+ Sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường, bên cạnh những mặt ưu điểm cũng bộc lộ nhiều mặt trái trở thành những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm, đó là:

* Hình thành lối sống hưởng thụ xa hoa, trụy lạc của một bộ phận người trong xã hội.

* Đã làm xuống cấp nhiều mặt về văn hoá, đạo đức, lối sống làm mất đi truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

* Đẩy mạnh tốc độ phân tầng xã hội, tạo ra sự phân hoá giàu nghèo sâu sắc, một bộ phận giàu lên nhanh chóng trong đó có một số người làm giàu bất chính từ đó dẫn đến phạm tội, mặt khác không ít người không có tư liệu sản xuất phải ra thành phố, thị xã làm thuê kiếm sống bị tác động bởi những hiện tượng tiêu cực dễ dẫn đến phạm tội.

+ Tác động trực tiếp, toàn diện của những hiện tượng xã hội tiêu cực do chế độ cũ để lại:

* Hậu quả của chế độ thực dân, đế quốc cùng với chiến tranh kéo dài trong nhiều năm đã phá hoại cơ sở vật chất, hình thành lối sống hưởng thụ, tư tưởng tham lam, ích kỉ, sa đọa trụy lạc trong một bộ phận nhân dân.

* Tư tưởng trọng nam, coi thường phụ nữ ; những tác động tiêu cực, tàn dư của chế độ xã hội cũ còn tồn tại lâu dài tác động vào đời sống xã hội làm nảy sinh các hiện tượng tiêu cực trong đó có tội phạm.

+ Sự thâm nhập ảnh hưởng của tội phạm, tệ nạn xã hội của các quốc gia khác.

+ Những sơ hở, thiếu sót trong các mặt công tác quản lí của Nhà nước, các cấp, các ngành bao gồm : sơ hở thiếu sót trong quản lí con người, quản lí văn hoá, quản lí nghề nghiệp kinh doanh...

+ Những thiếu sót trong giáo dục đạo đức, lối sống, nâng cao trình độ văn hoá của người dân.

+ Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện, việc thực thi pháp luật kém hiệu quả, một số chính sách về kinh tế, xã hội chậm đổi mới tạo sơ hở cho tội phạm hoạt động phát triển. Sự chậm đổi mới chủ trương chính sách về kinh tế xã hội và pháp luật đã bộc lộ những sơ hở khiến cho một số đối tượng lợi dụng để hoạt động phạm tội.

+ Công tác đấu tranh chống tội phạm của các cơ quan chức năng nói chung và của ngành công an nói riêng còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót; thể hiện trên các mặt:

* Trình độ nghiệp vụ, pháp luật của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến hữu khuynh né tránh, thậm chí có một số cán bộ biến chất, tiếp tay cho tội phạm, buông lỏng công tác đấu tranh trấn áp tội phạm.

* Mọi quan hệ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa thực sự đồng bộ, thiếu thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, giáo dục, cải tạo phạm nhân. Hoạt động trao đổi thông tin giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật còn chưa tốt.

* Số vụ phát hiện, điều tra ít hơn so với thực tế tội phạm xảy ra, tội phạm ẩn còn nhiều.

* Hoạt động điều tra, xử lí tội phạm chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao, xử lí chưa nghiêm minh.

* Hệ thống tổ chức bộ máy, phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và trong nội bộ từng cơ quan chưa thực sự khoa học, hiệu quả vận hành chưa cao.

+ Công tác quản lý Nhà nước về an ninh trật tự còn bộc lộ nhiều sơ hở. Công tác giáo dục cải tạo chưa xoá bỏ được tư tưởng phạm tội của các đối tượng, số đối tượng phạm tội trở lại còn nhiều.

+ Phong trào quần chúng tham gia đấu tranh chống tội phạm ở một số nơi chưa thực sự mạnh mẽ, chưa hiệu quả. Chưa phát huy được sức mạnh của quần chúng trong công tác giáo dục, cải tạo và tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội.

II. NHẬN THỨC VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM XÂM PHẠM DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC

1. Khái niệm phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

Phòng ngừa tội phạm là việc các cơ quan của Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều biện pháp nhằm khắc phục những nguyên nhân, *điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế và làm giảm từng bước, tiến tới loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.*

- Phòng ngừa tội phạm là phương hướng chính, là tư tưởng chỉ đạo trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng ngừa không để tội phạm xảy ra.

- Phòng ngừa mang ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc, làm tốt công tác phòng ngừa giúp giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của xã hội, tính mạng, sức khoẻ, danh dự, phẩm giá của mọi người dân.

- Làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm mang ý nghĩa kinh tế sâu sắc, tiết kiệm ngân sách Nhà nước, sức lao động của các nhân viên Nhà nước, của công dân trong các hoạt động điều tra truy tố xét xử và giáo dục cải tạo người phạm tội, cũng như trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến tội phạm.

Phòng, chống tội phạm được tiến hành theo hai hướng cơ bản sau :

+ Hướng thứ nhất : Phát hiện, khắc phục, hạn chế và đi đến thủ tiêu các hiện tượng xã hội tiêu cực là những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội và phạm tội cụ thể. Đây là hướng mang tính cơ bản, chiến lược và lâu dài.

+ Hướng thứ hai : Hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả, tác hại khi tội phạm xảy ra. Đây cũng là một hướng quan trọng không thể xem nhẹ, bởi trong thực tế những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh, phát triển tội phạm vẫn tồn tại, hoạt động phòng ngừa tội phạm còn bộc lộ nhiều khiếm khuyết nên tội phạm vẫn xảy ra. Hướng này đòi hỏi các cơ quan chức năng phối hợp kịp thời phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, cải tạo người phạm tội trở thành người công dân lương thiện.

- Phòng chống tội phạm mang tính đồng bộ, hệ thống và có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và các công dân.

Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là khắc phục, thủ tiêu các nguyên nhân, điều kiện của tình trạng phạm tội nhằm ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội.

2. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

- *Chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm*

+ *Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp.* Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp tiến hành phòng ngừa tội phạm trên các phương diện sau:

* Chủ động, kịp thời ban hành các đạo luật, nghị quyết, các văn bản pháp lí về phòng chống tội phạm, từng bước hoàn thiện pháp luật, làm cơ sở cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, mỗi công dân làm tốt công tác phòng chống tội phạm.

* Thành lập các uỷ ban, các tiểu ban giúp cho Quốc hội soạn thảo ban hành các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh chống tội phạm nói chung (Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, Pháp luật, uỷ ban quốc phòng an ninh).

* Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ pháp luật trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của các cơ quan chức năng, các tổ chức xã hội.

* Hội đồng nhân dân địa phương ra các Nghị quyết về phòng chống tội phạm ở địa phương mình.

+ **Chính phủ và uỷ ban nhân dân các cấp.** Chức năng chính của Chính phủ và Uỷ ban nhân dân các cấp trong phòng chống tội phạm là quản lí, điều hành, phối hợp, đảm bảo các điều kiện cần thiết, thể hiện:

* Cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành những văn bản pháp quy hướng dẫn, tổ chức các lực lượng phòng chống tội phạm.

* Sử dụng các cơ quan chuyên trách của Chính phủ tiến hành hoạt động phòng chống tội phạm : Công an, Viện kiểm sát, Toà án.

* Phối hợp tiến hành đồng bộ hoạt động giữa các chủ thể khác nhau thuộc cấp mình quản lí theo kế hoạch thống nhất.

* Đảm bảo các điều kiện vật chất cho hoạt động phòng chống tội phạm : ngân sách, phương tiện, điều kiện làm việc.

* Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ và phối hợp điều chỉnh hoạt động phòng chống tội phạm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

* Đề ra các biện pháp nhằm động viên, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia hoạt động phòng chống tội phạm : khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

* Các cơ quan quản lí kinh tế, văn hoá, giáo dục, dịch vụ, du lịch trong phạm vi tổ chức hoạt động chuyên môn.

* Phát hiện những nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh phát triển tội phạm thuộc lĩnh vực mình quản lí.

* Đề ra những quy định thích hợp, tham mưu cho Nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách đúng đắn góp phần khắc phục những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

* Xây dựng và tổ chức thực hiện các phương án phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cơ quan có hiệu quả.

* Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, làm tốt công tác phòng chống trong nội bộ, ngoài xã hội theo chương trình chung của Chính phủ.

+ *Các tổ chức xã hội, các tổ chức quần chúng tự quản*

Các tổ chức đoàn thể trên giữ vị trí vô cùng quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, cụ thể:

* Phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương, các cơ quan chuyên môn soạn thảo, tham gia kế hoạch phòng ngừa tội phạm.

* Tuyên truyền cho hội viên thấy được tính chất, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nâng cao ý thức cảnh giác.

* Trực tiếp huy động các hội viên tham gia chương trình phòng chống tội phạm của Chính phủ trong phạm vi địa phương, nội bộ hiệp hội của mình.

+ *Các cơ quan bảo vệ pháp luật: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án*

Nghiên cứu, phân tích tình trạng phạm tội, xác định chính xác những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm, soạn thảo đề xuất các biện pháp phòng chống thích hợp.

Sử dụng các biện pháp luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng, trực tiếp tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

Đối với lực lượng công an phải trực tiếp tổ chức, triển khai các hoạt động phòng ngừa tội phạm theo hai hướng: Tham gia phòng ngừa xã hội (phòng ngừa chung) và trực tiếp tiến hành toàn diện hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ, điều tra tội phạm.

Viện kiểm sát: Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các hoạt động điều tra, xét xử, thi hành án, giam giữ, giáo dục, cải tạo phạm nhân, giữ quyền công tố.

Tòa án các cấp: Thông qua hoạt động xét xử các vụ án đảm bảo công minh, đúng pháp luật; phát hiện những nguyên nhân, điều kiện của tội phạm để Chính phủ, các ngành, các cấp kịp thời có biện pháp ngăn chặn, loại trừ.

Bộ Tư pháp trực tiếp tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có liên quan đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, khắc phục những sơ hở thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện của tội phạm.

+ *Công dân*

Công dân có nghĩa vụ và quyền lợi trong sự nghiệp bảo vệ an ninh trật tự. Công dân với tư cách là chủ thể trong phòng chống tội phạm phải quán triệt:

* Thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của công dân đã được quy định trong Hiến pháp, tích cực tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm.

* Tích cực, chủ động phát hiện mọi hoạt động của tội phạm và thông báo cho các cơ quan chức năng.

* Tham gia nhiệt tình vào công tác giáo dục, cảm hoá các đối tượng có liên quan đến hoạt động phạm tội tại cộng đồng dân cư.

* Phối hợp tham gia, giúp đỡ các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội thực hiện tốt “Chiến lược quốc gia phòng chống tội phạm”. Thực hiện tốt các phong trào: “Toàn dân tham gia phòng chống tội phạm, tố giác tội phạm, cảm hoá giáo dục người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư”, làm tốt công tác tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội khi trở về địa phương.

* Trực tiếp làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm ngay trong phạm vi gia đình (quản lý, giáo dục các thành viên trong gia đình).

- Nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

* Nguyên tắc pháp chế: Mọi hoạt động phòng ngừa tội phạm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, các công dân phải hợp hiến và hợp pháp.

* Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa: mọi cơ quan tổ chức công dân đều có thể tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm và nhà nước phải tạo mọi điều kiện cho các chủ thể tham gia hoạt động phòng ngừa tội phạm được phát huy mọi nguồn lực trong xã hội vào việc phòng ngừa tội phạm.

* Nguyên tắc nhân đạo trong phòng ngừa: các biện pháp phòng ngừa tội phạm không được hạ thấp danh dự nhân phẩm con người mà phải nhằm khôi phục con người và tạo điều kiện để con người phát triển.

* Nguyên tắc khoa học và tiên bộ trong phòng ngừa: các biện pháp phòng ngừa tội phạm phải được xây dựng trên cơ sở khoa học, các thành tựu khoa học

nhất định, phải ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ trong việc xây dựng các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm luôn phải đảm bảo cho mọi người có cơ hội phát triển bình đẳng, không được phân biệt chủng tộc, tôn giáo, giới tính, thái độ chính trị.

* Nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể trong công tác phòng ngừa tội phạm: mỗi chủ thể khi tham gia phòng ngừa tội phạm trong phạm vi và nhiệm vụ phòng ngừa ở từng địa phương, từng ngành mà mình quản lý đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với các chủ thể khác để có thể thực hiện 1 cách tốt nhất hoạt động phòng ngừa tội phạm.

* Nguyên tắc cụ thể hóa trong phòng ngừa tội phạm: biện pháp phòng ngừa tội phạm luôn được nhận thức rõ ràng, chứa đựng các giải pháp khả thi và phù hợp với điều kiện đặc thù về phòng chống tội phạm ở mỗi địa phương mỗi ngành mỗi lĩnh vực.

3. Nội dung hoạt động phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm

- Tổ chức tiến hành các hoạt động phòng ngừa tội phạm.

+ Đổi mới và hoàn thiện thể chế, chính sách kinh tế, xã hội góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm

Gắn việc hoạch định, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế, xã hội với công tác phòng, chống tội phạm, khắc phục sơ hở, thiếu sót mà tội phạm có thể lợi dụng hoạt động. Đặc biệt trong quá trình hoạch định, thực hiện các chính sách kinh tế như: Góp vốn, cho vay vốn đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, các dự án đầu tư của nước ngoài, chính sách tái cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp, cổ phần hóa doanh nghiệp cần công khai, minh bạch, có giám sát chặt chẽ của cơ quan tài chính, kiểm toán để tránh tình trạng tài sản nhà nước bị thất thoát; cần có cơ chế, chính sách quản lý chặt chẽ hoạt động của các ngân hàng thương mại; thị trường vốn; thị trường chứng khoán, bất động sản; đổi mới các chính sách tạm nhập, tái xuất; chính sách về thuế, chính sách quản lý đất đai... Nghiên cứu đổi mới các chính sách xã hội liên quan đến phòng, chống tội phạm, như: Chính sách giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, chính sách giáo dục, cảm hóa người làm lỗi. Ban hành quy định việc thẩm định về bảo đảm yêu cầu an ninh, trật tự đối với các dự án phát triển kinh tế, xã hội trọng Điểm quốc gia.

Tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh, nhất là kiến thức về phòng, chống tội phạm cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy; coi trọng giáo dục đạo đức, pháp luật, văn hóa, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp, đưa chương trình giáo dục phòng, chống tội phạm vào các nhà trường. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tập trung nghiên cứu dự báo, luật hóa kịp thời các hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện. Xây dựng, ban hành kịp thời văn bản hướng dẫn thi hành sau khi các luật, bộ luật có hiệu lực.

Hoàn thiện chế độ, chính sách đặc thù đối với các cán bộ kiêm nhiệm và những người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia công tác phòng, chống tội phạm.

+ Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc

Đổi mới về nội dung, hình thức, biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong từng thời kỳ; tập trung xây dựng và củng cố phong trào ở các địa bàn trọng điểm, chiến lược, vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, vùng biên giới, biển đảo, khu công nghiệp và các thành phố lớn; lồng ghép với các cuộc vận động, phong trào thi đua, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Ban, ngành, đoàn thể và địa phương; gắn kết thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, kịp thời phát hiện, giải quyết ngay tại cơ sở các vấn đề có liên quan đến lợi ích chính đáng của người dân, hạn chế không để xảy ra “Điểm nóng” trong cộng đồng dân cư, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thường xuyên cải tiến hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trách nhiệm của nhân dân về phòng, chống tội phạm: Kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền, vừa rộng rãi, vừa mở đợt tập trung, vừa tuyên truyền cá biệt; tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc họp của tổ chức Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị, trường học, tổ dân phố, cụm dân cư. Chú trọng hình thức tuyên truyền, vận động cá biệt đối với các đối tượng có nguy cơ phạm tội, tái phạm và tại các địa bàn trọng điểm về trật tự, an toàn xã hội. Thành lập trang thông tin điện tử phong trào toàn dân bảo vệ an ninh, trật tự.

Đẩy mạnh công tác xây dựng mô hình, nhân điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chú trọng phát triển và nâng cao chất lượng các mô hình tổ chức quần chúng tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh, trật tự ngay từ gia đình, cộng đồng dân cư, trong từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhà trường; thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nhân rộng mô hình có hiệu quả cao, nghiên cứu xây dựng những mô hình mới phù hợp với tình hình đặc điểm từng địa bàn. Tổ chức cho nhân dân, cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên ký cam kết xây dựng khu dân cư, xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường “An toàn về an ninh, trật tự”. Kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, có chính sách thỏa đáng đối với những trường hợp bị thương, hy sinh hoặc thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống tội phạm.

Tăng cường nguồn lực cho công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách, nhất là các lực lượng Công an xã, Dân quân tự vệ, Bảo vệ dân phố, Bảo vệ chuyên trách các cơ quan, doanh nghiệp; phát huy vai trò Bí thư chi bộ, Trưởng khu dân cư, Trưởng Ban công tác mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở, những người có uy tín trong dòng họ; dân tộc, tôn giáo, các vị chức sắc tiêu biểu, các điển hình... làm chỗ dựa cho nhân dân trong phòng, chống tội phạm ở cơ sở; đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất và Điều kiện bảo đảm phục vụ công tác xây dựng phong trào.

+ Quản lý, giáo dục cải tạo và tái hòa nhập cộng đồng đối với người phạm tội, vi phạm pháp luật và đối tượng có nguy cơ phạm tội.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giam giữ, quản lý, giáo dục cải tạo các loại đối tượng; tập trung giáo dục cá biệt đối với số phạm nhân thường xuyên vi phạm nội quy cơ sở giam giữ, giảm tỷ lệ phạm nhân cải tạo kém. Chủ động phát

hiện và chấn chỉnh kịp thời những sơ hở, thiếu sót trong công tác giam giữ, quản lý, giáo dục cải tạo và thực hiện chế độ, chính sách đối với các loại đối tượng giam giữ, quản lý không để phát sinh bức xúc, phản ứng tiêu cực, gây rối, chống đối tập thể, gây mất an ninh, an toàn cơ sở giam giữ, quản lý.

Chủ động thực hiện các biện pháp giúp phạm nhân chuẩn bị tái hòa nhập ngay trong quá trình chấp hành án, đồng thời thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục dạy nghề, truyền nghề, tạo việc làm cho phạm nhân, trại viên, học sinh. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án, người được tha tù trước thời hạn có Điều kiện.

Lồng ghép công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù với các chương trình, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội và công tác phòng, chống tội phạm ở từng địa phương. Cân đối, bố trí nguồn lực của Trung ương và các địa phương, nguồn lực xã hội bảo đảm thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù.

Xác định trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, hiệu quả phối hợp của các ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân trong quản lý và giám sát thi hành các hình phạt ngoài hình phạt tù, các đối tượng được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các đối tượng có nguy cơ phạm tội trên địa bàn.

+ Tăng cường hiệu lực công tác quản lý nhà nước về trật tự xã hội, tập trung quản lý nhà nước về cư trú, xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, xuất bản... Đổi mới phương thức quản lý một số ngành nghề kinh doanh có Điều kiện không để tội phạm lợi dụng hoạt động, nhất là dịch vụ cầm cố, thế chấp tài sản, vũ trường, quán bar, karaoke, game, bán hàng đa cấp... Tăng cường quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Đổi mới chính sách, biện pháp quản lý và xử lý đối với các hoạt động tệ nạn xã hội (mại dâm, cờ bạc, nghiện ma túy).

+ Đẩy mạnh hoạt động phòng ngừa nghiệp vụ

Chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các biện pháp công tác nghiệp vụ, đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác nắm tình hình, thống kê tội phạm, chủ động nắm diễn biến tình hình hoạt động của các loại tội phạm trên các tuyến, địa bàn, lĩnh vực trọng điểm; chủ động rà soát, lập hồ sơ quản lý đối với các đối tượng có dấu hiệu hoạt động phạm tội “đâm thuê, chém mướn”, “bảo kê”, “xiết nợ”, đòi nợ thuê, cho vay lãi nặng, cưỡng đoạt tài sản, tổ chức trái phép các hoạt động cờ bạc, cá độ thể thao, các hoạt động chuyển giá, sở hữu chéo, các hoạt động lợi dụng kinh doanh để phạm tội; các đường dây buôn lậu, mua bán và vận chuyển trái phép các chất ma túy lớn.

Kịp thời lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng và cơ sở chữa bệnh bắt buộc; quản lý chặt chẽ những người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã, người đang trong giai đoạn Điều tra, truy tố, xét xử.

Chú trọng bắt, vận động đầu thú đối tượng truy nã, tập trung số đối tượng nguy hiểm, đặc biệt nguy hiểm. Xây dựng, nâng cao chất lượng các hoạt động tuần tra kiểm soát kết hợp với các hoạt động nghiệp vụ chủ động phòng ngừa tội phạm trên các tuyến giao thông, các địa bàn trọng điểm, địa bàn đô thị và giáp ranh.

Đẩy mạnh hoạt động phòng ngừa tội phạm theo chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng trong Quân đội, Hải quan, Kiểm lâm, Thanh tra, Quản lý thị trường..., kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm; phát hiện những thiếu sót, sơ hở của chính sách, cơ chế quản lý nhà nước từ đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Phát huy vai trò của các lực lượng Cảnh sát biển, Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Công an, An ninh hàng không trong phối hợp tổ chức tuần tra, kiểm soát đường biên giới trên đất liền, trên biển, đảo, đường Bưu điện, đường Hàng không.

- *Tổ chức tiến hành các hoạt động phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm*

Xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch chuyên đề đấu tranh với các loại tội phạm nổi lên ở từng giai đoạn. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm bảo vệ an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa của đất nước.

Thường xuyên rà soát xác định các địa bàn trọng điểm về trật tự, an toàn xã hội để tập trung lực lượng chuyên hóa thành địa bàn không có tội phạm hoặc giảm tội phạm đến mức thấp nhất.

Nâng cao chất lượng công tác Điều tra, truy tố, xét xử tội phạm, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động trinh sát và hoạt động Điều tra tố tụng hình sự; không để lọt tội phạm; không làm oan người vô tội; đảm bảo Điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh, kịp thời những vụ án lớn, dư luận xã hội quan tâm; tăng cường xét xử lưu động để răn đe tội phạm và tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa Cơ quan Điều tra với Viện Kiểm sát, cơ quan Thanh tra của Chính phủ, Thanh tra của các Bộ, ngành, cơ quan thuế và Kiểm toán tập trung phát hiện, Điều tra xử lý các vụ án về kinh tế, chức vụ và tham nhũng; kịp thời xác minh, truy tìm tài sản bị chiếm đoạt, nâng cao tỷ lệ thu hồi tiền, tài sản bị chiếm đoạt.

Nghiên cứu xử lý, giải quyết thu hồi tài sản được thu giữ trong quá trình phát hiện, Điều tra, truy tố, xét xử có hiệu quả nhất, nhằm tránh hư hao, thất thoát, mất giá trị khi thanh lý, đấu giá làm giảm thu cho ngân sách nhà nước.

4. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm

Hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm được xác định ở hai mức độ khác nhau: Phòng ngừa chung (phòng ngừa xã hội) và phòng chống riêng (chuyên môn).

- Phòng ngừa chung là tổng hợp tất cả các biện pháp về chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, giáo dục.

- Phòng chống riêng (phòng và chống của lĩnh vực chuyên môn) là việc áp dụng các biện pháp mang tính đặc trưng, chuyên môn của từng ngành, từng lực lượng, trong đó có hoạt động của cơ quan công an với vai trò nòng cốt, xung kích.

Khi nghiên cứu các biện pháp phòng chống tội phạm có thể phân loại thành các hệ thống biện pháp phòng chống như sau:

+ Theo nội dung tác động của phòng ngừa tội phạm: Biện pháp kinh tế, biện pháp giáo dục, biện pháp tổ chức, biện pháp pháp luật.

+ Theo phạm vi, quy mô tác động của các biện pháp phòng chống tội phạm: Có các biện pháp trong một tỉnh, một thành phố, trên phạm vi cả quốc gia.

+ Theo phạm vi các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, xã hội, như: Phòng ngừa trong các khu vực: kinh tế, tuyến giao thông trọng điểm.

+ Theo phạm vi đối tượng tác động của biện pháp phòng chống tội phạm, có:

* Các biện pháp phòng chống tội phạm nói chung trong cả nước: Kinh tế, chính trị, giáo dục.

* Biện pháp phòng chống cá biệt: Đối với từng đối tượng phạm tội cụ thể.

- Theo chủ thể hoạt động phòng chống tội phạm:

+ Biện pháp của các cơ quan trực tiếp chỉ đạo và thực hiện chuyên môn phòng chống tội phạm: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án.

+ Biện pháp của các tổ chức xã hội: Đoàn thanh niên, hội phụ nữ.

+ Biện pháp của công dân.

5. Phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm trong nhà trường

- Trách nhiệm của nhà trường

Thực hiện đầy đủ chương trình phòng chống tội phạm xâm phạm danh dự, tính mạng trong nhà trường; tuyên truyền giáo dục các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm để cho sinh viên thấy được trách nhiệm của mình, của nhà trường trong đấu tranh phòng chống tội phạm danh dự, tính mạng, từ đó tự giác tham gia.

Xây dựng nhà trường trong sạch, lành mạnh không có các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và tội phạm.

Xây dựng quy chế quản lý sinh viên, quản lý kí túc xá, các tổ chức sinh viên tự quản, tổ thanh niên xung kích để tuần tra kiểm soát trong khu vực trường.

Tổ chức cho sinh viên tham gia kí kết không tham gia tệ nạn xã hội, không có hành vi hoạt động phạm tội.

Tổ chức cho sinh viên tham gia các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật Hình sự, phòng chống tệ nạn xã hội, tội phạm nói chung trong đó có tội phạm danh dự, tính mạng.

Phát động các phong trào trong nhà trường hưởng ứng các cuộc vận động toàn dân tham gia phòng chống tội phạm với nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường.

Phối hợp với lực lượng công an cơ sở trong rà soát phát hiện, cung cấp số sinh viên có biểu hiện nghi vấn hoạt động phạm tội để có biện pháp quản lý, giáo dục ; đấu tranh xoá bỏ các tụ điểm hoạt động tệ nạn xã hội ở khu vực xung quanh trường.

- Trách nhiệm của sinh viên

Không ngừng học tập nâng cao kiến thức, ý thức pháp luật và nội dung cơ bản nhất về phòng ngừa tội phạm. Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho mọi người.

Chấp hành nghiêm chỉnh những nội quy, quy định của nhà trường trong lĩnh vực học tập, sinh hoạt tập thể.

Trực tiếp tham gia các hoạt động phòng ngừa tội phạm, tham gia vào các tổ chức thanh niên xung kích tiến hành tuần tra, kiểm soát bảo vệ an ninh trật tự trong khu vực trường, lớp; phát hiện các hiện tượng tiêu cực có thể nảy sinh trong trường, lớp ; các quan hệ nam nữ không lành mạnh, các hành vi nghi vấn nghiện ma tuý, cờ bạc, chơi lô đề, cá cược bóng đá... có thể dẫn đến tội phạm nói chung và tội phạm danh dự, tính mạng.

Khi có vụ phạm tội xảy ra trong khu vực trường, lớp phát hiện và cung cấp cho cơ quan chức năng những thông tin có liên quan đến vụ việc phạm tội, người phạm tội; tùy theo từng điều kiện cụ thể của mỗi người mà có thể tham gia cộng tác giúp đỡ lực lượng công an một cách công khai hay bí mật.

CHUYÊN ĐỀ: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Nhận thức về pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

a. Khái niệm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước, bao gồm hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức, thực hiện hoạt động chấp hành và điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trên lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

b. Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là ý chí của Nhà nước để chỉ đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm TTATGT.

- Pháp luật về bảo đảm TTATGT là cơ sở, công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm TTATGT, TTATXH.

c. Nội dung cơ bản của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Các văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

- Các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan hành chính ở trung ương, địa phương, các cơ quan liên ngành, liên bộ ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

- Các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành ban hành có liên quan đến bảo đảm TTATGT.

2. Nhận thức về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

a. Khái niệm vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

Vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông có 2 dạng vi phạm: Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự (cấu thành các tội xâm phạm an toàn giao thông), cụ thể như sau:

- Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

- Các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ Luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông mà theo quy định của Bộ Luật hình sự phải bị xử lý hình sự.

b. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

+ Tính nguy hiểm cho xã hội.

+ Tính trái pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

+ Tính có lỗi.

+ Vi phạm hành chính xảy ra trong bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hành vi bị xử phạt hành chính.

- Các dấu hiệu pháp lý của tội phạm an toàn giao thông:

+ Khách thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

+ Mặt khách quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

+ Chủ thể của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

+ Mặt chủ quan của các tội phạm xâm phạm an toàn giao thông

c. Nguyên nhân, điều kiện của tình hình vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Quản lý nhà nước về hoạt động giao thông còn nhiều yếu kém, hạn chế.

- Sự không tương thích giữa các yếu tố cơ bản cấu thành hoạt động giao thông vận tải quốc gia.

- Tác động tiêu cực của các yếu tố thiên nhiên, môi trường đối với người tham gia giao thông.

II. NHẬN THỨC VỀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Khái niệm phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng nhiều hình thức, biện pháp hướng đến việc triệt tiêu các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm ngăn chặn, hạn chế làm giảm và từng bước loại trừ vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ra khỏi đời sống xã hội.

- Đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật, tiến hành tổng hợp các biện pháp theo quy định để chủ động nắm tình hình, phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức thực hiện, từ đó áp dụng các biện pháp xử lý tương ứng với mức độ của các hành vi vi phạm đó, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

2. Chủ thể và mối quan hệ phối hợp trong thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án).

- Các tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tự quản.

- Các cơ quan quản lý kinh tế, giao thông, văn hóa, giáo dục, dịch vụ, du lịch.

- Các Công dân.

3. Nội dung biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông

- Tham mưu, đề xuất với Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đề ra chủ trương, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương cụ thể.

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho người dân.

- Tổ chức phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, gắn với vận động thực hiện phong trào “Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc”, đảm bảo huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

- Tổ chức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng lực lượng theo quy định của pháp luật.

- Phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp tốt các ngành, các cấp, các lực lượng và các tổ chức xã hội trong việc thực hiện phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

4. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong nhà trường

- Trách nhiệm của nhà trường.

- Trách nhiệm của sinh viên.

CHUYÊN ĐỀ: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. NHẬN THỨC CHUNG VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Khái niệm, vai trò và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Khái niệm, vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường

- Khái niệm:

Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với phương châm lấy phòng ngừa và ngăn chặn làm nguyên tắc chủ đạo, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; phát huy năng lực nội sinh, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Để bảo vệ môi trường, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự buộc các cá nhân, tổ chức phải tuân thủ khi tham gia khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường như vai trò, trách nhiệm của các chủ thể; quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong việc khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường; quy định các biện pháp bảo vệ môi trường cũng như quy định các chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Theo đó, pháp luật về bảo vệ môi trường là hệ thống các văn bản pháp luật quy định những quy tắc xử sự do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

- Vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường

Pháp luật có vai trò rất quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Môi trường bị hủy hoại chủ yếu là do sự “tác động quá mức” của con người đối với các thành phần cấu tạo nên môi trường tự nhiên. Chính con người trong quá trình khai thác các yếu tố (thành phần) của môi trường đã làm mất sự cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm, suy thoái thậm chí hủy hoại môi trường. Vì vậy, muốn bảo vệ môi trường trước hết phải tác động đến con người bằng những chế tài nhất định. Pháp luật với tư cách là hệ thống các quy phạm điều chỉnh hành vi xử sự của con người sẽ có tác dụng rất lớn trong việc bảo vệ môi trường. Vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường được thể hiện qua những khía cạnh sau:

- *Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường.*

Môi trường vừa là điều kiện sống, vừa là đối tượng tác động hàng ngày của con người. Sự tác động đó làm thay đổi rất nhiều hiện trạng của môi trường theo chiều hướng làm suy thoái môi trường, chính vì lý do đó mà con người cần phải có ý thức trách nhiệm trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường có tính định hướng. Pháp luật với tư cách là công cụ điều tiết các hành vi của các thành viên trong xã hội có tác dụng rất to lớn trong việc định hướng quá

trình khai thác và sử dụng môi trường. Các chế định hay điều luật cụ thể quy định những quy tắc xử sự buộc mỗi cá nhân, tổ chức phải tuân theo những quy định đó.

- *Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường.*

Các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường này thực chất là những quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật (dựa trên các thông số môi trường cụ thể đất, nước, không khí,...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành bằng các văn bản pháp lý nên chúng trở thành tiêu chuẩn pháp lý (có tính bắt buộc áp dụng) mà các cá nhân, tổ chức trong xã hội phải tuân thủ nghiêm ngặt khi khai thác, sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường. Các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường là cơ sở pháp lý cho việc xác định có vi phạm pháp luật về môi trường hay không, đồng thời cũng là cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm về môi trường.

- *Pháp luật quy định các chế tài hình sự, kinh tế, hành chính, dân sự buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.*

Việc xây dựng và đưa ra các tiêu chuẩn để định hướng quá trình khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, trong thực tế không phải tất cả các quy tắc, các tiêu chuẩn được quy định đều được tuân thủ một cách nghiêm túc và triệt để. Quá trình tham gia khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường, con người thường có xu hướng vi phạm vào các tiêu chuẩn đó ở các mức độ khác nhau, tùy theo tính chất mức độ nhưng có xu hướng ngày càng đa dạng về hành vi, nghiêm trọng về hậu quả tác hại. nếu ở đó có sự hiện diện mâu thuẫn giữa nhu cầu bức bách của cuộc sống và yêu cầu bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, bằng các chế tài hình sự, hành chính, dân sự, kinh tế.. pháp luật đã tác động đến những hành vi vi phạm. Các chế tài này hoặc cách ly những kẻ vi phạm nguy hiểm ra khỏi đời sống xã hội (tội phạm) hoặc bị áp dụng những hậu quả vật chất, tinh thần đối với họ. Những chế tài này được sử dụng trong lĩnh vực BVMT vừa có tác dụng ngăn chặn các hành vi vi phạm vừa có tác dụng giáo dục công dân tôn trọng pháp luật BVMT.

- *Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường.*

Bảo vệ môi trường là một công việc rất khó khăn và phức tạp, các thành phần của môi trường rất phức tạp, có kết cấu đa dạng và phạm vi rộng mà một cơ quan, tổ chức hay cá nhân không thể bảo vệ hoặc kiểm soát được mà đòi hỏi phải có một hệ thống các cơ quan thích hợp. Pháp luật có tác dụng rất lớn trong việc tạo ra cơ chế hoạt động hiệu quả cho các tổ chức bảo vệ môi trường. Cụ thể là thông qua pháp luật, Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức trong công tác bảo vệ môi trường.

- *Giải quyết các tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường.*

Trong quá trình khai thác, sử dụng các thành phần của môi trường thì giữa các cá nhân, tổ chức có thể xảy ra những tranh chấp. Các tranh chấp đó có thể là giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với doanh nghiệp; giữa cá nhân, doanh nghiệp với Nhà nước... và pháp luật với tư cách là “hệ thống các quy phạm điều chỉnh hành vi xử sự” sẽ giải quyết các tranh chấp đó trên cơ sở những quy định đã được ban hành.

b. Quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường

- Pháp luật về tổ chức, quản lý các hoạt động bảo vệ môi trường
- + Hiến pháp (1980, 1992, 2013) quy định về công tác bảo vệ môi trường
- + Luật, Pháp lệnh quy định về bảo vệ môi trường
- + Nghị định, Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
- + Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp về công tác bảo vệ môi trường
- Pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
- + Xử lý hình sự
- + Xử lý vi phạm hành chính
- + Xử lý trách nhiệm dân sự trong bảo vệ môi trường

2. Khái niệm, dấu hiệu của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Khái niệm

Vi phạm pháp luật về môi trường là một loại vi phạm pháp luật nói chung. Hiện nay có nhiều quan điểm, góc độ tiếp cận khác nhau của các nhà khoa học khi nghiên cứu vi phạm pháp luật về môi trường. Tuy nhiên, dưới góc tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được tiếp cận bao gồm cả tội phạm về môi trường và vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường. Theo đó:

Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các thành phần của môi trường làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự.

Như vậy, tội phạm về môi trường trước hết phải là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có tác động tiêu cực và gây tổn hại ở mức độ đáng kể đến các yếu tố của môi trường, tài nguyên gây thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của con người, đến sự sống của động vật, thực vật sống trong môi trường đó.

Thứ hai, tội phạm về môi trường phải xâm hại đến các quan hệ được luật hình sự bảo vệ. Đó là sự trong sạch, tính tự nhiên của các thành phần môi trường, sự cân bằng sinh thái, tính đa dạng sinh học,... tạo nên điều kiện sống, tồn tại và phát triển của con người và sinh vật.

Ngoài ra, để phân biệt tội phạm về môi trường với các loại tội phạm khác cần dựa vào yếu tố môi trường. Sự khác biệt đó thể hiện, tội phạm về môi trường tác động đến các thành phần của môi trường dẫn đến làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường hoặc xâm phạm đến quyền con người được sống trong môi trường trong lành.

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.

b. Dấu hiệu vi phạm pháp luật về môi trường

- Dấu hiệu pháp lý của tội phạm về môi trường

Tội phạm về môi trường được quy định tại Chương 19 - Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) bao gồm 12 tội danh được quy định từ Điều 235 đến điều

246. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm về môi trường được thể hiện dưới 4 yếu tố cấu thành tội phạm sau đây:

+ Khách thể của tội phạm

Khách thể của các tội phạm về môi trường là sự xâm phạm vào các quy định của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường, xâm phạm vào sự trong sạch, tính tự nhiên của môi trường thiên nhiên vượt quá mức giới hạn cho phép, xâm phạm vào sự ổn định của môi trường sống gây ảnh hưởng hoặc làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của con người và các loài sinh vật.

Đối tượng tác động của các tội phạm về môi trường chủ yếu là các thành phần môi trường như đất, nước, không khí, hệ sinh thái, đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, các loài động vật, thực vật sống trong môi trường tự nhiên. Ngoài ra trong một số tội danh, đối tượng tác động của tội phạm về môi trường còn trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của con người hoặc gây thiệt hại về tài sản như Điều 237, Điều 238 BLHS hiện hành.

+ Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của các tội phạm về môi trường được thể hiện bởi những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động. Hầu hết các tội phạm về môi trường có cấu thành tội phạm (CTTP) vật chất.

Mặt khách quan của tội phạm về môi trường được thể hiện dưới các nhóm hành vi cụ thể sau:

* Nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường (quy định tại các điều 235, 236, 237, 239 - Bộ luật hình sự hiện hành): đây là các hành vi chôn, lấp, đổ, thải, xả thải trái pháp luật các chất thải ra môi trường (đất, nước, không khí,...); cho phép chôn, lấp, đổ, thải trái quy định của pháp luật về chất thải nguy hại; vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam.

* Nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên, môi trường (quy định tại các điều 238, 242, 243, 244, 245, 246 - Bộ luật hình sự hiện hành), bao gồm các hành vi:

Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238), bao gồm các hành vi: Xây nhà, công trình trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai; Làm hư hỏng công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; Khoan, đào thăm dò, khảo sát, khai thác đất, đá, cát sỏi, khoáng sản, nước dưới đất trái phép; Sử dụng chất nổ, gây nổ, gây cháy trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, trừ trường hợp có giấy phép hoặc trường hợp khẩn cấp do luật định; Vận hành hồ chứa nước không đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa; vận hành công trình phân lũ, làm chậm lũ không đúng với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật cho phép, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền.

Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242), bao gồm các hành vi:

Sử dụng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác, dòng điện hoặc các phương tiện, ngư cụ khác bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm hủy hoại nguồn lợi thủy sản.

Dùng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác, để khai thác thủy sản là hành vi dùng các loại bom, mìn, thủ pháo, bộc phá, lựu đạn, thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột, các chất hoá học vô cơ và hữu cơ để đánh bắt các loại thủy sản dưới nước như: dùng mìn ném xuống biển làm cho cá chết, dùng thuốc trừ sâu đổ xuống sông làm cho cá chết; Dùng dòng điện để khai thác thủy sản dùng dòng điện chạy qua nước để thủy sản bị điện giật chết như: dùng bình ắc quy cho dòng điện chạy qua nước làm cho cá bị điện giật chết; câu móc điện và cho dòng điện chạy qua nước để cá hoặc các loài thủy sản bị điện giật chết; Khi dùng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác hoặc dùng điện để đánh bắt thủy sản thường làm cho thủy sản chết hàng loạt không phân biệt loài nào, lớn hay bé, có thể có loài nặng hàng chục ki-lô-gam, có loài chỉ nhỏ như con tép không chỉ huỷ diệt nguồn thủy sản mà còn huỷ hoại cả môi trường thủy sản; Dùng các phương tiện, ngư cụ bị cấm để khai thác thủy sản tuy không gây ra sự huỷ diệt như dùng chất độc, chất nổ nhưng cũng gây tác hại lớn đối với nguồn lợi thủy sản như: Nhà nước quy định chỉ được dùng lưới có mắt lưới 20cmx20cm để đánh bắt cá ngoài khơi nhưng ngư dân đã dùng lưới vét (loại lưới có mắt nhỏ) để đánh bắt cả loài thủy sản nhỏ bé.

Khai thác thủy sản tại khu vực bị cấm, trong mùa sinh sản của một số loài hoặc vào thời gian khác mà pháp luật cấm. (Để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Nhà nước quy định một số khu vực cấm khai thác, cấm khai thác trong mùa sinh sản của một loài thủy sản hoặc cấm khai thác vào những thời gian nhất định. Nếu đã có lệnh cấm và biết đã bị cấm mà vẫn khai thác là vi phạm); Khai thác các loài thủy sản quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ (Cùng với các động vật quý hiếm bị cấm săn bắt, Nhà nước cũng quy định một số loài thủy sản không được khai thác vì đó là các loài thủy sản quý hiếm nằm trong danh mục cấm. Các loài thủy sản quý hiếm bị cấm khai thác do Chính phủ quy định ban hành kèm theo danh mục; nếu thủy sản mà ngư dân đánh bắt được ngoài biển là loài hiếm chưa thấy bao giờ nhưng Chính phủ chưa quy định đó là loài thủy sản quý hiếm bị cấm khai thác thì cũng không vi phạm);

Phá hoại nơi cư ngụ của các loài thủy sản quý hiếm được bảo vệ theo quy định của Chính phủ. (Bảo vệ nơi cư ngụ của các loài thủy sản quý hiếm cũng chính là bảo đảm cho loài thủy sản quý hiếm có điều kiện tồn tại và phát triển, phá hoại nơi cư ngụ của các loài thủy sản này cũng chính là hành vi huỷ hoại nguồn thủy sản); Vi phạm các quy định khác về bảo vệ nguồn lợi thủy sản (Vi phạm các quy định khác về bảo vệ nguồn lợi thủy sản là ngoài hành vi sử dụng chất độc, chất nổ, các hoá chất khác, dòng điện hoặc các phương tiện, ngư cụ khác bị cấm để khai thác thủy sản hoặc làm huỷ hoại nguồn lợi thủy sản; khai thác thủy sản tại khu vực bị cấm, trong mùa sinh sản của một số loài hoặc vào thời gian khác mà pháp luật cấm; khai thác các loài thủy sản quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ và phá hoại nơi cư ngụ của các loài thủy sản quý hiếm được bảo vệ theo quy định của Chính phủ, thì bất cứ hành vi nào khác mà huỷ hoại nguồn lợi thủy sản đều bị coi là hành vi phạm tội này).

Tội huỷ hoại rừng (Điều 243), bao gồm các hành vi: Đốt rừng là dùng lửa hoặc các hoá chất phát lửa làm cho rừng bị cháy, có thể cháy toàn bộ hoặc chỉ cháy một phần; Hành vi đốt rừng làm rẫy của đồng bào ở vùng cao nếu được chính quyền cho phép thì không coi là huỷ hoại rừng. Tuy nhiên, việc đốt rừng làm rẫy

cho đến nay hầu như không được phép; *Phá rừng* là chặt phá cây trong rừng hoặc khai thác tài nguyên của rừng không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép như: khai thác gỗ, khai thác các lâm sản trái phép.v.v...; *Hành vi khác hủy hoại rừng* là ngoài hai hành vi đốt rừng và phá rừng trái phép thì bất cứ hành vi nào làm cho rừng bị tàn phá đều là hủy hoại rừng như: dùng hoá chất độc phun hoặc rải xuống đất làm cho cây rừng bị chết khô, thả gia súc vào rừng mới trồng để gia súc phá hoại cây rừng v.v...

Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244): Cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một hoặc một số hành vi sau đây:

\ *Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;*

Săn bắt động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm là dùng các loại vũ khí hoặc phương tiện khác để bắt sống hoặc có thể bắn chết.

Giết là làm cho động vật nguy cấp, quý, hiếm hoang dã quý hiếm chết sau khi đã bắt được.

Nuôi, nhốt là việc đưa (mang) động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống đem đi giam cầm, nhốt giữ hoặc chăm nuôi mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoặc cho phép nuôi, nhốt.

Vận chuyển động vật nguy cấp, quý, hiếm là hành vi dịch chuyển động vật hoang dã quý hiếm từ này sang nơi khác bằng bất cứ phương tiện gì, không bao gồm hành vi buôn bán; nếu người buôn bán động vật hoang dã quý hiếm đồng thời vận chuyển động vật đó thì chỉ coi là buôn bán.

Buôn bán trái phép động vật nguy cấp, quý, hiếm là mua để bán động vật hoang dã quý hiếm nhằm thu lợi nhuận. Nếu săn bắt được động vật hoang dã quý hiếm rồi bán lại cho người khác thì không coi là buôn bán.

\ *Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này;*

Tàng trữ là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật nguy cấp, quý, hiếm.

\ *Ngà voi có khối lượng từ 02 kilôgam đến dưới 20 kilôgam; sừng tê giác có khối lượng từ 0,05 kilôgam đến dưới 01 kilôgam;*

\ *Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể động vật lớp khác*

\ *Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm c khoản này;*

\ *Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoặc tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật có số lượng dưới mức quy định tại các điểm c, d và đ khoản này nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*

- Nhóm các hành vi làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm (quy định tại các điều 240, 241- Bộ luật hình sự hiện hành): bao gồm các hành vi cụ thể như làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người là hành vi đưa ra hoặc cho phép đưa ra khỏi vùng có dịch bệnh động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác có khả năng lây truyền dịch bệnh nguy hiểm cho người; đưa vào hoặc cho phép đưa vào lãnh thổ Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh nguy hiểm có khả năng lây truyền cho người hoặc có hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người. (Dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người là những bệnh có khả năng lây lan nhanh chóng từ người này sang người khác tại cộng đồng dân cư và được thể hiện qua các triệu chứng như gây chết người nhanh chóng hoặc chết người hàng loạt hoặc những căn bệnh có khả năng gây tổn hại nặng cho sức khỏe người bị nhiễm bệnh hay khó chữa trị như các bệnh dịch, cúm, lao, bệnh lở mồm long móng, dịch tai xanh,...); Làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật là hành vi đưa vào hoặc mang ra khỏi khu vực hạn chế lưu thông động vật, thực vật, sản phẩm động vật, thực vật hoặc vật phẩm khác bị nhiễm bệnh hoặc mang mầm bệnh; đưa vào hoặc cho phép đưa vào Việt Nam động vật, thực vật hoặc sản phẩm động vật, thực vật thuộc đối tượng kiểm dịch mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch; hoặc có hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật.

+ Chủ thể của tội phạm

Về cá nhân, đa số các tội phạm về môi trường được thực hiện bởi chủ thể là bất kỳ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo qui định của Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó cũng có tội phạm được thực hiện bởi chủ thể đặc biệt là người có chức vụ quyền hạn.

Về pháp nhân thương mại phải đảm bảo các quy định: được thành lập hợp pháp theo quy định của Bộ luật dân sự, luật khác có liên quan; có cơ cấu tổ chức theo quy định của bộ luật dân sự; có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập; có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện: Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại; chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại Bộ luật Hình sự.

+ Mặt chủ quan của tội phạm

Các tội phạm về môi trường được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý hoặc vô ý. Hầu hết tội phạm về môi trường thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lỗi cố ý. Có nghĩa là chủ thể thực hiện tội phạm nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và sẽ gây ra hậu quả nhất định cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện hành vi. Động cơ, mục đích phạm tội đa dạng, nhưng không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của các tội phạm về môi trường.

- Dấu hiệu của vi phạm hành chính về môi trường

+ Về chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Bao gồm các cá nhân hoặc tổ chức có đủ điều kiện về chủ thể.

Đối với cá nhân, người vi phạm phải có khả năng nhận thức và điều khiển

hành vi, đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật.

Đối với tổ chức vi phạm phải có tư cách pháp nhân, nghĩa là các tổ chức này được thành lập hợp pháp, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản độc lập đó, đồng thời được nhân danh mình tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

+ Về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

* Hành vi vi phạm các quy định về cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường;

* Hành vi gây ô nhiễm môi trường; Hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải;

* Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học;

* Hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch và khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;

* Hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;

* Hành vi vi phạm về đa dạng sinh học bao gồm: Bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên;

* Hành vi vi phạm các quy định về Bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật và bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền;

* Hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, kiểm tra, phối hợp thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính;

* Các vi phạm quy định khác về bảo vệ môi trường.

+ Hình thức lỗi: Các chủ thể thực hiện hành vi vi phạm bởi lỗi cố ý hoặc vô ý. Tuy nhiên, vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường chủ yếu được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Các tổ chức, cá nhân nhận thức được hành vi của mình xâm phạm đến môi trường nhưng vẫn cố ý thực hiện.

+ Hình thức xử lý: Hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hành chính bao gồm phạt tiền, cảnh cáo, tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính khác.

3. Nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về môi trường

a. Nguyên nhân, điều kiện khách quan

Sự phát triển “quá nhanh” và “nóng” của kinh tế - xã hội không tính đến yếu tố bảo vệ môi trường của các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội là một trong những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm môi trường và là mảnh đất tốt để tội phạm môi trường phát triển.

- Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành nhiều chính sách ưu đãi để phát triển kinh tế mà không quan tâm đến bảo vệ môi trường.

Đất nước ta trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm thu hút đầu tư với nhiều chính sách ưu đãi, nhập khẩu máy móc, phương tiện, thiết bị phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhưng công tác

kiểm tra, kiểm soát và quản lý xuất nhập khẩu chưa chặt chẽ để các đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về môi trường.

Việc mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tạo điều kiện phát triển cho các ngành công nghiệp, khai thác khoáng sản, xuất nhập khẩu, sản xuất hàng hóa sẽ có điều kiện phát triển, song cũng sẽ phải đối mặt với một thách thức đó là các hành vi gây ô nhiễm, huỷ hoại môi trường, khai thác cạn kiệt tài nguyên môi trường, vi phạm các chế độ về BVMT, đặc biệt đối với các hành vi vận chuyển chất thải nguy hại, phóng xạ trái phép qua biên giới, xả thải không qua xử lý ra môi trường... với tính chất, mức độ ngày càng phức tạp và đa dạng. Các doanh nghiệp nước ngoài sẽ lợi dụng những hạn chế trong công tác quản lý môi trường, sơ hở của pháp luật, thiếu kinh nghiệm, non kém về kiến thức khoa học - kỹ thuật hoặc lợi dụng những cán bộ thoái hóa biến chất ký cấp phép các dự án mà không chú trọng các cam kết bảo vệ môi trường.

- Áp lực tăng trưởng kinh tế, các cơ quan ở địa phương mới chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế trước mắt, chưa chú trọng đúng mức đến công tác bảo vệ môi trường, thậm chí nhận thức không đầy đủ về công tác BVMT đã kêu gọi đầu tư dàn trải, cấp phép kinh doanh ồ ạt, không quan tâm đến việc thẩm định ảnh hưởng của các dự án đối với môi trường. Bên cạnh đó, việc giải quyết “mâu thuẫn” giữa phát triển tăng trưởng kinh tế, đảm bảo công ăn việc làm, an sinh xã hội với công tác BVMT là một “bài toán” hết sức nan giải chưa thể giải quyết một sớm một chiều đối với nhiều cấp, nhiều ngành.

- Công tác quản lý nhà nước về môi trường

Việc phân định chức năng quản lý nhà nước và phân công trách nhiệm giữa các Bộ, ban ngành trong công tác bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ các thành phần môi trường nói riêng còn chồng chéo, trùng lắp về chức năng nhiệm vụ hoặc mỗi một Bộ lại quản lý một khâu, một hoạt động nên việc thống nhất quản lý xuyên suốt có sơ hở, để cho các đối tượng lợi dụng thực hiện tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường. Một số bất cập công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường:

- + Quản lý nhà nước đối với nước thải
- + Quản lý nhà nước đối với chất thải rắn (CTR)
- + Quản lý nhà nước đối với môi trường không khí
- + Thẩm định công nghệ môi trường
- + Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường

- Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu và chưa đồng bộ

Văn bản pháp luật về môi trường hiện nay đang trong giai đoạn xây dựng, bổ sung và hoàn thiện. Hệ thống các văn bản pháp luật về môi trường hiện nay “vừa thiếu lại vừa thừa”. Thiếu những văn bản pháp quy mang tính thống nhất và có hiệu lực cao. Nhiều văn bản pháp luật còn chồng chéo, trùng lắp. Trong khi đó, thiếu các Thông tư hướng dẫn thực hiện dẫn đến khó khăn cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ.

b. Nguyên nhân, điều kiện chủ quan

- Nhận thức của một số bộ phận các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường chưa cao, ý thức BVMT của các cơ quan, doanh nghiệp và công dân còn kém, chưa tự giác, vấn đề bảo vệ môi trường chưa được quan tâm chú trọng đúng mức. Chính quyền các cấp, các ngành chỉ chú trọng phát triển kinh tế chưa coi trọng công tác bảo vệ môi trường; thực hiện các biện pháp thu hút đầu tư, cấp phép

dự án nhưng chưa quan tâm chỉ đạo thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường, đầu tư hệ thống hạ tầng đảm bảo cho công tác xử lý chất thải, rác thải.

- Các cơ quan chức năng chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đây là những thiếu sót thuộc về chủ quan của các ngành, các cấp trong toàn xã hội dẫn đến vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có điều kiện còn tồn tại và phát triển.

+ Trước hết đó là những tồn tại, thiếu sót của lực lượng trực tiếp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đội ngũ cán bộ chiến sỹ trực tiếp đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn thiếu, chưa đủ biên chế ở các cấp Công an, dẫn đến công tác quản lý địa bàn, quản lý đối tượng có điều kiện, khả năng phạm tội về môi trường còn có những thiếu sót, bất cập, một số địa bàn còn bỏ trống, đối tượng đi đâu, làm gì chưa nắm bắt. Vì vậy, dẫn đến các hành vi vi phạm hành chính về môi trường ngay từ ban đầu còn chưa kịp thời phát hiện, giải quyết triệt để đã trở thành tội phạm.

Bên cạnh đó, một số cán bộ trong lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn yếu về năng lực nghiệp vụ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác phòng, chống tội phạm môi trường thời kỳ hội nhập, thời kỳ CNH-HĐH. Phần lớn cán bộ trong lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn thiếu các kiến thức chuyên sâu về môi trường, đặc biệt là trong các lĩnh vực quản lý môi trường, công nghệ môi trường, xử lý chất thải. Một số được tuyển dụng từ ngành ngoài vào, có kiến thức về môi trường song lại hạn chế về năng lực nghiệp vụ, dẫn đến những bất cập trong phát hiện, xử lý các hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật về môi trường.

Công tác quản lý địa bàn, lĩnh vực trọng điểm, quản lý đối tượng có biểu hiện vi phạm pháp luật về môi trường của lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn chưa tốt. Các đối tượng có biểu hiện vi phạm pháp luật về môi trường còn có điều kiện để lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm.

Trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho lực lượng trực tiếp đấu tranh phòng, chống còn chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tiễn của công tác đấu tranh đòi hỏi như về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ phương tiện công tác cũng các điều kiện làm việc chưa được đảm bảo... đây là các điều kiện yếu tố có tác động trực tiếp đến sự tồn tại, phát sinh, phát triển của các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường trong giai đoạn hiện nay.

+ Các cơ quan chức năng có liên quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường như: Bộ Tài nguyên & Môi trường, Hải quan, Kiểm lâm, quản lý thị trường, Thanh tra của ngành y tế, xây dựng,... còn chưa làm hết chức năng của mình trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, còn cho đó là nhiệm vụ của cơ quan Công an, chưa phát huy hết trách nhiệm của mình trong phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường.

+ Công tác phối hợp giữa các lực lượng trong phòng, chống tội phạm về môi trường còn chưa tốt, chưa xây dựng được cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, việc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chưa đồng bộ, chưa thường xuyên.

Những tồn tại, thiếu sót nêu trên của các cơ quan chức năng là những điều kiện thuận lợi cho tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường tồn tại và phát triển. Do đó, cần chăm lo xây dựng lực lượng chuyên trách đấu tranh phòng, chống vi

phạm pháp luật về môi trường vững mạnh, giỏi về pháp luật, tinh thông về nghiệp vụ chuyên môn, có mối quan hệ chặt chẽ với các lực lượng có liên quan sẽ có ý nghĩa quan trọng trong công tác phòng ngừa, phát hiện và ngăn chặn tội phạm, vi phạm pháp luật khác về môi trường, góp phần quan trọng vào công tác đảm bảo an ninh trật tự và phát triển bền vững của đất nước.

c. Nguyên nhân thuộc về phía đối tượng vi phạm

Vi phạm pháp luật về môi trường nói chung phần lớn đều có động cơ, mục đích tư lợi cá nhân, đặc biệt là đối tượng phạm tội về môi trường. Hầu hết các tội phạm cụ thể trong lĩnh vực môi trường đều có động cơ, mục đích vụ lợi, đều nhằm mục đích thu lợi bất chính về kinh tế. Các đối tượng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong từng lĩnh vực cụ thể nhằm mục đích làm sao để kiếm được nhiều lợi nhuận nhất và chi phí bỏ ra ít nhất như trong các lĩnh vực gây ô nhiễm, suy thoái môi trường. Phần lớn các đối tượng đều biết song do chi phí cho xử lý chất thải thường tốn kém nên giá thành sản phẩm sẽ cao, không cạnh tranh được trên thị trường nên các đối tượng không đầu tư, chấp nhận bị xử phạt còn rẻ hơn là đầu tư xử lý chất thải.

Ý thức coi thường pháp luật, sống thiếu kỷ cương không tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực xã hội cùng với việc ý thức sai lệch về cách thỏa mãn nhu cầu cá nhân là yếu tố chủ quan dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các đối tượng. Do đó, việc tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho mọi người về công tác bảo vệ môi trường, về ý thức tuân thủ pháp luật cũng như những chuẩn mực của cuộc sống sẽ góp phần quan trọng vào phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay.

II. NHẬN THỨC VỀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Khái niệm, đặc điểm

a. Khái niệm

Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả tội phạm và vi phạm hành chính) là thuật ngữ được sử dụng tương đối phổ biến trong xã hội, được nhìn nhận và đánh giá từ nhiều góc độ, phạm vi khác nhau. Nhưng nhìn chung nó hàm chứa các nội dung liên quan đến các biện pháp nhằm loại trừ các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường; phát hiện, ngăn chặn tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường cũng như tiến hành điều tra, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường nhằm hạn chế hậu quả tác hại do các hành vi này gây ra cho xã hội. Dưới góc độ tội phạm học, phòng ngừa tội phạm và khoa học điều tra hình sự (tiếp cận dưới góc độ nhiều chủ thể tham gia) thì: *Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp, phương tiện nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; khi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra thì hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả tác hại, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.*

Từ nhận thức như trên có thể thấy: phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cũng có đặc trưng chung của hoạt động phòng, chống các loại tội phạm, vi phạm pháp luật khác nói chung, đó là tiến hành có hệ thống các biện pháp nhằm ngăn chặn, hạn chế không để vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra, đảm bảo môi trường không bị ô nhiễm, suy thoái, đồng thời đảm bảo kịp thời các hoạt động điều tra, xử lý người có hành vi phạm tội hoặc vi phạm hành chính để giáo dục, cải tạo họ tiến bộ, trở thành công dân có ích cho xã hội, tôn trọng pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa.

Chủ thể tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là cơ quan, tổ chức xã hội và mọi công dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công sẽ tác động vào các yếu tố làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường để kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn không để cho tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra cũng như tiến hành các biện pháp điều tra, xử lý để răn đe, giáo dục và cảm hóa họ trở thành người có ích cho xã hội.

b. Đặc điểm

- Chủ thể tiến hành tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất đa dạng. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tiến hành các hoạt động phòng ngừa cũng như điều tra, xử lý phù hợp.

- Biện pháp tiến hành phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ, có sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp phòng ngừa (phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn) với các biện pháp điều tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường (cả tội phạm và vi phạm hành chính).

- Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan trực tiếp đến việc sử dụng các công cụ phương tiện nghiệp vụ và ứng dụng tiến bộ của khoa học công nghệ.

- Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể tham trên cơ sở chức năng, quyền hạn được phân công.

2. Nội dung, biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

- Nắm tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nghiên cứu làm rõ những vấn đề có tính quy luật trong hoạt động vi phạm pháp luật của các đối tượng.

Trong phạm vi nhiệm vụ, các cơ quan chuyên môn cần nắm vững:

+ Số vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra trong từng thời gian (từng quý, năm) trên từng địa bàn cụ thể gắn với lĩnh vực công tác chuyên môn;

+ Các loại vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra phổ biến (tội phạm ha vi phạm hành chính; các hành vi vi phạm cụ thể về gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại tài nguyên, môi trường, làm lây lan dịch bệnh,...);

+ Lĩnh vực xảy ra nhiều là những lĩnh vực nào;

+ Đối tượng gây ra các vụ vi phạm thuộc loại người nào trong xã hội quốc tịch, dân tộc (nhân thân của đối tượng); các pháp nhân thương mại nào là chủ yếu (công ty cổ phần, công ty TNHH, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có đăng ký pháp nhân,...)

+ Phương thức, thủ đoạn hoạt động; Hậu quả, tác hại gây ra cho xã hội và cho nhân dân...

- Xác định và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Tiến hành nghiên cứu tìm ra những nguyên nhân, điều kiện của tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay và nguyên nhân, điều kiện của từng loại vi phạm cụ thể, từng vụ việc vi phạm cụ thể. Xác định rõ các nguyên nhân và điều kiện thuộc ngành nào, lĩnh vực nào cụ thể. Trên cơ sở đó, cần kiến nghị với các ngành, các cấp và trực tiếp tiến hành bịt kín những sơ hở thiếu sót, những hiện tượng tiêu cực làm phát sinh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng các kế hoạch, biện pháp, các giải pháp chủ động hạn chế các nguyên nhân, khắc phục các điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nội dung này đòi hỏi các cơ quan, tổ chức phải xây dựng các phương án, các kế hoạch cụ thể, những giải pháp đề phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong đó phải xác định rõ những công việc phải làm trước mắt, những việc phải làm lâu dài, các lực lượng tham gia hỗ trợ, các biện pháp cụ thể sẽ sử dụng,...

- Tổ chức lực lượng tiến hành các hoạt động khắc phục các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm về môi trường, từng bước kiểm chế, đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đây là nội dung cụ thể đòi hỏi các lực lượng, cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện các phương án, kế hoạch đã đề ra. Huy động sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, các đoàn thể, các tổ chức quần chúng tham gia vào cuộc đấu tranh. Trong đó lực lượng Công an là lực lượng chủ công, nòng cốt, xung kích sử dụng đồng bộ các biện pháp bao gồm các biện pháp chung của toàn xã hội và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn của mình để đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực xã hội là nguyên nhân nảy sinh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở từng lĩnh vực, trên từng địa bàn nhằm hạn chế sự gia tăng tội phạm về môi trường, tiến tới loại trừ vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ra khỏi đời sống xã hội trong tương lai.

- Tiến hành các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Khi tội phạm về môi trường xảy ra, căn cứ vào tính chất mức độ, mức độ của hành vi phạm tội mà các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án,...) sẽ tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Đối với các vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường tùy theo cơ quan chuyên môn nào phát hiện (Công an, Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường, Hải Quan, Kiểm lâm,...) sẽ tiến hành xử lý hành chính theo thẩm quyền.

b. Biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

- Các biện pháp phòng, chống chung:

+ Biện pháp tổ chức - hành chính: Xây dựng, hoàn thiện cơ cấu tổ chức các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, các chủ thể tham gia bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực các cơ quan nhà nước, đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong bảo vệ môi trường; thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường...;

+ Biện pháp kinh tế: Biện pháp này chủ yếu dùng các lợi ích vật chất để kích thích chủ thể thực hiện những hoạt động có lợi cho môi trường, bảo vệ môi trường và ngược lại xử lý, hạn chế lợi ích kinh tế của chủ thể vi phạm;

+ Biện pháp khoa học - công nghệ: Là ứng dụng các biện pháp khoa học công nghệ vào giải quyết những vấn đề môi trường;

+ Biện pháp tuyên truyền, giáo dục: là giáo dục, tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường;

+ Biện pháp pháp luật là biện pháp xây dựng các quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện, áp dụng pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến việc bảo vệ môi trường.

- Các biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cụ thể:

+ Tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan, ban ngành có liên quan trong đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tham mưu là một chức năng quan trọng của các cơ quan, tổ chức khi tham gia các hoạt động nói chung. Trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các lực lượng có liên quan tới hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường mà các cơ quan, tổ chức sẽ có các hoạt động tham mưu cụ thể khác nhau, nội dung, phương pháp khác nhau. Nhìn chung, hoạt động tham mưu của các chủ thể bao gồm:

* Tham mưu về nội dung của công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như trong việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội, phát triển bền vững gắn với công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo cho sự trong lành của môi trường sống, an sinh xã hội. Thể hiện ở các phương diện như: tham mưu cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản pháp luật về môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường. Trong đó, tập trung nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, đoàn thể và của công dân trong công tác bảo vệ môi trường; những khuyến cáo cần thực hiện trong đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Tham mưu cho các cơ quan chức năng có liên quan về phương pháp, cách thức tổ chức các hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, theo chức năng nhiệm vụ của ngành đó như: cách thức tổ chức các hoạt động phòng ngừa, phương pháp huy động lực lượng, phương tiện tham gia vào công tác phòng chống, các hình thức phát động quần chúng tham gia vào phòng, chống... gắn với việc thực hiện các phong trào, công tác chuyên môn của các cơ quan ban ngành đó.

+ Phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành các hoạt động tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Đây là một hoạt động mang tính xã hội và mang tính chiến lược cơ bản, lâu dài có ý nghĩa quan trọng trong biện pháp phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Chỉ khi nào quần chúng trong xã hội tự giác tham gia vào các hoạt động phòng, chống cụ thể thì khi đó hiệu quả của công tác phòng ngừa cũng như điều tra khám phá tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường mới được nâng cao, đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu đề ra. Để thực hiện tốt nội dung nêu trên các lực lượng có liên quan làm tốt những nội dung cụ thể sau:

* Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về ý thức trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Trên cơ sở đó đề xuất quần chúng nhân dân tự giác tham gia vào phòng ngừa và đấu tranh.

* Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân thấy được hậu quả trước mắt cũng như lâu dài do các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên gây ra cho xã hội và cho nhân dân, những ảnh hưởng nặng nề cho đời sống xã hội hiện tại và tương lai. Trên cơ sở đó để quần chúng nhân dân không có các hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Tuyên truyền cho mọi người trong xã hội thấy được phương thức thủ đoạn hoạt động của tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, để quần chúng nhân dân cảnh giác không bị lôi kéo vào các hoạt động phạm tội; chủ động phát hiện và báo cho cơ quan chức năng (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm lâm, Hải quan,...) biết các hành vi vi phạm, đối tượng nghi vấn có liên quan đến tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường, có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

* Tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nắm được những kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường và phòng, chống tội phạm về môi trường.

Về hình thức tuyên truyền, lực lượng Cảnh sát môi trường có thể trực tiếp tiến hành các hoạt động tuyên truyền thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề hoặc qua các hội nghị. Hình thức về chuyên đề bảo vệ môi trường có thể phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, các loại báo viết, ... hoặc thông qua nhà trường để có các nội dung tuyên truyền phù hợp; có sự phối hợp với các cơ quan văn hóa trong kẻ vẽ pano, áp phích. Hoặc tiến hành sân khấu hóa các nội dung cần tuyên truyền. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về môi trường cho các thành viên trong xã hội. Tùy theo từng đối tượng cụ thể mà có các nội dung tuyên truyền, hình thức tuyên truyền cho phù hợp.

+ Phối hợp với các lực lượng, các ngành có liên quan để vận động quần chúng tham gia tích cực vào hoạt động phòng, chống tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường và bảo vệ môi trường.

Tội phạm và vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường đều là các hiện tượng tiêu cực xã hội, có nguyên nhân phát sinh bởi các nhân tố tiêu cực ngay trong xã hội. Vì vậy, để đấu tranh loại trừ hiện tượng tiêu cực xã hội này cần phải huy động được đông đảo lực lượng của toàn xã hội tham gia. Muốn vậy, các cơ quan chuyên môn cần làm tốt công tác vận động quần chúng, tổ chức cho quần chúng tham gia một cách tự giác vào các tổ chức phù hợp để đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội về bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ môi trường.

Nội dung tổ chức vận động quần chúng tham gia tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm về môi trường bao gồm:

* Tổ chức cho quần chúng tham gia vào các tổ chức xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi người, mỗi vùng để thông qua đó vận động quần chúng tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường, có các hành vi xâm hại đến môi trường.

* Vận động quần chúng tham gia phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật, phạm tội về bảo vệ môi trường cho cơ quan công an và các cơ quan chức năng để có biện pháp ngăn chặn, xử lý.

* Vận động quần chúng tham gia vào việc quản lý, giám sát, giáo dục các đối tượng có điều kiện, khả năng, có biểu hiện nghi vấn phạm tội về môi trường, tác động để các đối tượng từ bỏ ý định phạm tội về môi trường trở thành người có ích cho xã hội.

* Vận động, tổ chức cho quần chúng tham gia trực tiếp vào công tác đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật và phạm tội về môi trường phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi người như: Tham gia vào công tác kiểm điểm, giáo dục đối tượng, ngăn chặn hành vi phạm tội về môi trường.

Về hình thức tổ chức vận động quần chúng:

Phối hợp với các lực lượng có liên quan vận động quần chúng tham gia vào các hoạt động phòng ngừa tội phạm môi trường ở tại địa bàn cơ sở, nơi cư trú, cam kết thi đua giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, cam kết không vi phạm pháp luật về môi trường. Sử dụng những người có uy tín trong dòng họ, thôn xóm, khu phố, già làng, trưởng bản... để vận động quần chúng nhân dân ở địa bàn cơ sở tham gia vào công tác bảo vệ môi trường và đấu tranh chống các hành vi phạm tội, vi phạm pháp luật về môi trường.

Tổ chức cho quần chúng tham gia vào các tổ chức xã hội phù hợp như: Tổ dân phố, các câu lạc bộ, các tổ chức của các học sinh trong các nhà trường để thực hiện các hoạt động: xây dựng khu phố văn minh, đường phố, thôn xóm xanh, sạch, đẹp... góp phần bảo vệ môi trường.

Sử dụng những người có uy tín để cảm hóa, giáo dục các đối tượng trong diện quản lý, tổ chức cho quần chúng tham gia kiểm điểm, giáo dục các đối tượng vi phạm; tổ chức tái hòa nhập cộng đồng cho các đối tượng phạm tội, vi phạm pháp luật về môi trường đi cơ sở giáo dục, trại cải tạo trở về địa phương.

Phối hợp với lực lượng có liên quan xây dựng lực lượng nòng cốt ở cơ sở (thôn xóm, khối phố, bản làng) để thực hiện nhiệm vụ xung kích trong bảo vệ môi trường ở địa bàn cơ sở, giáo dục đối tượng thuộc diện giáo dục ở cơ sở, vận động đối tượng phạm tội về môi trường ra đầu thú, ngăn chặn các hành vi xâm hại trực tiếp đến môi trường.

Việc tổ chức vận động quần chúng tham gia vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, bảo vệ môi trường phải được tiến hành một cách thường xuyên, phải được lồng ghép vào việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đặc biệt là phải gắn giữa phát triển bền vững với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó phải căn cứ vào từng đối tượng cụ thể để có các hình thức tổ chức vận động cụ thể phù hợp với điều kiện cụ thể của quần chúng, có như vậy mới phát huy được hiệu quả công tác vận động quần chúng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường.

+ Sử dụng các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn để phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Các cơ quan chuyên môn như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Thanh tra chuyên ngành, Kiểm Lâm, Hải Quan, Quản lý Thị trường,... trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để tiến các hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường một cách hiệu quả.

3. Chủ thể và quan hệ phối hợp trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Chủ thể tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Phòng ngừa tội phạm và VPPL khác về môi trường là một bộ phận của công tác BVMT có liên quan tới nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Do vậy, hoạt động này không phải là trách nhiệm của riêng một cơ quan hay tổ chức nào mà là trách nhiệm của toàn xã hội.

Trong Hiến pháp 2013, tại Điều 43, quy định: “Mọi người cảnh sát quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”; cũng tại Điều 63, khẳng định: “*Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại*”. Khoản 1, Điều 4, Luật BVMT 2014 quy định: “*Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ mọi của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân*”. Do vậy, để công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường đạt kết quả đòi hỏi phải có sự chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, sự tham gia, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng của các cấp, các ngành và toàn xã hội, trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các chủ thể. Theo đó, các chủ thể có trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như sau:

- Đảng lãnh đạo Nhà nước, các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân tham gia vào phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thông qua việc hoạch định các chủ trương, chính sách, ban hành các văn bản hướng dẫn, nghị quyết, chỉ thị. Đảng lãnh đạo trực tiếp, nhiều mặt đối với các cơ quan trực tiếp phòng, chống tội phạm về môi trường như Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân...; Kiểm tra, giám sát, kịp thời uốn nắn nhằm khắc phục những sai sót, tồn tại, bất cập của công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp: Là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước và từng địa phương. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật, ban hành các Pháp lệnh, Nghị quyết về công tác bảo vệ môi trường trong đó có công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp: Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thống nhất quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước, ban hành các Nghị định, Nghị quyết, Quyết định,... về công tác bảo vệ môi trường. Trực tiếp tiến hành:

+ Chỉ đạo và phân công, phân cấp cụ thể cho các Bộ, Ngành, các cơ quan đoàn thể xã hội trong phòng ngừa tội phạm và VPPL về BVMT;

+ Đề ra các chế độ, chính sách, cung cấp kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tổ chức tiến hành hoạt động phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- + Sử dụng các cơ quan chuyên trách trực thuộc phạm vi quản lý tiến hành các hoạt động phòng, chống tội phạm về môi trường (Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, ...);
- + Chỉ đạo tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường của các cơ quan do mình quản lý, kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cả về tổ chức và các văn bản đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm;
- + Có chính sách, biện pháp nhằm động viên, huy động sức mạnh toàn dân tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường...
- Nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và môi trường: Bộ Tài nguyên và môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực, ban hành hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia làm tiêu chuẩn đánh giá, xác định môi trường phục vụ công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường, trình Chính phủ quyết định chính sách, chiến lược, kế hoạch quốc gia về bảo vệ môi trường; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Nhiệm vụ của Bộ Xây dựng: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động xây dựng cơ bản, xử lý chất thải rắn trong phạm vi trách nhiệm quản lý.
- Nhiệm vụ của Bộ Y tế: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, ban hành quy chế quản lý chất thải y tế; công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế.
- Nhiệm vụ của Bộ Thông tin truyền thông: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Bộ phối hợp với các ngành liên quan thống nhất nội dung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục phòng, chống tội phạm và VPPL khác về bảo vệ môi trường nói riêng và công tác bảo vệ môi trường nói chung.
- Bộ Tư pháp: Bộ Tư pháp nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về BVMT trong lĩnh vực y tế, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, vững chắc phục vụ công tác phòng ngừa VPPL môi trường.
- Bộ Tài chính: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi trách nhiệm được phân công. Trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn Tổng cục Hải Quan kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam có biểu hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và công dân: Các tổ chức xã hội gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên như Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Phụ nữ, ... là cơ sở chính trị vững chắc của Nhà nước có vị trí quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường nói chung, trong phòng, chống tội phạm và VPPL khác về môi trường nói riêng. Những tổ chức này phối hợp, hỗ trợ cho chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên trách soạn thảo, tham gia xây dựng kế hoạch phòng, chống tội phạm và VPPL khác về môi trường; trực tiếp tham gia thực hiện công tác phòng ngừa và tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, VPPL khác về môi trường.

- Trách nhiệm hộ gia đình và công dân: thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ công dân đã được Hiến pháp, pháp luật quy định về công tác bảo vệ môi trường; chủ động phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tham gia cảm hoá giáo dục người phạm tội, giáo dục các thành viên trong gia đình mình có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ môi trường...; tích cực hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan Nhà nước, cơ quan bảo vệ pháp luật trong phát hiện, điều tra, xử lý các tội phạm về môi trường cũng như các hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường...

- Các cơ quan bảo vệ pháp luật (Công an, Viện kiểm sát, Toà án,...): cần chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm về môi trường, tham mưu cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp, kịp thời để phòng ngừa tội phạm, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể là:

+ Nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình trạng tội phạm và VPPL khác về môi trường; xác định nguyên nhân, điều kiện của nó, từ đó tham mưu, đề xuất, kiến nghị trong việc hoạch định các chính sách, áp dụng các biện pháp hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có hiệu quả;

+ Sử dụng các biện pháp theo luật định và các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn theo chức năng cụ thể để trực tiếp tiến hành phòng, chống tội phạm về môi trường;

+ Làm lực lượng nòng cốt, xung kích trong việc phối hợp, hướng dẫn các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng và nhân dân trong quá trình phòng, chống tội phạm về môi trường;

Theo quy định thì Bộ Công an có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và các VPPL khác về BVMT; phối hợp xây dựng các văn bản pháp luật về phòng ngừa tội phạm và BVMT; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục sự cố môi trường; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác BVMT trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý.

Trong các cơ quan bảo vệ pháp luật thì lực lượng CAND là lực lượng chính, tham gia trực tiếp, toàn diện vào phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Là lực lượng nòng cốt, xung kích trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân trong quá trình truy tố, xét xử phát hiện ra nguyên nhân điều kiện của tội phạm về môi trường, từ đó đề xuất các giải pháp khắc phục; phối hợp với lực lượng Công an trong điều tra, truy tố, xét xử, giáo dục, cảm hoá người phạm tội về môi trường.

b. Quan hệ phối hợp giữa các chủ thể trong phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, các chủ thể tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường thường phối hợp trên các nội dung cơ bản sau:

- Tham mưu, đề xuất trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với công tác bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản pháp luật, các nội quy, quy định, thiết chế về bảo vệ môi trường cũng như phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn, từng thời kỳ;

- Tổ chức chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện các chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Tổ chức và phối hợp tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; tiến hành vận động quần chúng tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Phối hợp trong công tác nắm tình hình, trao đổi thông tin về tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật khác về môi trường; trong kiểm tra, xác minh các thông tin; huy động lực lượng, phương tiện tham gia phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Phối hợp trong tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm; cảm hóa, giáo dục đối tượng phạm tội về môi trường,...
- Phối hợp tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm trong phòng, chống tội phạm và các VPPL về môi trường;
- Phối hợp trong các hoạt động hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường có yếu tố nước ngoài, xuyên quốc gia;
- Thực hiện các yêu cầu phối hợp khác khi được phân công.

4. Trách nhiệm phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường của các nhà trường

a. Trách nhiệm của nhà trường

- Tổ chức học tập, nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn như ngành Tài nguyên và Môi trường, Công an (Cảnh sát môi trường), Thông tin truyền thông,... tổ chức các buổi tuyên truyền, tọa đàm trao đổi, các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tham gia tích cực và hưởng ứng các chương trình, hành động về bảo vệ môi trường do Nhà nước, các Bộ ngành phát động;
- Xây dựng các phong trào bảo vệ môi trường như: “Vì môi trường xanh - sạch - đẹp”, “Phòng, chống rác thải nhựa”,... và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường trong nhà trường.
- Xây dựng đội tình nguyện vì môi trường, thành lập các câu lạc bộ vì môi trường và tiến hành thu gom, xử lý chất thải theo quy định (rác thải, nước thải,...).

b. Trách nhiệm của sinh viên

- Nắm vững các quy định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Xây dựng ý thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (nước, năng lượng,...);
- Tham ra tích cực trong các phong trào về bảo vệ môi trường.
- Xây dựng văn hóa ứng xử, ý thức trách nhiệm với môi trường như sống thân thiện với môi trường xung quanh; tích cực trồng cây xanh; hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân để bảo vệ môi trường không khí; tham gia thu gom rác thải tại nơi sinh sống và học tập.